

HƯỚNG DẪN ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT

Môn Lịch sử (Chương trình 2018)

Phần 1: LỊCH SỬ 12

Chủ đề 1: THẾ GIỚI TRONG VÀ SAU CHIẾN TRANH LẠNH

A. Kiến thức cơ bản

1. Liên hợp quốc

* *Bối cảnh lịch sử*

- Vào giai đoạn cuối của Chiến tranh thế giới thứ hai, các nước Đồng minh nhận thấy cần phải hợp tác để tiêu diệt Chủ nghĩa phát xít.

- Nhu cầu xác lập một tổ chức quốc tế để duy trì hòa bình và trật tự thế giới sau chiến tranh.

* *Quá trình hình thành*

- 12/6/1941 Tại Luân Đôn Anh các nước Đồng minh ra bản tuyên bố cùng hợp tác trong cả chiến tranh và hòa bình.

- Từ 4/2 đến 11/2/1945, tại hội nghị I-an-ta (Liên Xô), Liên Xô, Mỹ, Anh thống nhất thành lập Liên Hợp Quốc.

- 24/11/1945, các nước thành viên phê chuẩn Hiến Chương, Liên hợp quốc chính thức thành lập.

* *Mục tiêu nguyên tắc hoạt động và vai trò của Liên hợp quốc*

Mục tiêu:

- Duy trì hòa bình an ninh thế giới.
- Thúc đẩy quan hệ hữu nghị giữa các quốc gia.
- Hợp tác quốc tế trong việc giải quyết các vấn đề về an ninh kinh tế xã hội .
- Trung tâm điều hòa hành động của các quốc gia nhằm đạt được những mục tiêu chung.

Nguyên tắc:

- Bình đẳng về chủ quyền của tất cả các thành viên.
- Tôn trọng các nghĩa vụ quốc tế và luật pháp quốc tế.
- Giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hòa bình .
- Không đe dọa bằng vũ lực hoặc sử dụng vũ lực trong quan hệ quốc tế .
- Tôn trọng toàn vẹn lãnh thổ và độc lập chính trị của các quốc gia.
- Không can thiệp vào công việc nội bộ của các quốc gia.

Vai trò:

- Duy trì hòa bình, an ninh quốc tế.

- Thúc đẩy phát triển.
- Đảm bảo quyền con người, phát triển văn hóa xã hội.

2. Trật tự thế giới trong Chiến tranh lạnh

Sự hình thành trật tự thế giới hai cực I-an-ta. nguyên nhân tác động của sự sụp đổ trật tự thế giới hai cực Ianta

Bối cảnh lịch sử :

- Đầu năm 1945, Chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn cuối, nhiều vấn đề cấp bách đặt ra cần giải quyết: nhanh chóng đánh bại chủ nghĩa phát xít; tổ chức lại thế giới sau chiến tranh; phân chia quyền lợi nước thắng trận

Sự hình thành trật tự thế giới hai cực I-an-ta:

- Từ 4/2 đến 11/2/1945, tại hội nghị I-an-ta(Liên Xô), Liên Xô, Mỹ, Anh Thống Nhất thành lập Liên hợp quốc

Sự tồn tại của trật tự thế giới hai cực I-an-ta:

- Giai đoạn từ năm 1945 đến đầu những năm 70 của thế kỉ XX: Trật tự thế giới hai cực I-an-ta xác lập và phát triển với sự đối đầu về tư tưởng, chính trị, kinh tế, quân sự,... giữa hai khối

- Giai đoạn đầu giai đoạn từ đầu những năm 70 của thế kỉ XX đến năm 1991: Trật tự thế giới hai cực I-an-ta xói mòn và đi đến sụp đổ. Sự tan rã của Liên Xô năm 1991 đã chính thức chấm dứt sự tồn tại của trật tự thế giới hai cực I-an-ta.

Nguyên nhân và tác động của sự sụp đổ trật tự thế giới hai cực I-an-ta:

- Nguyên nhân: chạy đua vũ trang gây tốn kém; thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc và sự ra đời của các phong trào quốc gia độc lập; xu thế hòa hoãn, toàn cầu hóa và ảnh hưởng của cách mạng Công nghiệp lần thứ ba; sự khủng hoảng rồi tan rã của Liên Xô

- Tác động: một trật tự thế giới mới dần hình thành theo xu thế đa cực; mở ra chiều hướng dễ giải quyết hòa bình trong các vụ tranh chấp, xung đột; tạo điều kiện cho các cường quốc mới nổi có vị trí, vai trò lớn hơn trong quan hệ quốc tế, ảnh hưởng đến vấn đề dân tộc bản sắc cộng đồng, tôn giáo,... ở nhiều khu vực, đặc biệt là châu Âu.

3. Trật tự thế giới sau Chiến tranh lạnh

Xu thế phát triển chính của thế giới sau chiến tranh lạnh

Xu thế đa cực, xu thế lấy phát triển kinh tế làm trung tâm, xu thế đối thoại hợp tác trong quan hệ quốc tế, xu thế toàn cầu hóa.

Xu thế đa cực trong quan hệ quốc tế :

- Khái niệm đa cực: là khái niệm chỉ trạng thái địa- chính trị toàn cầu với nhiều trung tâm quyền lực chi phối. trong trật tự đa cực, không có một trung tâm quyền lực thống trị, thay vào đó, nhiều quốc gia, khu vực tạo ra thế cân bằng về kinh tế, chính trị, quân sự toàn cầu

- Xu thế đa cực: đầu thế kỷ XXI trận tự thế giới từng bước chuyển sang xu thế đa cực, biểu hiện của xu thế này là:
- Mỹ bị suy giảm sức mạnh tương đối trong tương quan so sánh với các cường quốc khác.
- Các trung tâm quyền lực ngày càng vươn lên, khẳng định sức mạnh về kinh tế, quân sự, chính trị đối với thế giới
- Vai trò của các trung tâm tổ chức kinh tế tài chính quốc tế và khu vực ngày càng lớn.

B. Câu hỏi ôn luyện

Câu 1: Bối cảnh lịch sử nào sau đây dẫn đến sự hình thành Liên hợp quốc?

- A. Liên Xô và Mỹ thực hiện Chiến tranh lạnh.
- B. Chiến tranh thế giới thứ hai bắt đầu diễn ra ác liệt.
- C. Nhu cầu xác lập một tổ chức quốc tế nhằm duy trì hòa bình và trật tự thế giới sau chiến tranh.
- D. Các nước thắng trận trong chiến tranh thế giới thứ nhất phân chia phạm vi ảnh hưởng trên toàn cầu.

Câu 2: Quá trình hình thành Liên Hợp Quốc diễn ra trong khoảng thời gian nào sau đây?

- A. Từ năm 1941 đến năm 1943.
- B. Từ năm 1941 đến năm 1944.
- C. Từ năm 1941 đến năm 1945.
- D. Từ năm 1941 đến năm 1946.

Câu 3: Sự kiện nào sau đây năm 1941 là cơ sở cho việc hướng tới thành lập Liên hợp quốc?

- A. Tại Luân Đôn (Anh), các nước Đồng minh ra bản tuyên bố cam kết cùng hợp tác cả trong chiến tranh và hòa bình.
- B. Tại hội nghị I-an-ta ,Liên Xô, Mỹ, Anh thống nhất thành lập tổ chức Liên hợp quốc.
- C. Tại hội nghị Tê-hê-ran (I-ran) nguyên thủ các nước khẳng định quyết tâm thành lập một tổ chức quốc tế để duy trì hòa bình và an ninh.
- D. Tại Mát-xcơ- va (Liên Xô), chính phủ Liên Xô, Mỹ, Anh, Trung Hoa Dân Quốc kêu gọi sớm thành lập một tổ chức quốc tế để duy trì hòa bình và an ninh.

Câu 4: Sự kiện nào sau đây đánh dấu việc Liên hợp quốc chính thức được thành lập?

- A. Tháng 1/1942 đại diện các nước: Mỹ, Anh, Liên Xô, Trung Quốc và 22 nước khác ký bản tuyên bố Liên Hợp Quốc.
- B. Từ tháng 04 đến tháng 6 năm 1945 đại diện 50 nước thông qua Hiến Chương Liên hợp quốc.
- C. Ngày 24/10/1945 các nước thành viên phê chuẩn Hiến Chương Liên hợp quốc
- D. Tháng 2 năm 1945 ,Liên Xô, Mỹ, Anh thống Nhất thành lập Liên hợp quốc.

Câu 5: Đọc đoạn tư liệu sau đây, trong mỗi ý A, B, C, D, học sinh chọn đúng hoặc sai.

"Duy trì hoà bình và an ninh quốc tế, và để đạt được mục đích đó, thi hành những biện pháp tập thể có hiệu quả để phòng ngừa và loại trừ các mối đe dọa hoà bình, cấm mọi hành vi xâm lược và phá hoại hoà bình khác, điều chỉnh hoặc giải quyết các vụ tranh chấp hoặc những tình thế có tính chất quốc tế có thể đưa đến sự phá hoại hoà bình, bằng biện pháp hoà bình theo đúng nguyên tắc của công lí và pháp luật quốc tế.

(Trích: Điều 1, Hiến chương Liên hợp quốc, ngày 24-10-1945)

- A. Đoạn tư liệu thể hiện mục tiêu của Liên hợp quốc là duy trì hoà bình và an ninh quốc phòng cho tất cả các quốc gia.
- B. Một trong những mục tiêu của Liên hợp quốc là giải quyết các vụ tranh chấp quốc tế bằng pháp luật của các quốc gia.
- C. Trong số các mục tiêu của Liên hợp quốc, duy trì hoà bình và an ninh quốc tế là mục tiêu được đặt lên hàng đầu.
- D. Ngày nay, Liên hợp quốc vẫn tiếp tục thực hiện mục tiêu giải quyết các vụ tranh chấp, xung đột quốc tế bằng biện pháp hoà bình

Câu 6. Nội dung nào sau đây là mục tiêu hoạt động của Liên hợp quốc?

- A. Xây dựng một tổ chức Liên hợp quốc vững mạnh về quân sự và thịnh vượng về kinh tế.
- B. Hợp tác quốc tế trong việc giải quyết các vấn đề quốc tế về kinh tế, xã hội, văn hoá....
- C. Giải quyết thành công vấn đề an sinh, xã hội của từng quốc gia.
- D. Liên kết các quốc gia thành các trung tâm kinh tế - văn hoá.

Câu 7. Đọc đoạn tư liệu sau đây, trong mỗi ý A, B, C, D, học sinh chọn đúng hoặc sai.

"Tất cả các quốc gia thành viên Liên hợp quốc đều phải làm tròn những nghĩa vụ mà họ phải đảm nhận theo Hiến chương này để được bảo đảm hưởng toàn bộ các quyền và ưu đãi do tư cách thành viên mà có: Tất cả các thành viên của Liên hợp quốc giải quyết các tranh chấp quốc tế của họ bằng biện pháp hoà bình, sao cho không tổn hại đến hoà bình, an ninh quốc tế và công lí".

(Trích: Điều 2, Hiến chương Liên hợp quốc, ngày 24-10-1945)

- A. Đoạn tư liệu thể hiện mục tiêu hoạt động cơ bản của Liên hợp quốc là các quốc gia làm tròn nghĩa vụ đối với tổ chức này.
- B. Đoạn tư liệu cho thấy một trong những nguyên tắc hoạt động của Liên hợp quốc là các quốc gia thành viên thực hiện những nghĩa vụ đảm nhận theo Hiến chương Liên hợp quốc.
- C. Đoạn tư liệu là văn bản pháp lí giúp Liên hợp quốc ngăn chặn mọi xung đột giữa các thành viên từ khi tổ chức này thành lập.
- D. Mặc dù Liên hợp quốc có những nguyên tắc hoạt động chặt chẽ, nhưng hiện nay giữa một số quốc gia thành viên vẫn diễn ra chiến tranh, xung đột.

Câu 8. Đọc đoạn tư liệu sau đây, trong mỗi ý A, B, C, D, học sinh chọn đúng hoặc sai.

[Năm 1960] "Đại hội đồng Liên hợp quốc đã thông qua bản Tuyên ngôn về thủ tiêu hoàn toàn chủ nghĩa thực dân, trao trả độc lập cho các quốc gia và dân tộc thuộc địa. Đó là một sự kiện chính trị quan trọng. Như thế, Tuyên ngôn đã khẳng định các nước thực dân đã vi phạm nguyên tắc quan trọng nhất của luật pháp quốc tế; khẳng định rõ ràng cơ sở pháp lý quốc tế của cuộc đấu tranh giành độc lập của các dân tộc bị áp bức".

(Nguyễn Quốc Hùng, Nguyễn Hồng Quân, Liên hợp quốc và Lực lượng gìn giữ hoà bình Liên hợp quốc, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2008, tr.46)

- A. Liên hợp quốc đã đưa ra văn bản quan trọng nhằm thủ tiêu hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân trên thế giới.
- B. Bản Tuyên ngôn của Liên hợp quốc đã có tác động tiêu cực đến phong trào đấu tranh giải phóng ở các nước thuộc địa và phụ thuộc trên thế giới.
- C. Lực lượng gìn giữ hoà bình của Liên hợp quốc giúp tổ chức này thực thi nhiệm vụ bảo vệ nền hoà bình của các nước thuộc địa.
- D. Đây là một trong những văn bản quan trọng thể hiện vai trò và đóng góp của Liên hợp quốc vì sự tiến bộ của nhân loại. /

Câu 9. Liên hợp quốc có vai trò thúc đẩy phát triển hợp tác quốc tế về

- A. liên minh quân sự.
- B. xây dựng bản sắc văn hoá chung.
- C. thương mại, dịch vụ, du lịch, tình báo.
- D. kinh tế, tài chính, thương mại, khoa học, kỹ thuật.

Câu 10. Nội dung nào sau đây là vai trò của Liên hợp quốc về bảo đảm quyền con người, phát triển văn hoá, xã hội?

- A. Giảm lãi suất cho vay ở hầu hết các nước phát triển.
- B. Tăng cường bình đẳng giới và vị thế, năng lực của phụ nữ.
- C. Cải thiện năng lực công nghệ thông tin.
- D. Hoàn thành phổ cập giáo dục đại học.

Câu 11. Trật tự thế giới hai cực I-an-ta được hình thành trong bối cảnh nào sau đây?

- A. Các nước Đồng minh muốn nhanh chóng đánh bại hoàn toàn chủ nghĩa phát xít.
- B. Chiến tranh thế giới thứ hai đã kết thúc ở châu Á và châu Phi.
- C. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, các nước Đồng minh tổ chức lại thế giới.
- D. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, các nước Đồng minh phân chia quyền lợi.

Câu 12. Tháng 2-1945, tại thành phố I-an-ta (Liên Xô), ba cường quốc Liên Xô, Mỹ, Anh đã

- A. thành lập Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO).
- B. thành lập Hội Quốc liên để duy trì hoà bình và an ninh quốc tế.

C. thoả thuận về việc phân chia phạm vi ảnh hưởng giữa các nước lớn.

D. phân chia phạm vi ảnh hưởng của Mỹ và Liên Xô ở châu Phi

Câu 13. Tại Hội nghị 1-an-ta, theo thoả thuận của Liên Xô, Mỹ và các nước phương Tây, quân đội Liên Xô đóng quân ở khu vực nào sau đây?

A. Miền Tây nước Đức, Đông Béc-lin và các nước Đông Âu.

B. Miền Đông nước Đức, Đông Béc-lin và các nước Đông Âu.

C. Tây Béc-lin, Đông Béc-lin và các nước Đông Âu.

D. Vùng Tây Âu, Tây Béc-lin, và các nước Đông Âu.

Câu 14. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, vùng Tây Âu thuộc phạm vi ảnh hưởng của

A. Mỹ.

B. Liên Xô.

C. Pháp.

D. các nước phương Tây.

Câu 15. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, một trật tự thế giới mới được thiết lập, thường được gọi là

A. Trật tự thế giới đa cực.

B. Trật tự thế giới đơn cực.

C. Trật tự thế giới đơn cực I-an-ta.

D. Trật tự thế giới hai cực 1-an-ta.

Câu 16. Nội dung nào sau đây là mục tiêu của Mỹ khi phát động Chiến tranh lạnh (1947)?

A. Đàn áp phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa.

B. Chống lại các lực lượng khủng bố ở châu Âu.

C. Chống lại Liên Xô và các nước Đông Âu.

D. Thiết lập khối kinh tế ở các nước Đông Âu.

Câu 17. Nội dung nào sau đây là biểu hiện của Chiến tranh lạnh?

A. Các cuộc chiến tranh cục bộ diễn ra ở nhiều nơi.

B. Trung Quốc và Liên Xô chạy đua vũ trang.

C. Trung Quốc và Mỹ trở thành hai cực lớn nhất.

D. Mỹ phát triển trở thành một cực duy nhất.

Câu 18. Những năm 70 của thế kỉ XX, thế giới xuất hiện xu thế nào sau đây ảnh hưởng đến cục diện của Chiến tranh lạnh?

A. Đa quốc gia.

B. Hoà hoãn Đông - Tây.

C. Công nghiệp hoá.

D. Đơn cực.

Câu 19. Sự kiện nào sau đây chính thức chấm dứt sự tồn tại của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta?

A. Cuộc gặp giữa hai nhà lãnh đạo Liên Xô và Mỹ ở đảo Man-ta (1989).

B. Liên Xô và Mỹ kí Hiệp ước hạn chế vũ khí chiến lược (SALT I).

C. Sự tan rã của Liên Xô năm 1991.

D. Liên Xô và Mỹ suy yếu.

Câu 20. Cho bảng dữ kiện sau đây về nguyên nhân sự sụp đổ Trật tự thế giới hai cực I-an-ta, trong mỗi ý A, B, C, D, học sinh chọn đúng hoặc sai.

Nguyên nhân sụp đổ Trật tự thế giới hai cực I-an-ta	Chạy đua vũ trang khiến cả Liên Xô và Mỹ bị tổn kém, suy giảm thế mạnh kinh tế, buộc hai bên phải tự điều chỉnh, từng bước hạn chế căng thẳng.
	Sự vươn lên của các nước trên thế giới nhằm thoát khỏi ảnh hưởng của hai cực.
	Thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc và sự ra đời của hàng loạt các quốc gia độc lập.
	Sự thay đổi trong cán cân kinh tế thế giới, đặc biệt là sự nổi lên của Nhật Bản và các nước Tây Âu.
	Xu thế hoà hoãn, toàn cầu hoá và ảnh hưởng của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ ba.
	Sự khủng hoảng, suy yếu rồi tan rã của Liên Xô quốc gia đứng đầu hệ thống xã hội chủ nghĩa.

A. Trật tự hai cực I-an-ta sụp đổ là do sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế Mỹ và Tây Âu từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

B. Xu thế toàn cầu hoá khiến cho tình trạng chạy đua vũ trang của Mỹ và Liên Xô không còn phù hợp.

C. Trật tự thế giới hai cực I-an-ta sụp đổ gắn liền với sự khủng hoảng và suy yếu của Liên Xô.

D. Sự vươn lên của các nước đang phát triển khiến cho Mỹ suy yếu, không còn đủ sức chạy đua kinh tế.

Câu 21. Nội dung nào sau đây là tác động của sự sụp đổ Trật tự thế giới hai cực I-an-ta?

A. Một trật tự thế giới mới dần hình thành theo xu thế đơn cực.

B. Mờ ra chiều hướng và điều kiện thuận lợi để giải quyết hoà bình các cuộc tranh chấp, xung đột.

- C. Sự phát triển vượt trội của các nước xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là về kinh tế, khoa học, quân sự.
- D. Các vấn đề về dân tộc, bản sắc cộng đồng, tôn giáo trên thế giới đã được giải quyết một cách căn bản.

Câu 22. Đọc đoạn tư liệu sau đây, trong mỗi ý A, B, C, D, học sinh chọn đúng hoặc sai.

"Bài học của thời kì Chiến tranh lạnh đã chứng tỏ phương thức quan hệ quốc tế lấy đối đầu chính trị – quân sự là chủ yếu không còn phù hợp, phải chịu nhiều tổn thất hoặc thất bại như hai nước Xô – Mỹ và một bị thương, một bị mất. Trong khi đó, phương thức lấy hợp tác và cạnh tranh về kinh tế - chính trị là chính lại thu được nhiều tiến bộ, kết quả như các nước Đức, Nhật và NICs. Sự hưng thịnh hay suy vong của một quốc gia quyết định bởi sức mạnh tổng hợp của quốc gia đó, mà chủ yếu là thực lực kinh tế và khoa học – kĩ thuật".

(Vũ Dương Ninh (Chủ biên), *Một số chuyên đề lịch sử thế giới*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2001, tr.401)

- A. Hợp tác về kinh tế - chính trị làm suy yếu tiềm lực phát triển của từng nước.
- B. Tình trạng đối đầu về chính trị - quân sự của Mỹ và Liên Xô trong Chiến tranh lạnh khiến cho hai nước chịu nhiều tổn thất.
- C. Thực lực kinh tế và khoa học – kĩ thuật có vai trò quan trọng đối với sự phát triển của một quốc gia.
- D. Đoạn tư liệu thể hiện xu thế phát triển chính của thế giới sau Chiến tranh lạnh.

Câu 23. Khái niệm "đa cực" được hiểu là

- A. trạng thái địa - văn hoá toàn cầu với nhiều trung tâm quyền lực chi phối.
- B. một trật tự mới với vai trò vượt trội của Mỹ, chi phối các nước khác.
- C. một trật tự thế giới mà các nước vừa và nhỏ có vai trò quyết định.
- D. trạng thái địa - chính trị toàn cầu với nhiều trung tâm quyền lực chi phối.

Câu 24. Nội dung nào sau đây là biểu hiện của xu thế đa cực?

- A. Các trung tâm quyền lực vươn lên, khẳng định sức mạnh về kinh tế, quân sự, chính trị đối với thế giới.
- B. Các nước tăng cường chạy đua về kinh tế và quân sự, hình thành các liên minh xuyên lục địa.
- C. Sự lớn mạnh của Trung Quốc trước cải cách, mở cửa, đe dọa đến vị trí số 1 của Mỹ.
- D. Các nước trong khối NATO liên kết với nhau tạo ra sức mạnh quân sự vượt trội.

Câu 25. Cho bảng dữ kiện sau đây về một số trung tâm quyền lực thế giới, trong mỗi ý A, B, C, D, học sinh chọn đúng hoặc sai.

Mỹ	Vẫn là cường quốc số một thế giới. Với sức mạnh về kinh tế, quân sự, khoa học, kĩ thuật,... Mỹ có ảnh hưởng lớn nhất đến quan hệ quốc tế.
----	---

Trung Quốc	Vươn lên mạnh mẽ, vượt Nhật Bản (năm 2010) để trở thành nền kinh tế lớn thứ hai thế giới (sau Mỹ), sức mạnh quân sự không ngừng được tăng cường.
Liên minh châu Âu (EU)	Tiếp tục là tổ chức liên kết khu vực chặt chẽ trên nhiều lĩnh vực, có ảnh hưởng trên phạm vi toàn cầu về kinh tế, thương mại.
Nhật Bản	Tiếp tục duy trì địa vị cường quốc kinh tế, từng bước tăng cường sức mạnh về chính trị, ngày càng có ảnh hưởng trên trường quốc tế.
Liên bang Nga	Phục hồi mạnh mẽ, là một trong những cường quốc hàng đầu về quân sự, khoa học, kỹ thuật.
Ấn Độ	Trở thành cường quốc kinh tế, quân sự, khoa học, kỹ thuật..... có ảnh hưởng lớn trong quan hệ quốc tế.

A. Sau Chiến tranh lạnh, Mỹ vẫn là cường quốc số một thế giới và quyết định toàn bộ quan hệ quốc tế.

B. Liên minh châu Âu, Nhật Bản đều vươn lên và trở thành các trung tâm kinh tế lớn của thế giới.

C. Trung Quốc trỗi dậy mạnh mẽ và trở thành một cực quan trọng trong xu thế đa cực của quan hệ quốc tế,

D. Nhật Bản, Trung Quốc, Liên bang Nga trở thành các cường quốc, dẫn đến tình trạng đối đầu căng thẳng giữa các nước này

Câu 26. Nội dung nào sau đây không phải là biểu hiện của xu thế đa cực?

A. Mỹ bị suy giảm sức mạnh tương đối trong tương quan so sánh với các cường quốc khác.

B. Cách mạng công nghiệp lần thứ ba ngày càng đạt được nhiều thành tựu, đặc biệt là về kinh tế.

C. Các trung tâm quyền lực ngày càng vươn lên, khẳng định sức mạnh về kinh tế, quân sự, chính trị đối với thế giới.

D. Vai trò của các trung tâm, tổ chức kinh tế, tài chính quốc tế và khu vực ngày càng lớn.

Câu 27. Đọc đoạn tư liệu sau đây, trong mỗi ý A, B, C, D, học sinh chọn đúng hoặc sai.

“Trật tự thế giới mới này được hình thành như thế nào, còn tùy thuộc ở nhiều nhân tố: Sự phát triển về thực lực kinh tế, chính trị, quân sự của các cường quốc Mỹ, Nga, Trung Quốc, Anh, Pháp, Nhật Bản, Đức trong cuộc chạy đua về sức mạnh quốc gia tổng hợp..... Sự lớn mạnh của lực lượng cách mạng thế giới (sự thành bại của công cuộc cải cách, đổi mới ở các nước xã hội chủ nghĩa....); Sự phát triển của cách mạng khoa học – kỹ thuật sẽ còn tiếp tục tạo ra những “đột phá” và biến chuyển trên cục diện thế giới”.

(Nguyễn Anh Thái (Chủ biên), *Lịch sử thế giới hiện đại*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2021, tr.424)

- A. Đoạn tư liệu trên đề cập đến nội dung chính là Trật tự thế giới hai cực I-an-ta.
- B. Anh, Pháp ngày càng trở thành những cực lớn nhất trong trật tự thế giới đa cực từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai.
- C. Sự phát triển của cách mạng khoa học - kỹ thuật là nhân tố tác động đến sự hình thành trật tự thế giới mới.
- D. Sức mạnh tổng hợp của các cường quốc Mỹ, Nga, Trung Quốc, Anh, Pháp, Nhật Bản, Đức sẽ góp phần định hình trật tự thế giới mới.

CHỦ ĐỀ 2

ASEAN NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG LỊCH SỬ

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

1. Quá trình hình thành và mục đích thành lập của ASEAN

** Hoàn cảnh*

- Sau khi giành độc lập các nước Đông Nam Á có nhu cầu hợp tác khu vực
- Sự phát triển của xu thế khu vực hoá trên thế giới
- Nhu cầu muốn hạn chế ảnh hưởng của các cường quốc bên ngoài đối với khu vực

** Bối cảnh thành lập - Quá trình hình thành*

- 1961: Ma-lai-xi-a, Thái Lan và Phi-lip-pin thành lập Hiệp hội Đông Nam Á (ASA)
- 1963: Ma-lai-xi-a, Phi-lip-pim, In-do-ne-xi-a thành lập tổ chức MAPHILINDO
- 1966: Thái Lan gửi dự thảo thành lập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á
- 8-8-1967: Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) được thành lập tại Băng Cốc (Thái Lan với 5 nước sáng lập là in-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Phi-lip-pin, Xin-ga-po, Thái Lan

** Mục đích thành lập*

- Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tiến bộ xã hội và phát triển văn hoá trong khu vực thông qua hợp tác, hướng tới một Đông Nam Á hòa bình và thịnh vượng.
- Thúc đẩy hoà bình, an ninh khu vực thông qua tôn trọng công lý và nguyên tắc luật pháp trong quan hệ giữa các nước thành viên, tuân thủ Hiến chương Liên hợp quốc
- Thúc đẩy hợp tác, tích cực giúp đỡ lẫn nhau về kinh tế, xã hội văn hóa, khoa học, kỹ thuật, hành chính.

2. Các giai đoạn phát triển chính của ASEAN

** 1967-1976: Thành lập và bước đầu phát triển.*

- Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao là cơ chế hoạch định chính sách cao nhất.

- Năm 1971, ASEAN ra Tuyên bố về khu vực hoà bình, tự do và trung lập.
- Năm 1976, Hiệp ước Ba-li được kí kết đã đánh dấu bước ngoặt của ASEAN.
- * 1976-1999: Thiết lập quan hệ ổn định trong khu vực, mở rộng thành viên và nâng cao vị thế.
- Hội nghị Thượng đỉnh là cơ chế hoạch định chính sách cao nhất.
- Phát triển số lượng thành viên từ 5 lên 10 nước.
- Tham gia giải quyết nhiều vấn đề chính trị, an ninh lớn như vấn đề Cam-pu-chia.
- * 1999-2015: Hoàn thiện cơ cấu tổ chức, tăng cường hợp tác nội khối và hợp tác quốc tế, từng bước chuẩn bị cho sự ra đời của Cộng đồng ASEAN.
- Năm 2007, Hiến chương ASEAN được thông qua.
- * 2015 đến nay: Cộng đồng ASEAN được xây dựng và phát triển.
- Ba trụ cột là Cộng đồng Chính trị - An ninh, Cộng đồng Kinh tế và Cộng đồng Văn hóa - Xã hội.
- ASEAN tăng cường hợp tác và kết nối khu vực, đồng thời không ngừng nâng cao vị thế trong khu vực và trên thế giới.

3. Ý tưởng, mục tiêu, kế hoạch xây dựng Cộng đồng ASEAN

*** Ý tưởng xây dựng**

- Năm 1967, trong Tuyên bố Băng Cốc, các nước thành viên đã nêu mục tiêu xây dựng một cộng đồng hoà bình và thịnh vượng ở Đông Nam Á.
- Năm 1997, ý tưởng xây dựng Cộng đồng ASEAN được khẳng định nhân dịp kỉ niệm 30 năm ngày thành lập ASEAN.
- Năm 1997, Hội nghị cấp cao ASEAN không chính thức lần thứ hai tại Ma-lai-xi-a thông qua văn kiện Tầm nhìn ASEAN 2020.
- Tầm nhìn ASEAN 2020 là văn bản đầu tiên đề xuất ý tưởng xây dựng một cộng đồng ASEAN có nhận thức về các mối quan hệ lịch sử, gắn bó với nhau trong một bản sắc, cùng nhau giữ gìn hoà bình, hướng tới ổn định, tương trợ, hợp tác phát triển phồn vinh, tăng cường vị thế ASEAN trên trường quốc tế.

*** Mục tiêu:**

- Mục tiêu tổng quát của Cộng đồng ASEAN là xây dựng một tổ chức hợp tác liên chính phủ có liên kết sâu rộng, dựa trên cơ sở pháp lí là Hiến chương ASEAN.

*** Kế hoạch xây dựng Cộng đồng ASEAN**

- Xây dựng mô hình và cơ sở pháp lí cho Cộng đồng ASEAN thông qua Tuyên bố Ba-ll II (2003) và Hiến chương ASEAN (2007).
- 2009-2015:

+ Nhiều biện pháp tích cực được triển khai nhằm chuẩn bị cho sự thành lập Cộng đồng ASEAN.

+ Ngày 22-11-2015, các nhà lãnh đạo ASEAN kí Tuyên bố Cua-la Lăm-pơ. chính thức thành lập Cộng đồng ASEAN

- 31-12-2015: Cộng đồng ASEAN chính thức có hiệu lực.

4. Ba trụ cột của Cộng đồng ASEAN

** Ba trụ cột của Cộng đồng ASEAN*

- Cộng đồng Chính trị – An ninh

+ Là khuôn khổ hợp tác chính trị - an ninh toàn diện nhằm xây dựng một môi trường hoà bình và an ninh cho phát triển ở khu vực Đông Nam Á.

+ Tôn trọng các nguyên tắc cơ bản của ASEAN là đồng thuận, không can thiệp vào công việc nội bộ. không sử dụng vũ lực và đe dọa sử dụng vũ lực, thúc đẩy hoà bình, ổn định và hợp tác khu vực.

- Cộng đồng Kinh tế

+ Là khuôn khổ hợp tác nhằm xây dựng ASEAN thành một thị trường và một nền tảng sản xuất thống nhất, trong đó có sự lưu chuyển tự do của hàng hoá, dịch vụ, đầu tư, vốn và lao động có tay nghề.

+ Thúc đẩy chính sách cạnh tranh về kinh tế, bảo vệ người tiêu dùng, bảo vệ sở hữu trí tuệ, phát triển cơ sở hạ tầng, thương mại điện tử,... hướng tới sự thịnh vượng chung của các quốc gia thành viên và hợp tác khu vực.

- Cộng đồng Văn hoá - Xã hội

+ Là khuôn khổ hợp tác hướng tới xây dựng một ASEAN lấy con người làm trung tâm và có trách nhiệm xã hội, xây dựng tình đoàn kết và thống nhất bền lâu giữa các quốc gia và dân tộc ASEAN bằng cách tạo dựng bản sắc chung, xây dựng một xã hội chia sẻ, đùm bọc, hoà thuận và rộng mở.

+ Kế hoạch tổng thể xây dựng Cộng đồng Văn hoá - Xã hội gồm:

- Phát triển con người.

- Phúc lợi và bảo hiểm xã hội.

- Các quyền và bình đẳng xã hội.

- Bảo đảm bền vững môi trường.

- Tạo dựng bản sắc ASEAN.

- Thu hẹp khoảng cách phát triển.

** TRIỂN VỌNG ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ASEAN*

- Sự vươn lên của khu vực châu Á - Thái Bình Dương và Đông Nam Á.

- Cộng đồng ASEAN đang ngày càng hoàn thiện thể chế, chính sách, cơ chế hợp tác và đạt được nhiều thành tựu.
- Đông Nam Á đã trở thành khu vực phát triển năng động, thịnh vượng mới của thế giới.
- Vị thế của ASEAN ngày càng được nâng cao trên trường quốc tế.

*** THÁCH THỨC ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ASEAN**

- Thách thức an ninh đến từ cạnh tranh 8 chiến lược giữa các nước lớn
- Sự đa dạng của các nước thành viên về chế độ chính trị, tôn giáo, khoảng cách và phát triển kinh tế
- Nguy cơ chia rẽ của ASEAN về các vấn đề khu vực và quốc tế.
- Thách thức an ninh phi truyền thống gia tăng, như ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu, tội phạm xuyên quốc gia, dịch bệnh.

B. CÂU HỎI ÔN LUYỆN

Câu 1. Bối cảnh quốc tế nào sau đây dẫn đến quá trình hình thành của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN)?

- A. Các nước Đông Nam Á giành được độc lập, thống nhất.
- B. Sự ra đời của tổ chức NATO và các liên minh quân sự.
- C. Sự ra đời của Tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va.
- D. Sự phát triển của xu thế khu vực hoá trên thế giới.

Câu 2. Tổ chức khu vực nào sau đây được thành lập ở Đông Nam Á năm 1963?

- A. MAPHILINDO.
- B. NAFTA.
- C. APEC.
- D. EU.

Câu 3. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á được thành lập năm 1967 tại

- A. Ma-ni-la (Phi-lip-pin).
- B. Cua-la Lăm-po (Ma-lai-xi-a).
- C. Ba-li (In-đô-nê-xi-a).
- D. Băng Cốc (Thái Lan).

Câu 4. Các nước sáng lập ASEAN là

- A. Việt Nam, Thái Lan, Phi-líp-pin, Xin-ga-po, Ma-lai-xi-a.
- B. In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Phi-lip-pin, Xin-ga-po, Thái Lan.
- C. Thái Lan, Phi-lip-pin, Xin-ga-po, Ma-lai-xi-a, Mi-an-ma.
- D. Lào, Thái Lan, Phi-lip-pin, Xin-ga-po, Ma-lai-xi-a

Câu 5. Một trong những mục đích thành lập của ASEAN là

- A. thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tiến bộ xã hội trong khu vực.
- B. tăng cường hợp tác quốc phòng, an ninh và hình thành liên minh phòng thủ. C. thành lập một tổ chức chính trị, quân sự chung trong khu vực Đông Nam Á.
- D. giải quyết tranh chấp trong khu vực bằng biện pháp quân sự hoà bình.

Câu 6. Đọc đoạn tư liệu sau đây, trong mỗi ý A, B, C, D, học sinh chọn đúng hoặc sai.

“Nhận thức được sự tồn tại của các mối quan tâm lẫn nhau và các vấn đề chung giữa các nước Đông Nam Á và tin tưởng vào sự cần thiết phải tăng cường hơn nữa các mối quan hệ đoàn kết sẵn có trong khu vực; mong muốn xây dựng một nền tảng vững chắc cho hành động chung nhằm thúc đẩy hợp tác khu vực ở Đông Nam Á, các nước Đông Nam Á có trách nhiệm chính trong việc tăng cường ổn định kinh tế và xã hội của khu vực và bảo đảm sự phát triển đất nước hoà bình và tiến bộ, quyết tâm bảo đảm sự ổn định và an ninh không có sự can thiệp từ bên ngoài dưới bất kì hình thức hoặc biểu hiện nào”.

(Tuyên bố Băng Cốc, ngày 8-8-1967)

- A. Tuyên bố Băng Cốc là văn kiện được đưa ra sau khi ASEAN đã được thành lập và đi vào hoạt động.
- B. Tuyên bố Băng Cốc cho thấy một trong những mục đích thành lập của ASEAN là thúc đẩy hợp tác.
- C. Tuyên bố Băng Cốc đóng vai trò là Hiến chương của ASEAN từ khi thành lập đến năm 2008.
- D. Tuyên bố Băng Cốc là văn bản pháp lí để ASEAN hiện nay trở thành một liên minh quân sự.

Câu 7. Đọc đoạn tư liệu sau đây, trong mỗi ý A, B, C, D, học sinh chọn đúng hoặc sai.

“Thứ ba, để thực hiện các tôn chỉ và mục đích của ASEAN, sẽ thiết lập bộ máy dưới đây:
a) Hội nghị hàng năm của các Ngoại trưởng sẽ được tiến hành trên cơ sở luân phiên và được gọi là Hội nghị cấp Bộ trưởng ASEAN,...

Thứ tư, Hiệp hội này mở rộng cho tất cả các quốc gia ở khu vực Đông Nam Á tán thành các tôn chỉ, nguyên tắc và mục đích nói trên tham gia”.

(Tuyên bố Băng Cốc, ngày 8-8-1967)

- A. Đoạn tư liệu đề cập đến việc tổ chức hội nghị hàng năm của ngoại trưởng các nước Đông Nam Á.
- B. Nội dung Tuyên bố Băng Cốc cho thấy ASEAN sẵn sàng tiếp tục kết nạp thêm những thành viên khác trong khu vực.
- C. Tuyên bố Băng Cốc đóng vai trò là cơ sở pháp lí quan trọng nhất của ASEAN đến năm 2009.
- D. Hiện nay, Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao không còn là cơ chế hoạch định chính sách cao nhất của ASEAN.

Câu 8. Đọc đoạn tư liệu sau đây, trong mỗi ý A, B, C, D, học sinh chọn đúng hoặc sai.

"Quyết tâm sử dụng những cố gắng cần thiết bước đầu để bảo đảm việc công nhận và tôn trọng Đông Nam Á là một khu vực hoà bình, tự do và trung lập, không có sự can thiệp dưới bất kỳ hình thức và phương cách nào của các nước ngoài khu vực. Các nước Đông Nam Á cần phối hợp nỗ lực nhằm mở rộng các lĩnh vực hợp tác để góp phần tăng cường sức mạnh, tình đoàn kết, mối quan hệ gắn bó hơn nữa".

(ASEAN, Tuyên bố về khu vực hoà bình, tự do và trung lập, ngày 27-11-1971)

- A. Nội dung tư liệu đề cập sự kiện các nước Đông Nam Á thành lập khu vực hoà bình, tự do và trung lập.
- B. Nội dung tuyên bố nhấn mạnh việc ASEAN không chấp nhận sự can thiệp của các nước ngoài khu vực.
- C. Văn kiện trên có vai trò quyết định trong việc duy trì hoà bình, thống nhất và trung lập của Đông Nam Á.
- D. Tuyên bố về khu vực hoà bình, tự do và trung lập vẫn có giá trị đối với tổ chức ASEAN ngày nay.

Câu 9. Số lượng thành viên phát triển từ ASEAN 5 đến ASEAN 10 diễn ra trong

- A. 30 năm (1967-1997).
- B. 32 năm (1967-1999).
- C. 17 năm (1967-1984).
- D. 48 năm (1967-2015).

Câu 10. Những quốc gia nào sau đây là thành viên thứ 8 và thứ 9 của ASEAN?

- A. Việt Nam và Lào.
- B. Lào và Mi-an-ma.
- C. Cam-pu-chia và Bru-nây.
- D. Bru-nây và Mi-an-ma.

Câu 11. Cam-pu-chia là thành viên thứ mấy của ASEAN?

- A. 7.
- B. 8.
- C. 9.
- D. 10.

Câu 12. Một trong những sự kiện đánh dấu bước ngoặt của ASEAN trong giai đoạn 1967-1976 là

- A. Hiệp ước Ba-li được kí kết.
- B. Hiến chương ASEAN được thông qua.

- C. ASEAN thành lập khu vực trung lập.
- D. Cộng đồng ASEAN được thành lập.

Câu 13. Ban Thư kí ASEAN có trụ sở tại

- A. Gia-các-ta (In-đô-nê-xi-a).
- B. Băng Cốc (Thái Lan).
- C. Hà Nội (Việt Nam).
- D. Ma-ni-la (Phi-lip-pin).

Câu 14. Trong giai đoạn 1999-2015, ASEAN đạt được thành tựu quan trọng nào sau đây?

- A. Giải quyết xong mọi tranh chấp, xung đột trong khu vực.
- B. Phát triển số lượng thành viên từ 5 lên 10 nước.
- C. Ra Tuyên bố về khu vực hoà bình, tự do và trung lập.
- D. Hiến chương ASEAN được thông qua

Câu 15. Đọc đoạn tư liệu sau đây, trong mỗi ý A, B, C, D, học sinh chọn đúng hoặc sai

"Không tham gia vào bất kì một chính sách hay hoạt động nào, kể cả việc sử dụng lãnh thổ của một nước, do bất kì một quốc gia thành viên ASEAN hay ngoài ASEAN hoặc đối tượng không phải là quốc gia tiên hành, đe dọa đến chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ hay sự ổn định chính trị và kinh tế của các quốc gia thành viên ASEAN:

Tôn trọng sự khác biệt về văn hoá, ngôn ngữ và tôn giáo của người dân ASEAN đồng thời nhấn mạnh những giá trị chung trên tinh thần thống nhất trong đa dạng

(Trích: Điều 2, Hiến chương ASEAN, ngày 20-11-2007)

- A. Nội dung tư liệu thể hiện hai mục tiêu cơ bản nhất và quan trọng nhất của ASEAN từ khi thành lập.
- B. Nội dung tư liệu thể hiện tinh thần "thống nhất trong đa dạng" của ASEAN và Đông Nam Á.
- C. Hiến chương ASEAN là văn kiện quan trọng của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á
- D. Hiến chương ASEAN tiếp tục là cơ sở pháp lí cho hoạt động của ASEAN hiện nay,

Câu 16. Tầm nhìn ASEAN 2020 được thông qua năm 1997 tại hội nghị nào sau đây?

- A. Hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 5 tại Băng Cốc.
- B. Hội nghị thành lập tổ chức ASEAN tại Băng Cốc.
- C. Hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 37 tại Hà Nội.
- D. Hội nghị cấp cao ASEAN không chính thức lần thứ hai tại Ma-lai-xi-a.

Câu 17. Văn kiện nào sau đây thể hiện ý tưởng xây dựng Cộng đồng ASEAN?

- A. Tuyên bố Ba-li năm 1976
- B. Tầm nhìn ASEAN 2025.
- C. Hiệp ước Ba là năm 1976.

D. Tầm nhìn ASEAN 2020

Câu 18. Đọc đoạn tư liệu sau đây, trong mỗi ý A, B, C, D, học sinh chọn đúng hoặc sai.

“Đến năm 2020, ASEAN sẽ thiết lập được một Đông Nam Á hoà bình và ổn định, ở đó mỗi nước sống bình yên, những nguyên nhân xung đột đã được loại bỏ qua việc tôn trọng công li, luật pháp và tăng cường tinh thần tự cường quốc gia và khu vực,... toàn bộ Đông Nam Á sẽ là một Cộng đồng ASEAN nhận thức được các mối liên hệ lịch sử của mình, hiểu rõ di sản văn hoá của mình và gắn bó với nhau bằng một bản sắc chung của khu vực”.

(Trích: Tầm nhìn ASEAN 2020)

- A. Nội dung Tầm nhìn ASEAN 2020 hướng đến xây dựng một ASEAN hoà bình và ổn định.
- B. Đến năm 2020, theo kế hoạch, ASEAN sẽ chính thức được chuyển thành Cộng đồng ASEAN.
- C. Những nguyên nhân xung đột đã được loại bỏ ở Đông Nam Á trước và sau năm 2020.
- D. Tầm nhìn ASEAN 2020 hướng đến xây dựng một cộng đồng ASEAN gắn bó với nhau bằng một bản sắc chung của khu vực.

Câu 19. Mục tiêu tổng quát của Cộng đồng ASEAN là xây dựng

- A. một tổ chức hợp tác liên chính phủ có liên kết sâu rộng, dựa trên cơ sở pháp lí là Hiến chương ASEAN.
- B. một tổ chức hợp tác liên chính phủ có liên kết sâu rộng theo mô hình siêu nhà nước.
- C. xây dựng một chính phủ chung có liên kết sâu rộng, hướng tới một liên minh chính trị, quân sự.
- D. một tổ chức hợp tác liên minh liên kết sâu rộng dựa trên cơ sở là luật pháp của các nước thành viên.

Câu 20. Ngày 22-11-2015, các nhà lãnh đạo ASEAN đã nhóm họp tại Ma-lai-xi-a, chính thức thành lập

- A. Cộng đồng ASEAN.
- B. Hội đồng các nước ASEAN.
- C. Liên minh ASEAN.
- D. Ủy ban ASEAN.

Câu 21. Đọc đoạn tư liệu sau đây, trong mỗi ý A, B, C, D, học sinh chọn đúng hoặc sai.

“Cộng đồng ASEAN sẽ được thành lập gồm ba trụ cột là hợp tác chính trị và an ninh, hợp tác kinh tế và hợp tác văn hoá - xã hội, được gắn kết chặt chẽ và cùng tăng cường cho mục đích bảo đảm hoà bình, ổn định lâu dài và cùng thịnh vượng trong khu vực”.

(Trích: Tuyên bố Ba-li II, năm 2003)

- A. Chính trị và an ninh là một trong ba trụ cột của Cộng đồng ASEAN.
- B. Cộng đồng ASEAN được chính thức tuyên bố thành lập năm 2007.

C. Cộng đồng ASEAN được thành lập 10 năm sau khi ASEAN chính thức thông qua Hiến chương.

D. Một trong những mục đích của việc thành lập Cộng đồng ASEAN là hướng đến một khu vực Đông Nam Á cùng phát triển thịnh vượng.

Câu 22. Ý nào sau đây không đúng về Cộng đồng Chính trị – An ninh ASEAN (APSC)?

A. APSC tạo ra một liên minh quân sự ở khu vực Đông Nam Á.

B. APSC là khuôn khổ hợp tác chính trị - an ninh toàn diện.

C. APSC hướng đến xây dựng một môi trường hoà bình và an ninh.

D. APSC hoạt động dựa trên cơ sở tôn trọng các nguyên tắc cơ bản của ASEAN.

Câu 23. Một trong những nội dung chính của Cộng đồng Kinh tế ASEAN là

A. phát triển nguồn nhân lực có tri thức cao.

B. thúc đẩy chính sách cạnh tranh về kinh tế, bảo vệ người tiêu dùng.

C. cùng nhau xây dựng các hàng rào thuế quan cho từng quốc gia.

D. hướng tới xây dựng đồng tiền chung của Đông Nam Á.

Câu 24. Một trong những nội dung chính hoạt động của Cộng đồng Văn hoá Xã hội ASEAN là xây dựng

A. tinh đoàn kết và thống nhất bền lâu giữa các quốc gia và dân tộc ASEAN.

B. liên kết về văn hoá và bản sắc giữa khu vực ASEAN với bên ngoài.

C. cơ sở hạ tầng cho các quốc gia thành viên trong khu vực.

D. chính sách an sinh xã hội, xoá đói giảm nghèo cho từng quốc gia.

Câu 25. Một trong những thách thức của Cộng đồng ASEAN là

A. sự đa dạng của các nước thành viên về chế độ chính trị, tôn giáo.

B. sự uy hiếp của các nước lớn ở khu vực Nam Á và Đông Á.

C. thay đổi cấu trúc địa – văn hoá ở khu vực Ấn Độ Dương.

D. khoáng cách về kinh tế giữa các nước ngày càng thu hẹp.

Câu 26. Nội dung nào sau đây không là triển vọng của Cộng đồng ASEAN?

A. Sự vươn lên của khu vực Đông Nam Á.

B. ASEAN có quan hệ rộng lớn với các đối tác bên ngoài.

C. Vị thế của ASEAN ngày càng được nâng cao trên trường quốc tế. D. ASEAN trở thành một trong những trung tâm toàn cầu về quân sự.

Câu 27. Đọc đoạn tư liệu sau đây, trong mỗi ý A, B, C, D, học sinh chọn đúng hoặc sai.

"Liên hợp quốc đánh giá cao sự tham dự và cam kết vững chắc của ASEAN đối với chủ nghĩa đa phương và hợp tác khu vực. ASEAN có vai trò cốt lõi trong việc thúc đẩy nhân quyền, các quyền cơ bản và sự tham dự chính trị rộng rãi như các thành tố để xây dựng các xã hội thực

sự hoà bình, ổn định. Và ASEAN cũng đóng vai trò nòng cốt trong sự phát triển của một nền kinh tế toàn cầu vững mạnh".

(Trích: Phát biểu khai mạc Hội nghị cấp cao ASEAN của Tổng Thư kí Liên hợp quốc An-tôn-ni-ô Gu-tê-rê (Phnôm Pênh, 2022))

- A. ASEAN quyết định sự phát triển của kinh tế toàn cầu.
- B. ASEAN là tổ chức khu vực thành công nhất thế giới.
- C. ASEAN là tổ chức hợp tác chính trị, quân sự toàn cầu.
- D. ASEAN đóng vai trò quan trọng đối với nền kinh tế toàn cầu.

Chủ đề 3: CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945, CHIẾN TRANH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC VÀ CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM (TỪ THÁNG 8/1945 ĐẾN NAY)

A. Kiến thức cơ bản

1. Cách mạng tháng Tám năm 1945

Cách mạng tháng Tám năm 1945

** Bối cảnh lịch sử*

- Thế giới: 8-1945, Nhật hoàng tuyên bố đầu hàng Đồng minh không điều kiện. Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc
- Trong nước: Quân Nhật rệu rã, Chính phủ Trần Trọng Kim hoang mang, dao động....

** Diễn biến chính*

- Ngày 14-8 và ngày 15-8-1945: Khởi nghĩa thắng lợi ở một số xã, huyện thuộc các tỉnh đồng bằng sông Hồng, Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh,.....
- Ngày 19 đến ngày 25-8: Khởi nghĩa thắng lợi ở Hà Nội, Huế, Sài Gòn, Nghệ An, Hà Tĩnh....
- Ngày 28-8-1945: Đồng Nai Thượng, Hà Tiên là hai tỉnh cuối cùng giành được chính quyền.

** Nguyên nhân thắng lợi*

- Chủ quan: Sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương, đứng đầu là Hồ Chí Minh: Truyền thống yêu nước, tinh thần bất khuất của nhân dân Việt Nam
- Khách quan: Thắng lợi của Hồng quân Liên Xô và quân Đồng minh trong cuộc chiến tranh chống chủ nghĩa phát xít,...

* *Ý nghĩa lịch sử:*

- Đối với Việt Nam: Kết thúc ách cai trị hơn 80 năm của thực dân Pháp và gần 5 năm của quân phiệt Nhật. Đưa đến sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà...
- Đối với thế giới: Cổ vũ các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc đứng lên đấu tranh tự giải phóng....

2. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954)

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954)

* *Bối cảnh lịch sử*

- Thế giới: Phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa, phụ thuộc đang phát triển mạnh...
- Trong nước: Nước Việt Nam Dân chủ Cộng | hoà vừa mới ra đời đã bị các nước đế quốc liên kết với các thế lực thù địch chống phá

* *Diễn biến chính*

- Kháng chiến chống thực dân Pháp trở lại xâm lược Nam Bộ (1945)
 - + Từ ngày 23-9-1945, quân Pháp gây hấn, mở đầu chiến tranh xâm lược Việt Nam lần thứ hai. Quân dân Sài Gòn - Chợ Lớn cùng quân dân Nam Bộ đã nhất tề đứng lên chiến đấu.
 - + Cuộc chiến đấu ở Nam Bộ đã giáng đòn đầu tiên vào kế hoạch "đánh nhanh, thắng nhanh" của Pháp.
- Những năm đầu của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1946-1950)
 - + Từ cuối năm 1946 đến cuối năm 1950, từng bước làm thất bại kế hoạch "đánh nhanh, thắng nhanh" của Pháp, tiến đến giành thế chủ động trên chiến trường chính Bắc Bộ:
 - + Cuộc chiến đấu ở các đô thị phía bắc vĩ tuyến 16 (2-1946 2-1947).
 - + Chiến dịch Việt Bắc thu - đông năm 1947. + Chiến dịch Biên giới thu - đông năm 1950.
- Bước phát triển mới của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1951-1953)
 - + Chính trị: Tháng 2-1951, Đảng Cộng sản Đông Dương quyết định đưa Đảng ra hoạt động công khai với tên gọi Đảng Lao động Việt Nam, Tháng 3-1951, Mặt trận Liên hiệp quốc dân Việt Nam ra đời...
 - + Quân sự: Quân đội nhân dân Việt Nam chủ động mở nhiều chiến dịch tiến công trên chiến trường chính Bắc Bộ.
 - + Kinh tế: Thủ công nghiệp và công nghiệp, nông nghiệp có bước phát triển mới.

- + Văn hoá: Tiếp tục triển khai thực hiện cuộc Cải cách giáo dục lần thứ nhất.
- Cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp kết thúc (1953-1954)
- + Thực hiện kế hoạch tác chiến trong đông - xuân 1953 1954, bộ đội chủ lực mở một loạt chiến dịch tấn công quân Pháp, làm phá sản bước đầu kế hoạch Na-va
- + Chiến dịch Điện Biên Phủ diễn ra qua 3 đợt, từ ngày 13-3-1954 đến ngày 7-5-1954. Chiều ngày 7-5-1954, tướng Đờ Ca-xơ-ri cùng toàn bộ Bộ Tham mưu của quân Pháp đầu hàng.

3. Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975)

Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975)

*** *Bối cảnh lịch sử***

Thế giới: Phong trào giải phóng dân tộc, phong trào đấu tranh vì hoà bình, dân chủ phát triển mạnh.

Trong nước: Sau khi Hiệp định Giơ-ne-vơ được kí kết, Việt Nam tạm thời bị phân chia thành hai miền.

*** *Các giai đoạn phát triển chính***

- Giai đoạn 1954 - 1960: Miền Bắc: hoàn thành cải cách ruộng đất, khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh, cải tạo quan hệ sản xuất, bước đầu phát triển kinh tế - xã hội. Miền Nam: đấu tranh chống chế độ Mỹ - Diệm, giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng, tiến tới "Đồng khởi".
- Giai đoạn 1961-1965: Miền Bắc thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất, đẩy mạnh chi viện cho miền Nam; Miền Nam chiến đấu chống chiến lược Chiến tranh đặc biệt của Mỹ.
- Giai đoạn 1965-1968: Miền Nam chiến đấu chống chiến lược Chiến tranh cục bộ của Mỹ; Miền Bắc vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của Mỹ, vừa sản xuất và thực hiện nghĩa vụ hậu phương.
- Giai đoạn 1969 – 1973: Miền Nam chiến đấu chống chiến lược Việt Nam hoá chiến tranh của Mỹ; Miền Bắc chống chiến tranh phá hoại lần thứ hai của Mỹ và thực hiện nghĩa vụ hậu phương.
- Giai đoạn 1973 - 1975: Miền Bắc khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội, tiếp tục thực hiện nghĩa vụ hậu phương, Miền Nam đấu tranh chống "bình định – lấn chiếm", tạo thế và lực tiến tới giải phóng hoàn toàn.

*** *Nguyên nhân thắng lợi***

- Sự lãnh đạo với đường lối đúng đắn, sáng tạo của Đảng Lao động Việt Nam, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh.
- Truyền thống yêu nước, đoàn kết, lao động cần cù, chiến đấu dũng cảm của nhân dân Việt Nam.

- Sự ủng hộ, giúp đỡ to lớn của các lực lượng tiên bộ, hoà bình, dân chủ và các nước xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là Trung Quốc, Liên Xô.

4. Đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 năm 1975 đến nay. Một số bài học lịch sử của các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay

* ***Bối cảnh lịch sử:*** Đất nước thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội Quan hệ giữa Việt Nam với Trung Quốc và Cam-pu-chia có nhiều dấu hiệu bất ổn.

**** Diễn biến chính của các cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4-1975***

- Cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam (1975-1979)

+ Từ đầu tháng 5-1975 đến năm 1978, tập đoàn Pôn Pốt đã xâm phạm nhiều vùng lãnh thổ dọc biên giới của Việt Nam.

+ Tháng 12-1978, Pôn Pốt tấn công quy mô lớn vào lãnh thổ Việt Nam. Quân đội nhân dân Việt Nam đã tổ chức phân công, truy kích đối phương đến tận nơi xuất phát.

+ Đầu tháng 1-1979, quân tình nguyện Việt Nam cùng nhân dân Cam-pu-chia lật đổ chế độ diệt chủng Khơ-me Đỏ.

- Cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới phía Bắc (1979-1989)

+ Ngày 17-2-1979, Trung Quốc điều động 32 sư đoàn đồng loạt mở cuộc tấn công vào lãnh thổ Việt Nam.

+ Để bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ, quân dân Việt Nam, trực tiếp là quân dân sâu tỉnh biên giới phía Bắc, đã đứng lên chiến đấu.

+ Hành động xâm lược Việt Nam của Trung Quốc đã vấp phải sự phản đối mạnh mẽ của dư luận. Tháng 3-1979, Trung Quốc rút quân về nước.

- Cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền quốc gia của Việt Nam ở Biển Đông

+ Năm 1988, Trung Quốc đưa quân đánh chiếm trái phép một số đảo, bãi đá thuộc quần đảo Trường Sa của Việt Nam. Lực lượng Hải quân nhân dân Việt Nam đã anh dũng chiến đấu để bảo vệ chủ quyền biển, đảo quốc gia.

+ Năm 2014, Trung Quốc hạ đặt giàn khoan trái phép trong vùng đặc quyền kinh tế 200 hải li của Việt Nam ở Biển Đông. Việt Nam đã tăng cường lực lượng tại khu vực, đồng thời tích cực đấu tranh ngoại giao, buộc Trung Quốc phải rút giàn khoan.

**** Ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm***

- Ý nghĩa lịch sử

+ Làm thất bại ý đồ và hành động xâm lược, chống phá Việt Nam của các thế lực thù địch.

+ Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia.

- Bài học kinh nghiệm

+ Phát huy tinh thần yêu nước.

- + Cùng cố, tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.
- + Phát triển, sáng tạo nghệ thuật lãnh đạo và nghệ thuật quân sự.

B. CÂU HỎI ÔN LUYỆN

Câu 1. Sự kiện nào sau đây trên thế giới là bối cảnh dẫn đến Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam?

- A. Quân Đồng minh tấn công Nhật Bản ở Đại Tây Dương.
- B. Nhật hoàng tuyên bố đầu hàng Đồng minh không điều kiện.
- C. Liên Xô tiêu diệt quân Quan Đông của Nhật Bản ở Tây Bắc Trung Quốc.
- D. Mỹ ném bom nhiệt hạch xuống thành phố Hi-rô-si-ma của Nhật Bản.

Câu 2. Nội dung nào sau đây đúng về tình hình ở Việt Nam khi Nhật Bản đầu hàng quân Đồng minh?

- A. Các địa phương đều đã thực hiện khởi nghĩa từng phần.
- B. Lực lượng vũ trang của Việt Minh đã áp đảo quân của Nhật.
- C. Quân Pháp mất tính thần, Chính phủ Trần Trọng Kim trở nên bất lực.
- D. Quân Nhật rệu rã, Chính phủ Trần Trọng Kim hoang mang, dao động.

Câu 3. Đọc đoạn tư liệu sau đây, trong mỗi ý A, B, C, D, học sinh chọn đúng hoặc sai.

"Ở Đông Dương ai sẽ tranh thủ được diễn biến tình hình mới sau sự đầu hàng của Nhật hoàng trước quân Đồng minh đây? Đảng Cộng sản Đông Dương là tổ chức duy nhất có chiến lược rành mạch và chiến thuật cụ thể. Nhờ vào máy liên lạc vô tuyến mà Hồ Chí Minh và các đồng chí của ông đã biết tin quân Nhật đầu hàng Do đó họ đã nắm lấy thời cơ,...".

(P. Bờ-rô-sô, D. Hê-mơ-ri, Đông Dương: một nền thuộc địa nhập nhằng, 1848 – 1954, NXB Thế giới, Hà Nội, 2022, tr.516-519)

- A. Đảng Cộng sản Đông Dương đã chuẩn bị đầy đủ cho Tổng khởi nghĩa.
- B. Đảng Cộng sản Đông Dương là tổ chức xã hội duy nhất dự đoán đúng thời cơ cách mạng.
- C. Đảng Cộng sản Đông Dương đã tranh thủ thời cơ thuận lợi để tiến hành lãnh đạo khởi nghĩa.
- D. Đảng Cộng sản Đông Dương đã có sự chuẩn bị về chiến lược và chiến thuật cách mạng

Câu 4. Tổ chức nào sau đây được thành lập vào ngày 13-8-1945?

- A. Ủy ban Khởi nghĩa Việt Minh.
- B. Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc.
- C. Mặt trận Dân tộc khởi nghĩa.
- D. Mặt trận Khởi nghĩa toàn quốc.

Câu 5. Đọc đoạn tư liệu sau đây, trong mỗi ý A, B, C, D, học sinh chọn đúng hoặc sai.

"Tình thế vô cùng khẩn cấp. Tất cả mọi việc đều phải nhằm vào ba nguyên tắc:

- a) Tập trung - tập trung lực lượng vào những việc chính.
- b) Thống nhất – thống nhất về mọi phương diện quân sự, chính trị, hành động và chỉ huy.
- c) Kịp thời – kịp thời hành động, không bỏ lỡ cơ hội".

(Nghị quyết Hội nghị toàn quốc của Đảng Cộng sản Đông Dương, tháng 8-1945, trích trong:
Văn kiện Đảng, Toàn tập, Tập 7, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.425)

- A. Nội dung của nghị quyết yêu cầu cần kịp thời chớp thời cơ để tiến hành Tổng khởi nghĩa.
- B. Đảng Cộng sản Đông Dương và Chính phủ Việt Nam đã chuẩn bị đầy đủ cho Tổng khởi nghĩa.
- C. Thời cơ của Cách mạng tháng Tám và cuộc kháng chiến chống Pháp sắp xuất hiện.
- D. Nghị quyết nhấn mạnh: sự lãnh đạo của Đảng cần tập trung, thống nhất, kịp thời.

Câu 6. Bốn tỉnh giành được chính quyền sớm nhất cả nước trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 là

- A. Bắc Ninh, Hải Dương, Hà Tĩnh, Quảng Nam.
- B. Hải Dương, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Nam.
- C. Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh, Quảng Nam. D. Hà Nam, Hải Dương, Hưng Yên, Quảng Nam.

Câu 7. Từ ngày 19 đến ngày 25-8-1945, khởi nghĩa lần lượt thắng lợi ở những địa phương nào sau đây?

- A. Hà Nội, Huế, Sài Gòn.
- B. Huế, Sài Gòn, Hà Nội.
- C. Huế, Hà Nội, Sài Gòn.
- D. Sài Gòn, Huế, Hà Nội

Câu 8. Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trên cả nước trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 chủ yếu diễn ra trong khoảng thời gian nào sau đây?

- A. Từ ngày 17-8 đến ngày 26-8-1945.
- B. Từ ngày 14-8 đến ngày 22-8-1945.
- C. Từ ngày 12-8 đến ngày 28-8-1945.
- D. Từ ngày 14-8 đến ngày 28-8-1945.

Câu 9. Đọc đoạn tư liệu sau đây, trong mỗi ý A, B, C, D, học sinh chọn đúng hoặc sai.

"Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị. Dân ta đã đánh đổ các xiềng xích thực dân gần 100 năm nay để gây nên nước Việt Nam độc lập. Dân ta lại đánh đổ chế độ quân chủ mấy mươi thế kỉ mà lập nên chế độ dân chủ cộng hoà".

(Hồ Chí Minh, Tuyên ngôn Độc lập (năm 1945), trích trong: Hồ Chí Minh, Toàn tập, Tập 4, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.3)

- A. Đoạn tư liệu cho thấy sự suy yếu, lạc hậu của chế độ thực dân và phong kiến ở Việt Nam.
- B. Đoạn tư liệu phản ánh đóng góp của Cách mạng tháng Tám năm 1945 đối với thế giới.
- C. Đoạn tư liệu cho thấy nhân dân Việt Nam đã đánh đổ chế độ thực dân và quân chủ.
- D. Đoạn tư liệu phản ánh những kết quả to lớn của cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945.

Câu 10. Một trong những nguyên nhân khách quan đưa đến thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 là

- A. sự đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau của nhân dân các nước Đông Nam Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai.
- B. thắng lợi của Hồng quân Liên Xô và quân Đồng minh trong cuộc chiến tranh chống chủ nghĩa phát xít.
- C. sự giúp đỡ, ủng hộ của nhân dân tiến bộ trên thế giới, trong đó có nhân dân Pháp.
- D. sự giúp đỡ của Hồng quân Liên Xô và quân Đồng minh đối với Việt Nam.

Câu 11. Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 đã

- A. đưa Đảng Cộng sản Đông Dương từ một đảng bí mật trở thành đảng cầm quyền.
- B. chấm dứt vĩnh viễn chế độ quân chủ và sự bóc lột của giai cấp địa chủ.
- C. kết thúc ách cai trị của Pháp đối với các thuộc địa trên thế giới.
- D. xoá bỏ chế độ thống trị và bóc lột của giai cấp địa chủ phong kiến

Câu 12. Đọc đoạn tư liệu sau đây, trong mỗi ý A, B, C, D, học sinh chọn đúng hoặc sai.

"Chẳng những giai cấp lao động và nhân dân Việt Nam ta có thể tự hào, mà giai cấp lao động và những dân tộc bị áp bức nơi khác cũng có thể tự hào rằng: Lần này là lần đầu tiên trong lịch sử cách mạng của các dân tộc thuộc địa và nửa thuộc địa, một Đảng mới 15 tuổi đã lãnh đạo cách mạng thành công, đã nắm chính quyền toàn quốc".

(Hồ Chí Minh, Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng Cộng sản Việt Nam (1951), trích trong: Hồ Chí Minh, Toàn tập, Tập 7, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.25)

- A. Với thành công của Cách mạng tháng Tám năm 1945, Đảng Cộng sản Đông Dương đã trở thành đảng cầm quyền.
- B. Giai cấp lao động là lực lượng lãnh đạo của cách mạng giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp.
- C. Cách mạng tháng Tám năm 1945 gắn liền với vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương.
- D. Đảng Cộng sản Đông Dương là chính đảng trẻ nhất giành được chính quyền trên cả nước.

Câu 13. Một trong bài học kinh nghiệm quan trọng của Cách mạng tháng Tám năm 1945 còn nguyên vẹn giá trị đến ngày nay là

- A. tranh thủ sự ủng hộ về chính trị, giúp đỡ về kinh tế của các nước trong phe xã hội chủ nghĩa.
- B. phát huy nội lực trong nước, đồng thời tận dụng những điều kiện thuận lợi từ bên ngoài.
- C. xây dựng nhà nước pháp quyền của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.
- D. chú trọng và tranh thủ sự ủng hộ rộng rãi của dư luận thế giới.

Câu 14. Một trong những bối cảnh lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp là

- A. quan hệ giữa hệ thống tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa ngày càng hoà dịu và chuyển sang hợp tác.
- B. phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa, phụ thuộc phát triển mạnh mẽ.
- C. trên thế giới, Trật tự thế giới hai cực I-an-ta nhanh chóng xói mòn.
- D. nước Pháp ngày càng củng cố thành công địa vị cường quốc toàn cầu.

Câu 15. Những yếu tố nào sau đây có tác động to lớn đến tình hình Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp?

- A. Sự thiết lập của trật tự thế giới đa cực, sự chi phối của Mỹ.
- B. Sự tồn tại của Trật tự thế giới hai cực 1-an-ta, Chiến tranh lạnh.
- C. Tình trạng chạy đua vũ trang giữa các nước, trật tự đơn cực.
- D. Sự thiết lập Trật tự Vóc-xai - Oa-sinh-ton, Chiến tranh lạnh.

Câu 16. Đọc đoạn tư liệu sau đây, trong mỗi ý A, B, C, D, học sinh chọn đúng hoặc sai.

“Bất kì đàn ông, đàn bà, bất kì người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc. Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc... Ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp cứu nước”,

(Hồ Chí Minh, Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến (ngày 19-12-1946), trích trong: Hồ Chí Minh, Toàn tập, Tập 4, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.534)

- A. Đoạn tư liệu thể hiện cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp là cuộc chiến tranh toàn dân.
- B. Đoạn tư liệu thể hiện cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp là cuộc chiến tranh toàn diện.
- C. Đoạn tư liệu thể hiện cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp là cuộc chiến tranh trường kì.
- D. Đoạn tư liệu thể hiện cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp là cuộc chiến tranh tự lực cánh sinh.

Câu 17. Đường lối kháng chiến của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp là

- A. tranh thủ sự ủng hộ của nhân loại tiến bộ.
- B. trường kì kháng chiến nhất định thắng lợi.
- C. tự lực, toàn dân, toàn diện, lâu dài, từng bước tranh thủ sự ủng hộ của cộng đồng quốc tế.

D. toàn dân, toàn diện, trường kì, tự lực cánh sinh và tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế.

Câu 18. Chiến dịch Việt Bắc thu - đông năm 1947 thắng lợi đã

A. xoay đổi toàn bộ cục diện của cuộc kháng chiến chống Pháp.

B. tiêu diệt toàn bộ lực lượng quân Pháp tấn công lên Việt Bắc.

C. đẩy quân Pháp ở Đông Dương vào thế bị động trên những chiến trường chính. D. làm phá sản hoàn toàn kế hoạch “đánh nhanh, thắng nhanh” của thực dân Pháp.

Câu 19. Chiến dịch nào sau đây được mở nhằm khai thông biên giới Việt – Trung

A. Chiến dịch Việt Bắc thu - đông năm 1947.

B. Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954.

C. Chiến dịch Biên giới thu - đông năm 1950.

D. Chiến dịch Hoàng Hoa Thám năm 1951.

Câu 20. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ 11 của Đảng Cộng sản Đông Dương năm 1951 đã quyết định

A. đưa Đảng ra hoạt động công khai với tên gọi Đảng Lao động Việt Nam.

B. đưa Đảng ra hoạt động công khai với tên gọi Đảng Cộng sản Việt Nam.

C. mở cuộc Tiến công chiến lược Đông - Xuân 1952-1953.

D. thành lập Liên minh nhân dân Việt – Xiêm – Lào.

Câu 21. Sự kiện nào sau đây gắn liền với việc xây dựng khối đoàn kết dân tộc trong kháng chiến chống Pháp?

A. Mặt trận Việt Minh và Hội Liên Việt thống nhất thành Mặt trận Liên Việt.

B. Mặt trận Liên Việt và Mặt trận Việt Minh hợp nhất thành Hội Liên Việt.

C. Hội Liên Việt và Mặt trận Việt Minh thống nhất thành Mặt trận Việt Minh.

D. Hội Liên Việt và Mặt trận Liên Việt thống nhất thành Mặt trận Việt Minh.

Câu 22. Sự kiện nào sau đây trong kháng chiến chống Pháp cho thấy mối quan hệ đoàn kết chiến đấu của Việt Nam - Lào - Cam-pu-chia được củng cố và tăng cường?

A. Liên minh kinh tế - văn hoá Việt – Lào – Cam-pu-chia ra đời.

B. Liên minh ngoại giao Việt – Lào – Cam-pu-chia ra đời.

C. Liên minh nhân dân Việt - Xiêm - Lào được thành lập.

D. Liên minh nhân dân Việt - Miên - Lào được thành lập.

Câu 23. Một trong những bước phát triển mới về văn hoá trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp những năm 1951-1953 là

A. tiếp tục triển khai thực hiện cuộc Cải cách giáo dục lần thứ hai.

B. tiếp tục triển khai thực hiện cuộc Cải cách giáo dục lần thứ nhất.

C. thành lập Hội Truyền bá chữ Quốc ngữ.

D. hoàn thành xoá mù chữ trên cả nước.

Câu 24. Cho dữ liệu thống kê sau đây về viện trợ quân sự của Mỹ đối với Pháp, trong mỗi ý A, B, C, D, học sinh chọn đúng hoặc sai.

Năm 1951, viện trợ của Mỹ đã lên 340 triệu đô la, được tính bằng số lương 50 xe tăng, 24 xe thiết giáp, 300 xe vận tải, 70 khẩu pháo, 30 máy bay chiến đấu 70 xuống và một số tàu vận tải, vũ khí bộ binh đủ trang bị cho 12 tiểu đoàn bộ binh, đồng thời, cố vấn quân sự được đưa sang nằm ngay trong Bộ Tổng chỉ huy binh, đồng thời, cố vấn Pháp. **Đến tháng 5-1952, chuyên hà0% tổng nửa Mỹ đã được chuyển sang Đông Dương, Chính phủ Mỹ đã chịu tới 40% tổng chi phí ngân sách cho cuộc chiến tranh Đông Dương của Pháp.**

A. Mỹ tăng cường viện trợ cho Pháp trong chiến tranh xâm lược Đông Dương.

B. Mỹ đã hắt cẳng Pháp, trực tiếp tiến hành chiến tranh xâm lược Đông Dương C. Chính phủ Mỹ ngày càng lộ rõ ý định tái chiếm Đông Dương bằng mọi giá.

D. Mỹ phải chịu trách nhiệm cho thất bại của thực dân Pháp ở Đông Dương.

Câu 25. Cho dữ liệu thống kê sau đây về viện trợ quân sự của Mỹ đối với Pháp, trong mỗi ý A, B, C, D, học sinh chọn đúng hoặc sai.

“Viện trợ của Mỹ cho Pháp trong hai năm 1953, 1954 tăng đột biến: năm 1953 gấp ba lần năm 1952, năm 1954 tăng gấp đôi năm 1953, giá trị chương trình viện trợ quân sự Mỹ trong tổng ngân sách của Pháp chi cho cuộc chiến tranh ở Đông Dương tăng từ 43% (1953) lên 78% (1954) với khoảng 2 tỉ đô la. Có 37 phi công Mỹ đã tham gia lực lượng viễn chinh của Pháp trong chiến dịch Điện Biên Phủ”.

A. Mỹ chịu trách nhiệm chính cho những tội ác mà quân Pháp gây ra trong chiến tranh ở Việt Nam.

B. Đến năm 1954, Mỹ đã gánh chịu phần lớn chi phí chiến tranh của Pháp ở Đông Dương.

C. Từ năm 1953, viện trợ của Mỹ cho Pháp tăng đột biến do lo ngại quân Pháp ở miền Nam Việt Nam bị tiêu diệt.

D. Từ năm 1954, quân đội Mỹ hắt cẳng quân đội Pháp, trực tiếp tiến hành chiến tranh xâm lược ở Đông Dương.

Câu 26. Đọc đoạn tư liệu sau đây, trong mỗi ý A, B, C, D, học sinh chọn đúng hoặc sai.

“Tôi đã hiểu vì sao mọi người đều lựa chọn phương án đánh nhanh,... Lý do chính là e thời gian chuẩn bị kéo dài, địch sẽ tăng thêm quân, tập đoàn cứ điểm ngày càng mạnh, sẽ làm ta mất cơ hội tiêu diệt địch! Nhiều người cho rằng sự xuất hiện lần đầu của lựu pháo và cao xạ sẽ làm quân địch choáng váng. Nhưng chúng ta chỉ có vài ngàn viên đạn! Đặc biệt, mọi người đều tin vào khí thế của bộ đội khi xuất quân, tin vào sức mạnh tinh thần. Nhưng sức mạnh tinh thần cũng có những giới hạn”.

- A. Phương án “đánh nhanh, thắng nhanh” được nhiều người ủng hộ và tin tưởng sẽ thắng lợi.
- B. Đa số mọi người cho rằng lựu pháo và cao xạ sẽ khiến cho quân Pháp bị bất ngờ.
- C. Phương án “đánh nhanh, thắng nhanh” đã bị một số người phản đối.
- D. Một số người muốn chuyển sang phương án “đánh chắc, tiến chắc”.

Câu 27. Đọc đoạn tư liệu sau đây, trong mỗi ý A, B, C, D, học sinh chọn đúng hoặc sai.

“Để bảo đảm nguyên tắc cao nhất là “đánh chắc thắng”, cần chuyển phương châm tiêu diệt địch từ “đánh nhanh thắng nhanh” sang “đánh chắc tiến chắc”. Nay quyết định hoãn cuộc tiến công. Ra lệnh cho bộ đội trên toàn tuyến lui về địa điểm tập kết, và kéo pháo ra. Công tác chính trị bảo đảm triệt để chấp hành mệnh lệnh lui quân như mệnh lệnh chiến đấu. Hậu cần chuyển sang chuẩn bị theo phương châm mới”.

(Võ Nguyên Giáp, Điện Biên Phủ – Điểm hẹn lịch sử, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2001, tr. 107-108)

- A. Sĩ quan chính trị cần bảo đảm triệt để chấp hành mệnh lệnh rút lui như mệnh lệnh quân sự.
- B. Cần chuyển từ “đánh nhanh, thắng nhanh” sang “đánh chắc, tiến chắc” để bảo đảm đánh chắc thắng.
- C. Theo phương châm mới, cần kéo pháo ra khỏi trận địa để bố trí lại lực lượng, bảo đảm thành công của chiến dịch.
- D. Cần lui toàn bộ quân đội về hậu phương, thay đổi lực lượng để phục vụ phương châm mới của chiến dịch.

Câu 28. Thắng lợi của cuộc Tiến công chiến lược Đông - Xuân 1953 - 1954 đã

- A. khiến toàn bộ quân Pháp ở Đông Dương phải đầu hàng.
- B. bước đầu làm phá sản kế hoạch Na-va của quân Pháp.
- C. tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc đàm phán tại Hội nghị Pa-ri.
- D. giáng đòn quyết định vào ý chí xâm lược của thực dân Pháp.

Câu 29. Những chiến dịch lớn trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp từ năm 1947 đến năm 1954 lần lượt là

- A. chiến dịch Việt Bắc, chiến dịch Hạ Lào, chiến dịch Điện Biên Phủ.
- B. chiến dịch Việt Bắc, chiến dịch Biên giới, chiến dịch Điện Biên Phủ.
- C. chiến dịch Biên giới, chiến dịch Đường 9, chiến dịch Điện Biên Phủ.
- D. chiến dịch Việt Bắc, chiến dịch Tây Nguyên, chiến dịch Điện Biên Phủ.

Câu 30. Một trong những lí do khiến thực dân Pháp có thể duy trì và kéo dài cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam là

- A. nhận được sự viện trợ của các nước Đông Âu và các thuộc địa của Pháp.
- B. có sự ủng hộ rộng rãi của mọi tầng lớp nhân dân Pháp.
- C. nhận được sự ủng hộ và viện trợ của Mỹ.
- D. sự rút lui của quân đội Đồng minh.

Câu 31. Một trong những nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp là

- A. vai trò to lớn của hậu phương miền Bắc.
- B. sự giúp đỡ, ủng hộ to lớn của nhân dân các nước Đông Nam Á.
- C. sự đoàn kết chiến đấu của liên minh nhân dân ba nước Đông Dương.
- D. sự kết hợp cách mạng xã hội chủ nghĩa và cách mạng giai cấp dân tộc.

Câu 32. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi đã góp phần

- A. làm tan rã hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân cũ.
- B. làm tan rã hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân mới.
- C. đưa chủ nghĩa xã hội trở thành hệ thống trên thế giới.
- D. đưa đến sự sụp đổ của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta.

Câu 33. Nội dung nào sau đây là ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp?

- A. Cổ vũ công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở châu Phi.
- B. Cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.
- C. Giáng đòn nặng nề vào sự phát triển của chủ nghĩa tư bản.
- D. Đưa đến sự ra đời của hàng loạt các nước xã hội chủ nghĩa.

Câu 34. Đọc đoạn tư liệu sau đây, trong mỗi ý A, B, C, D, học sinh chọn đúng hoặc sai.

"Lần đầu tiên trong lịch sử, một nước thuộc địa nhỏ yếu đã đánh thắng một nước thực dân hùng mạnh. Đó là một thắng lợi vẻ vang của nhân dân Việt Nam, đồng thời cũng là một thắng lợi vẻ vang của các lực lượng hoà bình, dân chủ và xã hội chủ nghĩa trên thế giới".

(Hồ Chí Minh, *Ba mươi năm hoạt động của Đảng*, trích trong: *Hồ Chí Minh, Toàn tập*, Tập 12, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.410)

- A. Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân Việt Nam có ý nghĩa to lớn.
- B. Lần đầu tiên trong lịch sử, một nước thuộc địa đã tiêu diệt toàn bộ quân đội thực dân.
- C. Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân Việt Nam cho thấy sức mạnh của một nước thuộc địa.
- D. Thắng lợi của nhân dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp chính thức đánh đổ chủ nghĩa thực dân trên thế giới.

Câu 35. Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp gắn liền với đường lối

- A. đánh nhanh, thắng nhanh.
- B. đánh chắc, tiến chắc.
- C. vừa kháng chiến vừa kiến quốc.
- D. kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh ngoại giao.

Câu 36. Phương châm nào sau đây của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp có thể tiếp tục vận dụng hiệu quả trong công cuộc xây dựng đất nước hiện nay?

- A. Vừa kháng chiến, vừa kiến quốc.
- B. Tránh chỗ mạnh, đánh chỗ yếu.
- C. Đánh chắc, tiến chắc về quân sự.
- D. Tự lực cánh sinh và tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế.

Câu 37. Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước diễn ra trong bối cảnh nào sau đây?

- A. Hoà hoãn Đông – Tây trở thành xu thế chủ đạo trong quan hệ quốc tế.
- B. Trật tự thế giới hai cực I-an-ta từng bước xói mòn về kinh tế.
- C. Các cuộc chiến tranh cục bộ trên thế giới đã chấm dứt.
- D. Cục diện đối đầu Đông – Tây diễn ra căng thẳng.

Câu 38. Cho bảng dữ kiện sau đây về một số thành tựu của miền Bắc trong khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh (1954 - 1957), trong mỗi ý A, B, C, D, học sinh chọn đúng hoặc sai.

Lĩnh vực

Thành tựu tiêu biểu

Nông nghiệp

Năm 1956, miền Bắc sản xuất được 4 triệu tấn thóc, bình quân đầu người đạt 304 kg, cao gấp nhiều lần so với trước Chiến tranh thế giới thứ hai. Nạn đói cơ bản được giải quyết.

Công nghiệp

Khôi phục và mở rộng sản xuất tại Nhà máy Dệt Nam Định, Nhà máy Xi măng Hải Phòng, các mỏ than ở Quảng Ninh...; xây dựng các nhà máy cơ khí, diêm (Hà Nội).

Thủ công nghiệp và thương nghiệp

Các mặt hàng tiêu dùng, vật liệu xây dựng, nông cụ, được chú trọng sản xuất, hệ thống mậu dịch và hợp tác xã mua bán mở rộng.

Giao thông vận tải

Khôi phục được gần 700 km đường sắt, sửa chữa và làm mới hàng nghìn ki-lô-mét đường bộ; xây dựng và mở rộng nhiều bến cảng ở Hải Phòng, Quảng Ninh,.... đường hàng không dân dụng quốc tế được khai thông.

- A. Miền Bắc đạt nhiều thành tựu trong khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh (1954-1957).
- B. Lĩnh vực kinh tế của miền Bắc có những biến đổi mạnh mẽ trong giai đoạn 1954-1957.
- C. Trong giai đoạn 1954 - 1957, miền Bắc đã hoàn thành công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.
- D. Miền Bắc đã hoàn thành công nghiệp hoá và xây dựng chủ nghĩa xã hội trong giai đoạn 1954-1957.

Câu 39. Trong giai đoạn 1954 - 1958, nhân dân miền Nam thực hiện cuộc đấu tranh nào sau đây?

- A. Chống khủng bố, đàn áp, đòi độc lập dân tộc
- B. Đòi Mỹ và Pháp thực hiện Hiệp định Pa-ri.
- C. Chống chế độ Mỹ - Diệm, giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng.
- D. Chống Ngô Đình Diệm, phát triển lực lượng cách mạng trên quy mô lớn.

Câu 40. Từ thắng lợi của phong trào Đồng khởi đã đưa đến sự ra đời của

- A. Quân Giải phóng nhân dân miền Nam Việt Nam.
- B. Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.
- C. Chính phủ Lâm thời Cộng hoà Việt Nam.
- D. Chính phủ Liên hiệp miền Nam Việt Nam.

Câu 41. Chiến lược Chiến tranh đặc biệt của Mỹ được tiến hành

- A. thông qua kế hoạch xây dựng hàng rào Mắc Na-ma-ra và hệ thống áp chiến lược.
- B. thông qua chiến thuật trực thăng vận trên biển và xây dựng làng chiến đấu ở khu vực đồng bằng.
- C. dưới sự chỉ huy các tướng lĩnh chính quyền Sài Gòn, được tiến hành chủ yếu bằng quân đội Mỹ.
- D. dưới sự chỉ huy của hệ thống cố vấn Mỹ, dựa vào trang bị vũ khí và phương tiện kĩ thuật của Mỹ.

Câu 42. Năm 1961, tổ chức nào sau đây đã ra đời ở miền Nam Việt Nam?

- A. Quân đội Nhân dân giải phóng miền Nam.
- B. Quân đội Giải phóng Việt Nam.
- C. Giải phóng quân miền Nam.
- D. Quân Giải phóng miền Nam Việt Nam.

Câu 43. Nội dung nào sau đây không phải là kết quả và thắng lợi của quân dân miền Nam trong chiến đấu chống chiến lược Chiến tranh đặc biệt của Mỹ?

- A. Chiến thắng Ấp Bắc, Bình Giã, Ba Gia, Đồng Xoài.
- B. Hệ thống ấp chiến lược của Mỹ ở đô thị bị phá huỷ.
- C. Phong trào đấu tranh chính trị ở các đô thị phát triển mạnh.
- D. Phong trào phá ấp chiến lược diễn ra mạnh mẽ, quyết liệt.

Câu 44. Từ năm 1954 đến năm 1967, quân dân miền Nam chủ yếu tiến hành kháng chiến chống Mỹ trên hai mặt trận nào sau đây?

- A. Quân sự, địch vận.
- B. Chính trị, văn hoá.
- C. Quân sự, ngoại giao.
- D. Chính trị, quân sự.

Câu 45. Chiến lược Chiến tranh cục bộ của Mỹ được tiến hành

- A. chủ yếu bằng quân đội Mỹ, kết hợp với quân đội các nước thuộc lực lượng Đồng minh.
- B. chủ yếu bằng quân đội Mỹ, kết hợp với quân đồng minh của Mỹ và quân đội Sài Gòn.
- C. nhằm thay thế chiến lược Việt Nam hoá chiến tranh.
- D. sau khi Mỹ thất bại trong chiến tranh phá hoại miền Bắc.

Câu 46. Chiến lược Việt Nam hoá chiến tranh của Mỹ được tiến hành A. chủ yếu bằng lực lượng quân đội Sài Gòn và quân đội Mỹ.

- B. chủ yếu bằng lực lượng quân đội Sài Gòn và quân đội đồng minh của Mỹ.
- C. chủ yếu bằng lực lượng quân đội Sài Gòn, do chính quyền Mỹ trực tiếp chỉ huy.
- D. chủ yếu bằng lực lượng quân đội Sài Gòn, có sự phối hợp với lực lượng của Mỹ.

Câu 47. So sánh lực lượng ở miền Nam thay đổi lớn theo hướng có lợi cho cách mạng Việt Nam từ sau sự kiện nào sau đây?

- A. Chiến dịch Đường 9 - Khe Sanh (1969).
- B. Chiến dịch Phước Bình - Bù Đốp (1969).
- C. Đàm phán bốn bên tại Hội nghị Pa-ri (1969).
- D. Hiệp định Pa-ri được kí kết (1973).

Câu 48. Cho bảng dữ kiện sau đây về kết quả của miền Bắc trong công chiến tranh phá hoại của Mỹ và chỉ viện cho chiến trường từ năm 1964 đến năm 1975, trong mỗi ý A, B, C, D, học sinh chọn đúng hoặc sai.

Nội dung

Thời gian

Thành tựu

Chi viện cán bộ, bộ đội, thanh niên xung phong cho chiến trường

1965-1968

1972 1973-1974 Hai tháng đầu năm 1975

Hơn 30 vạn người Hơn 22 vạn bộ đội Gần 22 vạn người Hơn 57 vạn bộ đội

Bắn rơi máy bay Mỹ trong hai cuộc chiến tranh phá hoại

1964-1968 (lần 1) 1972-1973 (lần 2)

3 243 chiếc 735 chiếc

Bắn cháy, bắn chìm tàu chiến, tàu biệt kích Mỹ trong hai cuộc chiến tranh phá hoại

1964-1968 1972-1973

143 chiếc 125 chiếc

A. Bảng dữ kiện cho thấy miền Bắc trở thành hậu phương của miền Nam, Lào và Cam-pu-chia.

B. Bảng dữ kiện cho thấy miền Bắc đạt được những thành tựu to lớn trong xây dựng chủ nghĩa xã hội.

C. Bảng dữ kiện cho thấy miền Bắc đã chi viện đầy đủ và đóng vai trò quyết định trực tiếp đối với mọi thắng lợi trên chiến trường miền Nam.

D. Bảng dữ kiện cho thấy miền Bắc chỉ viện to lớn cho chiến trường, đồng thời đạt được nhiều kết quả trong chống chiến tranh phá hoại của Mỹ.

Câu 49. Nội dung nào sau đây không phải là thành tựu của miền Bắc giai đoạn 1973-1975?

- A. Khôi phục các cơ sở kinh tế, hệ thống thủy nông, giao thông vận tải.
- B. Chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ hai của không quân Mỹ.
- C. Sản xuất nông nghiệp, công nghiệp có một số ngành vượt mức năm 1971.
- D. Tăng cường chi viện cho chiến trường miền Nam, Lào, Cam-pu-chia.

Câu 50. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 trải qua 3 chiến dịch lớn là

- A. Tây Nguyên, Huế - Đà Nẵng, Hồ Chí Minh.
- B. Huế, Tây Nguyên – Đà Nẵng, Hồ Chí Minh.
- C. Huế – Tây Nguyên, Đà Nẵng, Hồ Chí Minh.
- D. Đà Nẵng, Tây Nguyên, Hồ Chí Minh.

Câu 51. Một trong những nét nổi bật về đường lối của Đảng Lao động Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là

- A. tiến hành đồng thời cách mạng xã hội chủ nghĩa và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.
- B. thực hiện cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Bắc và cách mạng giải phóng dân tộc ở miền Nam.
- C. thực hiện cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Nam.
- D. tiến hành cách mạng chủ nghĩa và dân tộc chủ nghĩa.

Câu 52. Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, hậu phương miền Bắc đã có vai trò nào sau đây?

- A. Tiền tuyến lớn, hậu phương lớn.
- B. Chi viện lập tức và đầy đủ mọi yêu cầu của miền Nam.
- C. Đáp ứng kịp thời các yêu cầu của cuộc chiến đấu ở hai miền.
- D. Trực tiếp sản xuất và bảo đảm mọi nhu cầu vũ khí cho chiến trường.

Câu 53. Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam giành thắng lợi gắn liền với

- A. tính thần chiến đấu của của nhân dân Đông Nam Á.
- B. sự ủng hộ, giúp đỡ to lớn của Trung Quốc, Liên Xô.
- C. sự ủng hộ, giúp đỡ to lớn của nhân dân các nước Đông Nam Á.
- D. sự phối hợp chiến đấu của quân đội các nước Đông Nam Á.

Câu 54. Nghệ thuật quân sự nổi bật và xuyên suốt trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là

- A. thực hiện vừa đánh, vừa đàm.
- B. tiến hành chiến tranh nhân dân.
- C. kết hợp quân sự với ngoại giao.
- D. chủ trương lấy ít địch nhiều.

Câu 55. Trong cuộc chiến tranh ở Việt Nam, Mỹ đã lần lượt thực hiện các chiến lược chiến tranh là

- A. cục bộ, đặc biệt, Việt Nam hoá chiến tranh.
- B. đặc biệt, cục bộ, Việt Nam hoá chiến tranh.
- C. đơn phương, cục bộ, Việt Nam hoá chiến tranh.
- D. đơn phương, đặc biệt, Việt Nam hoá chiến tranh.

Câu 56. Trên chiến trường miền Nam Việt Nam, quân viễn chinh Mỹ đóng vai trò chủ lực trong giai đoạn nào sau đây?

- A. 1954-1960.
- B. 1969-1973.
- C. 1968-1972.
- D. 1965-1968.

Câu 57. Bài học kinh nghiệm nào sau đây từ cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước có thể tiếp tục vận dụng hiệu quả trong công cuộc xây dựng đất nước hiện nay?

- A. Kết hợp đấu tranh chính trị với binh vận, địch vận.
- B. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.
- C. Kết hợp vừa đánh vừa đàm, vừa đàm vừa đánh.
- D. Kết hợp mặt trận chính diện và sau lưng địch.

Câu 58. Cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4-1975 diễn ra trong bối cảnh nào sau đây?

- A. Chiến tranh lạnh ở giai đoạn đỉnh cao, quan hệ Mỹ - Trung căng thẳng.
- B. Xu thế đa cực đã xác lập, quan hệ Mỹ - Xô - Trung trở lại bình thường.
- C. Chiến tranh lạnh kết thúc, quan hệ giữa các nước lớn có nhiều biến động và ngày càng phức tạp.
- D. Xu thế hoà hoãn Đông - Tây tiếp tục diễn ra, quan hệ giữa các nước lớn có nhiều yếu tố phức tạp.

Câu 59. Cuối năm 1978, Pôn Pốt đã huy động nhiều sư đoàn bộ binh

- A. tiến đánh Tây Ninh, mở đường tiến sâu vào lãnh thổ Việt Nam

- B. tiến đánh Tây Nguyên, mở đường tiến sâu vào lãnh thổ Việt Nam.
- C. đánh chiếm đảo Phú Quốc, đảo Hòn Mê thuộc lãnh thổ Việt Nam.
- D. đánh chiếm đảo Thổ Chu và khu vực Đông Nam Bộ Việt Nam.

Câu 60. Quân đội nhân dân Việt Nam đã hành động như thế nào trước cuộc tấn công của quân Pôn Pốt cuối năm 1978?

- A. Mở các cuộc phản công và dừng lại ở biên giới Việt Nam - Cam-pu-chia.
- B. Tổ chức phản công, đánh bật lực lượng Pôn Pốt ra khỏi lãnh thổ.
- C. Đàm phán ngoại giao, lên án hành động xâm lược của Pôn Pốt.
- D. Tích cực đấu tranh chính trị và đấu tranh ngoại giao.

Câu 61. Sự kiện nào sau đây diễn ra vào ngày 17-2-1979?

- A. Trung Quốc lần chiếm nhiều vùng đất đai ở khu vực biên giới phía đông bắc của Việt Nam.
- B. Trung Quốc điều động 23 sư đoàn cùng pháo binh, xe tăng, máy bay, tấn công vào lãnh thổ Việt Nam.
- C. Trung Quốc điều động 32 sư đoàn đồng loạt tấn công vào lãnh thổ Việt Nam, dọc biên giới phía Bắc
- D. Trung Quốc huy động quân đội tấn công dọc biên giới Việt Nam từ Hải Phòng đến Lai Châu.

Câu 62. Nội dung nào sau đây không phản ánh đúng về cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới phía Bắc (1979-1989)?

- A. Nhiều trận chiến đã diễn ra quyết liệt ở Cao Bằng, Lạng Sơn, Lào Cai,...
- B. Toàn bộ lực lượng quân đội chính quy được huy động lên biên giới.
- C. Dư luận trong nước phản đối mạnh mẽ hành động xâm lược của Trung Quốc
- D. Quân dân sâu tỉnh biên giới phía Bắc đã đứng lên chiến đấu.

Câu 63. Khi quân đội Trung Quốc tấn công lãnh thổ Việt Nam năm 1979, nhiều trận chiến đã diễn ra quyết liệt ở

- A. Cao Bằng, Bắc Cạn, Điện Biên.
- B. Cao Bằng, Lạng Sơn, Lào Cai.
- C. Lào Cai, Quảng Ninh, Hải Phòng.
- D. Lào Cai, Lạng Sơn, Sơn La.

Câu 64. Cho đoạn thông tin thống kê sau đây, trong mỗi ý A, B, C, D, học sinh chọn đúng hoặc sai.

Trong cuộc tấn công của quân đội Trung Quốc vào các tỉnh phía Bắc Việt Nam năm 1979, các thị xã Cao Bằng, Lạng Sơn, Cam Đường, Lào Cai gần như bị huỷ diệt hoàn toàn. Tổng cộng có 320 xã, 735 trường học, 41 nông trường, 81 xí nghiệp, hầm mỏ và 38 làm trường

bị tàn phá: 400 nghìn gia súc bị giết, bị cướp. Khoảng 50% trong tổng số 3,5 triệu người ở 6 tỉnh biên giới bị mất nhà cửa, tài sản và phương tiện sinh sống.

- A. Quân đội Trung Quốc đã phá huỷ toàn bộ công trình kinh tế, văn hoá ở miền Bắc Việt Nam.
- B. Quân đội Trung Quốc đã gây ra tình trạng hỗn loạn quy mô lớn trên toàn bộ miền Bắc Việt Nam.
- C. Nhiều đô thị ở các tỉnh biên giới phía bắc Việt Nam gần như bị huỷ diệt hoàn toàn trong cuộc tấn công của quân đội Trung Quốc.
- D. Quân đội Trung Quốc đã gây ra những thiệt hại nặng nề đối với các tỉnh biên giới phía bắc Việt Nam.

Câu 65. Trong giai đoạn 1984 - 1989, địa bàn nào sau đây tiếp tục là chiến trường ác liệt giữa quân đội Việt Nam và Trung Quốc?

- A. Khu vực huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.
- B. Một số huyện ở các tỉnh Lào Cai, Điện Biên.
- C. Khu vực biên giới thuộc huyện Vị Xuyên, tỉnh Cao Bằng.
- D. Khu vực biên giới thuộc huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang.

Câu 66. Trong quá trình bảo vệ chủ quyền quốc gia ở Biển Đông, Việt Nam đã luôn kiên định con đường

- A. bảo vệ vững chắc chủ quyền và lợi ích khu vực.
- B. đấu tranh bằng mọi biện pháp, không đàm phán.
- C. đấu tranh bằng các biện pháp phù hợp với luật pháp quốc tế.
- D. bảo vệ hoà bình, phù hợp với luật pháp khu vực và quốc tế,

Câu 67. Việt Nam đã làm gì khi Trung Quốc đưa giàn khoan Hải Dương-981 đến hoạt động trái phép trong vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam năm 2014?

- A. Kêu gọi Trung Quốc và các nước trong khu vực kiềm chế, tiến đến đàm phán ngoại giao.
- B. Kêu gọi Trung Quốc tôn trọng luật pháp khu vực và quốc tế, đẩy mạnh đấu tranh quân sự.
- C. Tăng cường lực lượng trên toàn Biển Đông, khiến quân đội Trung Quốc chịu nhiều thiệt hại.
- D. Tăng cường lực lượng tại khu vực đặc quyền kinh tế, đồng thời tích cực đấu tranh ngoại giao.

Câu 68. Nội dung nào sau đây là ý nghĩa lịch sử của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4-1975 đến nay?

- A. Tạo điều kiện thuận lợi mở đầu công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Đông Nam Á.
- B. Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia.
- C. Góp phần bảo vệ hoà bình của tổ chức ASEAN và Cộng đồng ASEAN.
- D. Thể hiện tinh thần đoàn kết chiến đấu của các nước Đông Dương.

Câu 69. Với thắng lợi của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc ở biên giới Tây Nam, Việt Nam cũng đã

- A. thể hiện tinh thần đoàn kết với tổ chức ASEAN.
- B. thể hiện tinh thần đoàn kết trong sáng với Trung Quốc.
- C. làm tròn nghĩa vụ quốc tế đối với nhân dân Lào và Cam-pu-chia.
- D. làm tròn nghĩa vụ quốc tế đối với nhân dân Cam-pu-chia.

Câu 70. Việc khơi dậy và phát huy tinh thần yêu nước sẽ góp phần

- A. tạo nên động lực to lớn đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước hiện nay.
- B. tạo ra mục tiêu về chính trị, xã hội của các tổ chức, đoàn thể trong xã hội hiện tại.
- C. đưa đến sự hình thành nhiều tổ chức mặt trận dân tộc có phạm vi rộng rãi.
- D. đưa đến sự phát triển nhanh chóng về sức mạnh giai cấp và thời đại.

Câu 71. Một số bài học kinh nghiệm trong các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay là

- A. phát huy sức mạnh của công nhân; đoàn kết với giai cấp khác.
- B. phát huy tinh thần yêu nước; cùng cố, tăng cường khối đoàn kết dân tộc.
- C. phát huy sức mạnh của các đảng phái; tăng cường vai trò của các đoàn thể.
- D. đoàn kết với các nước xã hội chủ nghĩa; củng cố phe xã hội chủ nghĩa.

Câu 72. Trong các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay, khối đại đoàn kết dân tộc đóng vai trò

- A. là động lực phấn đấu của mỗi cá nhân.
- B. là mục tiêu chiến lược của các chiến dịch.
- C. là nền tảng tạo nên sức mạnh tổng hợp.
- D. là động lực chủ yếu của các tổ chức, đoàn thể chính trị, xã hội.

Câu 73. Trong thời kì mới, việc cùng cố, tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc sẽ góp phần

- A. phát huy sức mạnh giai cấp, bảo vệ quyền lợi công dân.
- B. ổn định xã hội, phát huy sức mạnh của toàn dân.
- C. ổn định xã hội, phát huy quyền làm chủ cá nhân.
- D. phát huy nhanh chóng các giá trị di sản văn hoá.

Câu 74. Nội dung nào sau đây là biểu hiện của bài học kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại?

- A. Áp dụng những đặc điểm của văn hoá toàn cầu.
- B. Học tập mô hình văn hoá của các nước đang phát triển trên thế giới.
- C. Duy trì bản sắc văn hoá dân tộc, chống lại sự xâm nhập của văn hoá ngoại lai.

D. Tranh thủ, tận dụng những xu thế mới từ bên ngoài.

Câu 75. Nghệ thuật quân sự trong các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 vẫn có giá trị trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân hiện nay là

- A. kết hợp chặt chẽ ba thứ quân (bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, dân quân du kích).
- B. kết hợp lực lượng chính quy và địa phương, lực lượng toàn dân với lực lượng du kích.
- C. kết hợp chặt chẽ hai đội quân (bộ đội chủ lực, bộ đội chính quy).
- D. kết hợp giữa mặt trận chính diện và mặt trận hậu phương.

Câu 76. Đọc đoạn tư liệu sau đây, trong mỗi ý A, B, C, D, học sinh chọn đúng hoặc sai.

"Ngày nay, trước cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội, trước sự phát triển vũ bão của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại và quá trình quốc tế hoá mạnh mẽ nền kinh tế thế giới, càng cần phải kết hợp chặt chẽ yếu tố dân tộc với yếu tố quốc tế, yếu tố truyền thống với yếu tố hiện đại để đưa đất nước tiến lên".

(Đảng Cộng sản Việt Nam, Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội (năm 1991), trích trong: Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc thời kì Đổi mới, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2010, tr.407)

- A. Quá trình toàn cầu hoá đang diễn ra trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.
- B. Cần kết hợp kinh tế trong nước với kinh tế thế giới trong quá trình phát triển. C. Yếu tố dân tộc và yếu tố quốc tế sẽ đóng vai trò quyết định sự phát triển của đất nước.
- D. Trong thời đại ngày nay, càng cần phải kết hợp giữa yếu tố dân tộc với yếu tố quốc tế.

CHỦ ĐỀ 4

CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI Ở VIỆT NAM TỪ NĂM 1986 ĐẾN NAY

A KIẾN THỨC CƠ BẢN

1. Bối cảnh các giai đoạn của công cuộc Đổi mới

* Khởi đầu công cuộc Đổi mới (1986-1995)

- Từ giữa thập niên 80 của thế kỉ XX, trước những thay đổi của thế giới và thực trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội trong nước Đảng Cộng sản Việt Nam đã nhận thức được yêu cầu phải đổi mới đất nước

- Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam (1988) đề ra đường lối đổi mới toàn diện đất nước, mở đầu công cuộc Đổi mới

* Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, hội nhập kinh tế quốc tế (1996-2006)

- Sau 10 năm đổi mới, kinh tế - xã hội Việt Nam đã cơ bản ổn định. đất nước có những tiên đề cần thiết để chuyển sang đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập kinh tế quốc tế

- Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII (1996) và lần thứ IX (2001) của Đảng Cộng sản Việt Nam tiếp tục bổ sung, phát triển đường lối đổi mới, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước.

* Tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, hội nhập quốc tế sâu rộng (từ năm 2006 đến nay)

- Sau 20 năm đổi mới, thế và lực của Việt Nam đã lớn mạnh vượt bậc, uy tín quốc tế không ngừng được nâng cao. Tuy vậy nhiều nguy cơ, thách thức vẫn tồn tại. Yêu cầu đặt ra là tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, toàn diện và đồng bộ, phát triển nhanh và bền vững hơn.

- Các kì Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ X đến XIII tiếp tục phát triển đường lối đổi mới, với chủ trương chung là tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế sâu rộng..

2. Nội dung cơ bản đường lối đổi mới qua các giai đoạn

a) Nội dung cơ bản đường lối đổi mới giai đoạn 1986 - 1995

1. Đổi mới đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội không phải là thay đổi mục tiêu xã hội chủ nghĩa, mà làm cho mục tiêu đó được thực hiện có hiệu quả bằng những quan niệm đúng đắn về chủ nghĩa xã hội, những hình thức, bước đi và biện pháp thích hợp.
2. Đổi mới phải toàn diện và đồng bộ từ kinh tế và chính trị đến tổ chức, tư tưởng, văn hoá. Đổi mới kinh tế phải gắn với đổi mới chính trị, nhưng trọng tâm là đổi mới kinh tế.
3. Đổi mới cơ chế quản lí kinh tế, xoá bỏ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp, chuyển sang cơ chế thị trường có sự quản lí của Nhà nước....
4. Xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa; đổi mới sự lãnh đạo của Đảng.
5. Đổi mới chính sách văn hoá - xã hội, phát huy yếu tố con người và lấy việc phục vụ con người là mục đích cao nhất.
6. Mở rộng quan hệ với tất cả các nước, không phân biệt chế độ chính trị - xã hội khác nhau trên cơ sở các nguyên tắc cùng tồn tại hoà bình.

b) Nội dung cơ bản đường lối đổi mới giai đoạn 1996 – 2006

- 1). Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá: coi trọng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, gắn việc đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa với từng bước phát triển kinh tế tri thức.
- 2). Xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, gắn tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.
- 3). Đổi mới hệ thống chính trị, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, củng cố quốc phòng và an ninh.
- 4). Chú trọng phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, phát triển giáo dục, y tế và giải quyết các vấn đề xã hội.
- 5). Đa phương hóa, đa dạng hoá các quan hệ quốc tế; chủ động hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế.

c) Nội dung cơ bản đường lối đổi mới giai đoạn 2006 đến nay

- 1). Tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc Đổi mới, phát triển nhận thức về công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.
- 2). Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế
- 3). Phát huy dân chủ, tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; đẩy mạnh xây dựng chính đốn Đảng; tăng cường quốc phòng và an ninh,

4). Thực hiện tiên bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển, tiếp tục phát triển nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực.

5). Đẩy mạnh hoạt động đối ngoại, chuyển từ hội nhập kinh tế quốc tế sang chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng....

3. Thành tựu cơ bản của công cuộc Đổi mới

Chính trị	
Nội dung	<ul style="list-style-type: none"> - Hình thành hệ thống quan điểm lí luận về đường lối đổi mới, về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. - Tình hình chính trị, xã hội ổn định, quốc phòng, an ninh được bảo đảm và tăng cường. - Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa được phát huy và ngày càng mở rộng; khối đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố - Công tác xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hệ thống chính trị được đẩy mạnh. - Độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và chế độ xã hội chủ nghĩa được giữ vững.

Kinh tế	
Tăng trưởng kinh tế	Đạt mức khá cao, trung bình khoảng 7% mỗi năm.
Quy mô nền kinh tế	Năm 2020, với GDP đạt mức 342,7 tỉ USD, Việt Nam trở thành nền kinh tế lớn thứ tư trong ASEAN, trong топ 10 quốc gia có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao nhất thế giới.
Cơ cấu kinh tế	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyển dịch tích cực theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, từ nền kinh tế nông nghiệp chuyển sang nền kinh tế công nghiệp - dịch vụ. - Thành phần kinh tế tư nhân trở thành động lực quan trọng của nền kinh tế.
Kinh tế đối ngoại	<ul style="list-style-type: none"> - Kim ngạch xuất nhập khẩu gia tăng, cán cân thương mại chuyển dần từ nhập siêu sang xuất siêu. - Thị trường xuất khẩu được mở rộng theo hướng đa phương hóa, đa dạng hoá. - Đầu tư trực tiếp nước ngoài và đầu tư ra nước ngoài đều chuyển biến tích cực.

Xã hội	
Vấn đề lao động, việc làm	<ul style="list-style-type: none"> - Chính sách lao động, việc làm của Nhà nước có nhiều chuyển biến phù hợp hơn với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. - Số lao động được tạo việc làm trong nước tăng lên, trung bình khoảng hơn 1 triệu người mỗi năm.
Công tác xoá đói giảm nghèo	Tỉ lệ hộ nghèo trên cả nước giảm nhanh. Giai đoạn 2016 - 2020, Việt Nam là một trong 30 quốc gia đầu tiên trên thế giới và là quốc gia đầu tiên ở châu Á áp dụng chuẩn nghèo đa chiều.
Một số lĩnh vực khác	Lĩnh vực y tế, chăm sóc sức khoẻ nhân dân, thực hiện chính sách ưu đãi người có công và chính sách an sinh xã hội đạt nhiều tiến bộ.

Văn hoá	
Xây dựng và phát triển văn hoá đất nước	<ul style="list-style-type: none"> - Chú trọng bảo tồn, kế thừa và phát huy nhiều giá trị văn hoá truyền thống, di sản văn hóa của dân tộc. - Các lĩnh vực, loại hình, sản phẩm văn hoá phát triển phong phú, đa dạng - Hoạt động giao lưu, hợp tác về văn hóa được đẩy mạnh dưới nhiều hình thức.
Giáo dục, đào tạo và khoa học công nghệ	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thành xoá mù chữ, đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học vào năm 2000, đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở năm 2010. - Nhiều chỉ số về giáo dục phổ thông của Việt Nam được đánh giá cao trong khu vực. - Vị thế của giáo dục đại học Việt Nam được nâng lên trong bảng xếp hạng châu Á và thế giới - Chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII) của Việt Nam liên tục tăng.

Hội nhập quốc tế	
Nội dung	<ul style="list-style-type: none"> - Mở rộng quan hệ hợp tác với các quốc gia và vùng lãnh thổ, các tổ chức khu vực và quốc tế. - Tham gia các hiệp ước, hiệp định song phương và đa phương về thương mại, an ninh, ngoại giao, trao đổi văn hóa, du lịch..... - Đề xuất sáng kiến và tham gia giải quyết các vấn đề của khu vực và quốc tế.

4. Một số bài học kinh nghiệm của công cuộc Đổi mới

- Kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Nguyên tắc hàng đầu trong quá trình đổi mới là bảo đảm độc lập dân tộc và kiên định con đường xã hội chủ nghĩa, xây dựng nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

- Đổi mới toàn diện, đồng bộ, có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp

+ Đổi mới cần tiến hành đồng bộ, toàn diện trên tất cả các lĩnh vực, ở tất cả các cấp từ trung ương đến địa phương.

+ Muốn đổi mới có hiệu quả và bảo đảm giữ vững ổn định chính trị, xã hội, cần có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp.

- Đổi mới phải vì lợi ích của nhân dân, phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của nhân dân

+ Bảo đảm lợi ích của nhân dân là phương thức hiệu quả nhất để khơi dậy tiềm năng trong nhân dân.

+ Phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của nhân dân gần biến thực hiện nguyên tắc "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng".

- Kết hợp nội lực và ngoại lực, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong điều kiện mới.

+ Phát huy nội lực, coi nội lực là nhân tố quyết định, đồng thời kết hợp với khai thác ngoại lực.

+ Kết hợp phát huy sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế.

B. CÂU HỎI ÔN LUYỆN

Câu 1. Công cuộc Đổi mới ở Việt Nam là

A. quá trình cải cách toàn diện trên nhiều lĩnh vực, chủ yếu là chính trị.

B. công cuộc cải tổ chính trị do Chính phủ Việt Nam khởi xướng, giám sát. C. công cuộc cải tổ về chính sách đối nội và đối ngoại của các tổ chức xã hội.

D. quá trình cải cách toàn diện trên nhiều lĩnh vực, trọng tâm là kinh tế.

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau đây, trong mỗi ý A, B, C, D, học sinh chọn đúng hoặc sai.

“Chỉ có đổi mới thì mới thấy đúng và thấy hết sự thật, thấy những nhân tố mới để phát huy, những sai lầm để sửa chữa,... Muốn thế phải đấu tranh chống cái cũ, chống bảo thủ trì trệ, chống giáo điều rập khuôn, chống chủ quan nóng vội, chống tha hóa biến chất, chống những thói quen lỗi thời, dai dẳng”.

(Diễn văn khai mạc Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam, trích trong: Văn kiện Đảng, Toàn tập, Tập 47, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.690)

A. Đổi mới đất nước là yêu cầu tất yếu trong quá trình phát triển.

- B. Một trong những biểu hiện của đổi mới là chống giáo điều rập khuôn.
- C. Công cuộc Đổi mới thành công để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý báu.
- D. Nếu không tiến hành đổi mới sẽ không thể thấy đúng và thấy hết sự thật.

Câu 3. Một trong những nội dung chính của đường lối đổi mới ở Việt Nam giai đoạn 1986-1995 là

- A. đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, xây dựng và phát triển kinh tế tư nhân.
- B. xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.
- C. xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa gắn với phát triển văn hoá.
- D. đa phương hoá, đa dạng hoá các quan hệ quốc tế, chủ động hội nhập kinh tế khu vực và thế giới.

Câu 4. Đọc đoạn tư liệu sau đây, trong mỗi ý A, B, C, D, học sinh chọn đúng hoặc sai.

"Đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu xã hội chủ nghĩa mà là làm cho mục tiêu ấy được thực hiện có hiệu quả bằng những quan niệm đúng đắn về chủ nghĩa xã hội, những hình thức, bước đi và biện pháp thích hợp".

(Đảng Cộng sản Việt Nam, Nghị quyết Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VI), ngày 29-3-1989, trích trong: Văn kiện Đảng, Toàn tập, Tập 49, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.968)

- A. Đổi mới cần gắn liền với điều chỉnh mục tiêu xã hội chủ nghĩa. B. Đổi mới để thực hiện có hiệu quả mục tiêu đi lên chủ nghĩa xã hội.
- C. Công cuộc Đổi mới để lại những bài học kinh nghiệm quý giá.
- D. Xây dựng chủ nghĩa xã hội bằng những bước đi và biện pháp phù hợp.

Câu 5. Trong giai đoạn 1986 - 1995, nội dung chính của đường lối đổi mới về kinh tế ở Việt Nam là

- A. đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.
- B. đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, xoá bỏ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp.
- C. xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.
- D. tích cực hội nhập ngày càng sâu rộng vào kinh tế khu vực và kinh tế thế giới.

Câu 6. Nội dung cơ bản về chính trị của đường lối đổi mới trong giai đoạn 1986-1995 đổi mới ở Việt Nam là

- A. đổi mới nhưng không thay đổi quan niệm về chủ nghĩa xã hội.
- B. đổi mới nhưng không thay đổi mục tiêu xã hội chủ nghĩa. C. chỉ tiến hành đổi mới kinh tế, không đổi mới chính trị.
- D. từng bước xoá bỏ cơ chế quản lý kinh tế cũ.

Câu 7. Chủ trương đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá được Đảng Cộng sản Việt Nam đề ra từ

- A. năm 1994.
- B. năm 1995.
- C. năm 1996.
- D. năm 1997.

Câu 8. Đọc đoạn tư liệu sau đây, trong mỗi ý A, B, C, D, học sinh chọn đúng hoặc sai.

"Mục tiêu của công nghiệp hoá, hiện đại hóa là xây dựng nước ta thành một nước công nghiệp có cơ sở vật chất – kĩ thuật hiện đại, có cơ cấu kinh tế hợp lí, quan hệ sản xuất tiên bộ, phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, đời sống vật chất tinh thần cao, quốc phòng, an ninh vững chắc, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh".

(Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII (1996), NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.80)

- A. Mục tiêu của công nghiệp hoá, hiện đại hoá là xây dựng cơ cấu kinh tế Việt Nam ngày càng hiện đại.
- B. Mục tiêu của công nghiệp hoá, hiện đại hoá là đưa Việt Nam trở thành một nước công nghiệp.
- C. Cơ cấu kinh tế hợp lí và hiện đại là điều kiện tiên quyết của công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở Việt Nam.
- D. Trình độ của quan hệ sản xuất sẽ quyết định sự phát triển của lực lượng sản xuất và cơ sở vật chất – kĩ thuật.

Câu 9. Nội dung nào sau đây là một trong những nội dung cơ bản của đường lối công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở Việt Nam giai đoạn 1996-2006?

- A. Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng.
- B. Coi trọng công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn.
- C. Đẩy mạnh Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới.
- D. Phát triển các làng nghề thủ công truyền thống và trung tâm công nghiệp.

Câu 10. Đường lối đổi mới kinh tế của Đảng Cộng sản Việt Nam giai đoạn 1996 - 2006 không đề cập nội dung nào sau đây?

- A. Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.
- B. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá.
- C. Tích cực đổi mới mô hình tăng trưởng và cơ cấu lại nền kinh tế.
- D. Giảm tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.

Câu 11. Một trong những nhiệm vụ trung tâm của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam giai đoạn 1996-2006 là

- A. đổi mới cơ chế quản lí kinh tế, cải cách hệ thống giá, chống lạm phát.
- B. đổi mới chính sách văn hoá - xã hội, ưu tiên phát triển y tế, giáo dục.
- C. đổi mới hệ thống chính trị, đẩy mạnh xây dựng và chỉnh đốn Đảng.
- D. đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế.

Câu 12. Nội dung đường lối đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 2006 đến nay là

- A. hoàn chỉnh toàn bộ quan điểm, đường lối đối ngoại và hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam.
- B. phát triển nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.
- C. khắc phục khủng hoảng nhận thức về đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

D. thực hiện thành công công cuộc xoá đói giảm nghèo và đưa Việt Nam trở thành một nước công nghiệp.

Câu 13. Đọc đoạn tư liệu sau đây, trong mỗi ý A, B, C, D, học sinh chọn đi hoặc sai.

“Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta là nền kinh hàng hoá nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lí của M nước dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Đây là một hình thái kinh tế thị trường vừa tuân theo những quy luật của kinh tế thị trường, vừa dựa trên cơ sở và được dẫn dắt, chi phối bởi các nguyên tắc và bản chất của chủ nghĩa xã hội”.

(Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI (201) NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.204-205

- A. Nền kinh tế ở Việt Nam vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lí của Nhà nước.
- B. Nền kinh tế Việt Nam có nhiều thành phần khác nhau, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lí của Nhà nước.
- C. Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, không có sự tồn tại của thành phần kinh tế tư nhân.
- D. Kinh tế thị trường ở Việt Nam có sự chi phối bởi các nguyên tắc của chủ nghĩa xã hội.

Câu 14. Đọc đoạn tư liệu sau đây, trong mỗi ý A, B, C, D, học sinh chọn đúng hoặc sai.

"Quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường ở Việt Nam đã không gây xáo trộn về xã hội, đổ vỡ về chính trị như các cuộc cải tổ, cải cách ở các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu và Liên Xô trước đây. Con đường phát triển hợp quy luật đã giúp Việt Nam giảm nhanh được tình trạng nghèo đói, bước đầu xây dựng nền kinh tế công nghiệp hoá, đạt được tốc độ tăng trưởng kinh tế cao đi đôi với sự công bằng tương đối trong xã hội”.

(Nguyễn Ngọc Mão (Chủ biên), Lịch sử Việt Nam, Tập 15, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 2017, tr-422)

- A. Việt Nam liên tục đạt được tốc độ tăng trưởng cao và thành công trong công cuộc xoá đói giảm nghèo.

- B. Quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường ở Việt Nam không gây ra những biến động lớn về chính trị, xã hội.
- C. Quá trình phát triển ở Việt Nam nhìn chung có sự hài hoà giữa tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội.
- D. Nền kinh tế công nghiệp ở Việt Nam đạt được tốc độ tăng trưởng rất cao gắn liền với công bằng xã hội.

Câu 15. Nội dung nào sau đây là chủ trương chung trong đường lối đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 2006 đến nay?

- A. Xoá bỏ về cơ bản cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp, kế hoạch hoá.
- B. Tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, hội nhập quốc tế sâu rộng.
- C. Xây dựng thành phần kinh tế tư nhân giữ vai trò then chốt và chủ lực.
- D. Phát triển nền kinh tế kế hoạch hoá, kinh tế tư nhân là động lực cơ bản.

Câu 16. Nội dung nào sau đây là đường lối đổi mới ở Việt Nam từ năm 2006 đến nay về mặt chính trị?

- A. Đổi mới cơ chế quản lý cấp cơ sở, chấm dứt tình trạng tham nhũng.
- B. Bổ sung, hoàn chỉnh quan niệm về chủ nghĩa xã hội.
- C. Đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng.
- D. Xây dựng nhà nước pháp trị.

Câu 17. Đường lối đổi mới ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay chủ yếu được bổ sung, phát triển qua

- A. kết luận của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam.
- B. thông báo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam.
- C. các hội nghị định kỳ của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam.
- D. các kỳ Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Câu 18. Một trong những chủ trương nhất quán trong đường lối đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1986 đến nay là

- A. xây dựng nhà nước pháp quyền.
- B. xây dựng nhà nước pháp trị.
- C. phát triển kinh tế gắn liền với ổn định văn hoá.
- D. xây dựng nền văn hoá dân tộc ngày càng hiện đại.

Câu 19. Nội dung nào sau đây được thực hiện xuyên suốt trong đường lối đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1986 đến nay?

- A. Xây dựng nền kinh tế pháp quyền của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.
- B. Phát triển kinh tế tư nhân thành yếu tố vai trò chủ lực trong nền kinh tế.

C. Xây dựng nền kinh tế thị trường tiến lên chủ nghĩa xã hội.

D. Phát triển kinh tế nhiều thành phần.

Câu 20. Nội dung nào sau đây là một trong những thành tựu cơ bản của đổi mới mà chính trị ở Việt Nam trong thời kì Đổi mới từ năm 1986 đến nay?

A. Hoàn chỉnh hệ thống lí luận về đường lối đổi mới.

B. Hình thành hệ thống quan điểm lí luận về đường lối đổi mới.

C. Phát triển thành công học thuyết mới về chủ nghĩa xã hội.

D. Hoàn thiện quan điểm lí luận mới về chiến lược đổi mới.

Câu 21. Đọc đoạn tư liệu sau đây, trong mỗi ý A, B, C, D, học sinh chọn đúng hoặc sai.

"Xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phi hợp; có nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển; có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới".

(Đảng Cộng sản Việt Nam, Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011), trích trong: Văn kiện Đảng thời kì Đổi mới và hội nhập, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2013, tr. 735)

A. Cương lĩnh hướng đến xây dựng xã hội có nền văn hoá hiện đại, cuộc sống tự do.

B. Cương lĩnh có mục tiêu xây dựng xã hội có quan hệ tốt đẹp với các nước.

C. Cương lĩnh có mục tiêu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

D. Cương lĩnh hướng đến xây dựng một cộng đồng bình đẳng về giai cấp, dân tộc.

Câu 22. Trong công cuộc Đổi mới, nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam được phát huy và ngày càng mở rộng là thành tựu trên lĩnh vực

A. chính trị.

B. kinh tế.

C. văn hoá - xã hội.

D. đối ngoại.

Câu 23. Một trong những thành tựu nổi bật của thực tiễn quá trình đổi mới chính trị ở Việt Nam là

A. hình thành hệ thống lí luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội.

B. vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị – xã hội được chú trọng phát huy.

C. từng bước hình thành và phát triển mô hình nhà nước định hướng xã hội chủ nghĩa.

D. hoàn thành việc sáp nhập hệ thống chính quyền và đoàn thể các cấp ở các địa phương.

Câu 24. Đọc đoạn tư liệu sau đây, trong mỗi ý A, B, C, D, học sinh chọn đúng hoặc sai.

“Theo nhận thức của chúng ta, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế, vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, có sự quản lí của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa, nhằm mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh"..."

(Nguyễn Phú Trọng, Một số vấn đề lí luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2022, tr.25-26)

A. Kinh tế thị trường là nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung.

B. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là tất yếu và tiên tiến trên thế giới.

C. Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa có sự quản lí của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

D. Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa cần hướng đến mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

Câu 25. Năm 2008, Việt Nam đã đạt được thành tựu nào sau đây?

A. Thực hiện thành công công nghiệp hoá.

B. Trở thành nước công nghiệp mới.

C. Ra khỏi nhóm nước có thu nhập thấp.

D. Bình thường hoá quan hệ với Mỹ.

Câu 26. Một trong những thành tựu lớn của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam là

A. từng bước hình thành và hoàn thiện hệ thống chính quyền cơ sở ở các địa phương.

B. từng bước hình thành và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

C. hoàn thành mục tiêu xoá đói, giảm nghèo ở các địa phương vùng sâu, vùng xa.

D. xây dựng thành công nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Câu 27. Cho đoạn thông tin thống kê sau đây, trong mỗi ý A, B, C, D, học sinh chọn đúng hoặc sai.

Tỉ trọng nông, lâm, ngư nghiệp trong GDP của Việt Nam đã giảm từ 38,7% năm 1990 xuống còn 27,2% năm 1995, 24,3% năm 2000, chỉ số đó trong công nghiệp và xây dựng từ 22,7% năm 1990 tăng lên 28,8% năm 1995 và lên 36,6% năm 2000, dịch vụ từ 38,6% năm 1990 tăng lên 44,0% năm 1995 và ở mức 39,1% năm 2000.

A. Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế giai đoạn 1990 - 2000 nhìn chung phù hợp với xu hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

B. Tỉ trọng công nghiệp và xây dựng trong GDP của Việt Nam từ năm 1990 đến năm 2000 ngày càng gia tăng.

C. Tỷ trọng nông, lâm, ngư nghiệp trong GDP giai đoạn 1990 - 2000 cho thấy Việt Nam về cơ bản đã hoàn thành công nghiệp hoá.

D. Trong giai đoạn 1990-2000, GDP của Việt Nam liên tục tăng nhanh và có sự thay đổi tỷ trọng theo hướng gia tăng dịch vụ, thương mại

Câu 28. Cơ cấu các ngành kinh tế của Việt Nam năm 2020 là

A. nông nghiệp – công nghiệp và xây dựng – dịch vụ và thương mại.

B. công nghiệp nhẹ và khai thác khoáng sản – nông nghiệp - dịch vụ.

C. dịch vụ – công nghiệp và xây dựng – nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản.

D. công nghiệp, xây dựng và khai thác khoáng sản - thương mại - dịch vụ.

Câu 29. Thành tựu của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam về xã hội thể hiện trên những mặt chủ yếu nào sau đây?

A. Chăm sóc sức khỏe, thực hiện an sinh xã hội, xoá bỏ hoàn toàn đói nghèo.

B. Chính sách việc làm, xoá đói giảm nghèo, chăm sóc sức khỏe nhân dân.

C. Giải quyết việc làm, xoá bỏ đói nghèo, xây dựng chính sách an ninh xã hội.

D. Xoá đói giảm nghèo, chăm sóc sức khỏe, thực hiện an ninh xã hội.

Câu 30. Nội dung nào sau đây **không** phải là thành tựu của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam trên lĩnh vực văn hoá?

A. Nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc được chú trọng xây dựng và phát triển.

B. Giao lưu, hợp tác và hội nhập quốc tế về văn hoá ngày càng được mở rộng.

C. Bảo tồn được nguyên vẹn giá trị văn hoá vật thể trên phạm vi cả nước.

D. Các lĩnh vực, loại hình, sản phẩm văn hoá phát triển phong phú, đa dạng.

Câu 31. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng về quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam?

A. Diễn ra trong bối cảnh kinh tế – xã hội Việt Nam đang khủng hoảng sâu sắc.

B. Diễn ra chậm chạp do những khó khăn, cản trở tác động từ bên ngoài. C. Diễn ra từng bước, từ hội nhập kinh tế quốc tế đến hội nhập toàn diện, sâu rộng.

D. Diễn ra từng bước, từ hội nhập văn hoá đến hội nhập kinh tế, chính trị, xã hội.

Câu 32. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng thành tựu của hội nhập quốc tế về văn hoá trong thời kì Đổi mới ở Việt Nam?

A. Đời sống văn hoá của người dân được cải thiện.

B. Kí kết các thoả thuận, điều ước quốc tế có nội dung văn hoá.

C. Kế thừa, phát huy các giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc.

D. Bảo tồn, phát huy các di sản văn hoá của dân tộc.

Câu 33. Đọc đoạn tư liệu sau đây, trong mỗi ý A, B, C, D, học sinh chọn đúng hoặc sai.

"... Chúng ta đã mở rộng hợp tác về chính trị, quốc phòng, an ninh và các lĩnh vực khác; từng bước khẳng định được hình ảnh và vị thế của một quốc gia tích cực và có trách nhiệm; tăng cường sự hiểu biết của cộng đồng quốc tế về văn hoá, con người và đất nước Việt Nam, đóng góp tích cực cho việc duy trì, bảo vệ nền hoà bình chung thông qua các cơ chế, diễn đàn an ninh quốc tế và khu vực, thông qua xây dựng các chuẩn mực, quy tắc ứng xử chung quốc tế và khu vực".

(Vũ Văn Phúc, Hội nhập kinh tế quốc tế 30 năm nhìn lại, in trong: Hội nhập kinh tế quốc tế 30 năm nhìn lại, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2015, tr. 16)

- A. Việt Nam đã đạt được nhiều thành công trong lĩnh vực hội nhập kinh tế quốc tế.
- B. Hình ảnh, vị thế của Việt Nam được nâng cao trong quá trình hội nhập.
- C. Quá trình hội nhập quốc tế đã giúp cộng đồng thế giới hiểu đầy đủ về Việt Nam.
- D. Muốn hội nhập quốc tế, Việt Nam cần tự xây dựng các chuẩn mực, quy tắc ứng xử.

Câu 34. Đọc đoạn tư liệu sau đây, trong mỗi ý A, B, C, D, học sinh chọn đúng hoặc sai.

"Việt Nam là một câu chuyện phát triển thành công. Những cải cách kinh tế từ năm 1986, kết hợp với những xu hướng toàn cầu thuận lợi đã nhanh chóng giúp Việt Nam phát triển từ một trong những quốc gia nghèo nhất trên thế giới trở thành quốc gia thu nhập trung bình thấp chỉ trong vòng một thế hệ".

(Ngân hàng Thế giới, Tổng quan về Việt Nam).

- A. Việt Nam đã nhanh chóng trở thành một nước phát triển.
- B. Công cuộc Đổi mới ở Việt Nam đã thành công trọn vẹn.
- C. Việt Nam đã thoát nghèo, trở thành nước công nghiệp phát triển.
- D. Việt Nam có sự phát triển nhanh chóng trong công cuộc Đổi mới.

Câu 35. Nội dung nào sau đây thể hiện đúng về thành tựu của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam?

- A. Xoá bỏ tình trạng đói nghèo và tình trạng chênh lệch giàu nghèo trong đời sống xã hội.
- B. Đạt được nhiều thành tựu về chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá, hội nhập quốc tế....
- C. Xoá bỏ tình trạng người bóc lột người và nền kinh tế bao cấp.
- D. Đạt được thành tựu lớn và thay đổi cơ bản trạng thái văn hoá.

Câu 36. Một trong những thành tựu quan trọng nhất của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam là

- A. đưa đất nước trở thành nước đang phát triển có thu nhập cao.
- B. đưa đất nước trở thành nước phát triển có thu nhập trung bình.
- C. đưa đất nước vượt qua khủng hoảng về văn hoá – xã hội.
- D. đưa đất nước vượt qua khủng hoảng về kinh tế – xã hội.

Câu 37. Đọc đoạn tư liệu sau đây, trong mỗi ý A, B, C, D, học sinh chọn đúng hoặc sai.

"... Đường lối đổi mới đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam; cơ chế, chính sách đổi mới phù hợp của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; ý chí kiên cường, sáng tạo, tính năng động và sự nỗ lực phấn đấu vươn lên không cảm chịu nghèo khó của nhân dân Việt Nam. Các nguyên nhân này được đặt trong thể thống nhất hữu cơ, tạo nên những thành tựu to lớn và rất quan trọng của sự nghiệp Đổi mới".

(Đỗ Hoài Nam, Công cuộc đổi mới toàn diện đất nước của Việt Nam, trích trong: Việt Nam trong thế kỉ XX, Tập 1, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.355)

- A. Đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam, chính sách của Nhà nước và nỗ lực của nhân dân là những nguyên nhân cơ bản đưa đến thành tựu của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam.
- B. Sự nghiệp Đổi mới ở Việt Nam gắn liền với ý chí kiên cường, sáng tạo, sự năng động và nỗ lực của các tầng lớp nhân dân.
- C. Mọi cơ chế, chính sách do Nhà nước Việt Nam đề ra trong sự nghiệp Đổi mới là đúng đắn và phù hợp.
- D. Cơ chế do Nhà nước Việt Nam đề ra phù hợp với mong muốn của mọi người dân trên cả nước.

Câu 38. Đọc đoạn tư liệu sau đây, trong mỗi ý A, B, C, D, học sinh chọn đúng hoặc sai.

"Đổi mới ở Việt Nam là quá trình thử nghiệm, trong quá trình đó cái mới và cái cũ xen kẽ nhau, cái cũ không mất đi ngay mà lùi dần, có lúc, có nơi còn chiếm ưu thế hơn so với cái mới, nhưng xu hướng chung là cái mới dần được khẳng định và đưa tới thành công".

(Nguyễn Duy Quý, Hai mươi năm đổi mới thành tựu và những vấn đề đặt ra, trích trong: Việt Nam 20 năm đổi mới, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.581)

- A. Xu hướng chung của đổi mới ở Việt Nam là cái mới từng bước được khẳng định.
- B. Quá trình đổi mới ở Việt Nam có sự đan xen giữa cái mới và cái cũ.
- C. Đổi mới ở Việt Nam đã được khẳng định và thành công nhanh chóng.
- D. Đổi mới ở Việt Nam là quá trình phát triển nhanh và áp đảo của cái mới.

Câu 39. Nội dung nào sau đây là một trong những bài học kinh nghiệm của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay?

- A. Đổi mới toàn diện, nhanh chóng, từ đổi mới chính trị, xã hội đến đổi mới kinh tế, văn hoá.
- B. Đổi mới phải vì lợi ích của nhân dân, phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của nhân dân.
- C. Kiên quyết giữ vững bản sắc văn hoá, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của đất nước.
- D. Không thay đổi mục tiêu đi lên chủ nghĩa xã hội, kết hợp sức mạnh giai cấp với sức mạnh thời đại.

Câu 40. Đọc đoạn tư liệu sau đây, trong mỗi ý A, B, C, D, học sinh chọn đúng hoặc sai.

“Cách mạng là sự nghiệp của nhân dân, vì nhân dân và do nhân dân. Chính những ý kiến, nguyện vọng và sáng kiến của nhân dân này sinh từ thực tiễn là một nguồn gốc hình thành đường lối đổi mới của Đảng. Dựa vào nhân dân, qua thực tiễn phong phú của nhân dân, tiến hành tổng kết, từng bước tìm ra quy luật các mặt của cuộc sống để đi lên – đó là chìa khóa của thành công”.

(Nhiều tác giả, Tài liệu tham khảo phục vụ nghiên cứu tổng kết 30 năm đổi mới, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2013, tr.81)

- A. Cần thực hiện mọi ý kiến, nguyện vọng và sáng kiến của nhân dân.
- B. Toàn bộ đường lối Đổi mới hình thành từ các ý kiến của nhân dân.
- C. Ý kiến của của nhân dân là một nguồn gốc hình thành đường lối đổi mới.
- D. Để thành công, quá trình đổi mới cần dựa vào nhân dân và thực tiễn.

Câu 41. Quá trình nào sau đây cho thấy công cuộc Đổi mới ở Việt Nam hiện nay đang tiếp tục được đẩy mạnh?

- A. Hoàn thành cải cách nền giáo dục.
- B. Hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng.
- C. Hoàn thành quá trình hội nhập khu vực về văn hoá.
- D. Thoát khỏi khủng hoảng nợ công ở khu vực và toàn cầu.

CHỦ ĐỀ 5

HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI CỦA VIỆT NAM THỜI CẬN – HIỆN ĐẠI

A KIẾN THỨC CƠ BẢN

1. Hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến năm 1975

a) Hoạt động đối ngoại của một số nhà yêu nước Việt Nam tiêu biểu đầu thế kỉ XX

* Phan Bội Châu

- Từ năm 1905 đến năm 1908: Sang Nhật Bản, tìm kiếm sự ủng hộ đối với công cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc của Việt Nam; tổ chức phong trào Đông du.
- Từ năm 1909 đến năm 1925: Hoạt động chủ yếu ở Trung Quốc, thành lập và triển khai - các hoạt động của Việt Nam Quang phục Hội; cử người liên lạc với một số tổ chức, đại diện nước ngoài.

* Phan Châu Trinh

- Năm 1906: Sang Nhật Bản, tìm kiếm sự ủng hộ đối với công cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc của Việt Nam; tổ chức phong trào Đông du.
- Từ năm 1911 đến năm 1925: Hoạt động tại Pháp, tìm cách thức tinh dư luận Pháp về tình hình Việt Nam, tranh thủ sự giúp đỡ cho cách mạng Việt Nam.

* Nguyễn Ái Quốc

- Từ năm 1918 đến năm 1920: Gia nhập Đảng Xã hội Pháp; gửi bản Yêu sách của nhà dân An Nam đến Hội nghị Véc-xai; bỏ phiếu tán thành Đảng Xã hội Pháp gia nhập Quốc tế Cộng sản; tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp.
- Từ năm 1921 đến năm 1930: Tham dự nhiều hoạt động của Quốc tế Cộng sản Liên Xô, Trung Quốc; tham gia sáng lập Hội Liên hiệp thuộc địa và Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông.

b) Hoạt động đối ngoại của Đảng Cộng sản Đông Dương thời kì 1930 – 1945

Thời gian	Hoạt động
Giai đoạn 1930-1940	<ul style="list-style-type: none">- Duy trì liên lạc với Quốc tế Cộng sản, các đảng cộng sản và phong trào vô sản.- Thể hiện sự ủng hộ phong trào cách mạng thế giới.- Tìm kiếm sự giúp đỡ đối với công cuộc giải phóng dân tộc của Việt Nam.
Giai đoạn 1941-1945	<ul style="list-style-type: none">- Thông qua Mặt trận Việt Minh, thể hiện chủ trương ủng hộ Liên Xô cùng lực lượng Đồng minh trong cuộc chiến chống phát xít.- Tiến hành vận động ngoại giao để tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ của lực lượng Đồng minh.

c) Hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp (1945-1954)

- Từ năm 1945: Tìm kiếm sự công nhận và giúp đỡ của quốc tế đối với Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.
- Trước ngày 6-3-1946: Thực hiện chính sách ngoại giao mềm mỏng với quân đội Trung Hoa Dân Quốc, kiên quyết chống thực dân Pháp xâm lược.
- Từ ngày 6-3-1946: Ký với Pháp Hiệp định Sơ bộ (6-3-1946): kí với Pháp Tạm ước Việt - Pháp (14-9-1946).
- 1947-1949: Thiết lập cơ quan đại diện ngoại giao, phòng Thông tin tại một số nước; cử đại diện tham gia một số hội nghị quốc tế và khu vực.
- Năm 1950: Thiết lập quan hệ ngoại giao với Trung Quốc, Liên Xô và một số nước Đông Âu.
- Năm 1951: Tổ chức hội nghị thành lập Liên minh nhân dân Việt - Miên - Lào
- Năm 1954: Cử phái đoàn ngoại giao tham dự hội nghị và kí kết Hiệp định Giơ-ne-vơ về Đông Dương.

d) Hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975)

Hoạt động	Những sự kiện tiêu biểu
Đấu tranh yêu cầu thực hiện Hiệp định Giơ-ne-vơ	Từ năm 1954 đến năm 1958, Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà nhiều lần gửi công hàm cho chính quyền Sài Gòn và các bên liên quan, yêu cầu thực hiện nội dung của Hiệp định Giơ-ne-vơ.
Củng cố, phát triển quan hệ với các nước xã hội chủ nghĩa	Chủ tịch Hồ Chí Minh và lãnh đạo cấp cao của Việt Nam đã có nhiều cuộc tiếp xúc với lãnh đạo các nước xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là Trung Quốc, Liên Xô.
Tăng cường mối quan hệ đoàn kết giữa ba nước Đông Dương	- Năm 1965, Hội nghị nhân dân ba nước Đông Dương diễn ra tại Phnôm Pênh (Cam-pu-chia). - Năm 1970, Hội nghị cấp cao ba nước Đông Dương ra tuyên bố chung.
Đàm phán, kí kết Hiệp định Pa-ri	- Năm 1968, đàm phán chính thức giữa đại diện Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và đại diện Chính phủ Mỹ diễn ra tại Pa-ri - Năm 1973, Hiệp định Pa-ri được kí kết.
Mở rộng quan hệ ngoại giao với các nước	Việt Nam thiết lập, mở rộng quan hệ ngoại giao với nhiều nước như: Cu-ba (1960), Ca-mo-run (1972), Hà Lan, Nhật Bản, Ô-xtrây-li-a, Pháp (1973), Nê-pan, Ni-giê-ri-a (1975)....
Đẩy mạnh đối ngoại nhân dân	Năm 1968, Ủy ban Việt Nam đoàn kết với nhân dân Mỹ được thành lập.

2. Hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam từ năm 1975 đến nay

a) Hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong giai đoạn 1975-1985

Hoạt động	Những sự kiện tiêu biểu
Đẩy mạnh hợp tác toàn diện với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa	- Năm 1978, Việt Nam và Liên Xô kí Hiệp ước hữu nghị và hợp tác - Năm 1978, Việt Nam gia nhập Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV) và kí nhiều hiệp ước với các nước xã hội chủ nghĩa.
Phát triển quan hệ với các nước láng giềng Đông Nam Á, thúc đẩy đối thoại với ASEAN	- Năm 1977, Việt Nam và Lào kí Hiệp ước hữu nghị và hợp tác - Năm 1979, Việt Nam giúp nhân dân Cam-pu-chia lật đổ chế độ diệt chủng Khơ-me Đỏ.
Tham gia và đóng góp tích cực vào Phong trào Không liên kết	Năm 1976, nước Việt Nam thống nhất chính thức gia nhập Phong trào Không liên kết.
Phát triển quan hệ đối ngoại với các quốc gia và tổ chức quốc tế	Năm 1977, Việt Nam trở thành thành viên Liên hợp quốc.
Bước đầu đàm phán bình thường hoá quan hệ với Mỹ	Từ năm 1977, nhiều cuộc hội đàm Việt - Mỹ đã diễn ra tại Pa-ri và Hà Nội.

b) Hoạt động đối ngoại của Việt Nam từ năm 1986 đến nay

Hoạt động	Những sự kiện tiêu biểu
Phá thế bao vây, cô lập, cấm vận	- Năm 1991, Việt Nam và Trung Quốc bình thường hóa quan hệ ngoại giao. - Năm 1995, Việt Nam và Mỹ bình thường hoá quan hệ ngoại giao.
Củng cố quan hệ hữu nghị truyền thống với Lào, Cam-pu-chia	Năm 2005, lãnh đạo cấp cao Việt Nam và Cam-pu-chia nhất trí phát triển quan hệ song phương theo phương châm: Láng giềng tốt đẹp, hữu nghị truyền thống, hợp tác toàn diện, bền vững lâu dài.
Tham gia ASEAN, thúc đẩy hoạt động đối ngoại ở Đông Nam Á	- Năm 1995, Việt Nam trở thành thành viên thứ 7 của ASEAN, - Việt Nam đảm nhiệm vai trò nước Chủ tịch ASEAN vào các năm 1998, 2010, 2020.
Thiết lập và mở rộng quan hệ hợp tác với	Từ năm 2008 đến năm 2023, Việt Nam lần lượt thiết lập, nâng cấp quan hệ đối tác chiến lược toàn diện với Trung Quốc, Nga, Ấn Độ,

hiệu đối tác	Hàn Quốc, Mỹ, Nhật Bản.
Gia nhập và đóng góp tích cực đối với các tổ chức, diễn đàn quốc tế	- Năm 2007, Việt Nam chính thức gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO). - Năm 2014, Việt Nam lần đầu tiên cử quân nhân tham gia hoạt động gìn giữ hoà bình của Liên hợp quốc.
Đàm phán, thương lượng nhằm bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia; giải quyết tranh chấp, bất đồng trong vấn đề biên giới.	- Năm 1997, Việt Nam và Thái Lan kí Hiệp định phân định ranh giới trên biển. - Năm 2000, Việt Nam và Trung Quốc kí Hiệp định phân định vịnh Bắc Bộ.
Mở rộng các hoạt động đối ngoại như hỗ trợ nhân đạo, cứu hộ thảm họa thiên tai, bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu,...	- Năm 1998, Việt Nam ký Nghị định thư Ky-ô-tô. - Năm 2023, Việt Nam hỗ trợ khẩn cấp về tài chính và cử lực lượng quân đội tham gia hỗ trợ nhân đạo, cứu trợ thảm họa tại Thổ Nhĩ Kỳ.

B. CÂU HỎI ÔN LUYỆN

Câu 1. Đầu thế kỉ XX, Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Nguyễn Ái Quốc là những nhà yêu nước Việt Nam tiêu biểu thực hiện

- A. những hoạt động đối ngoại bước đầu.
- B. những hoạt động ngoại giao chính thức.
- C. các hoạt động ngoại giao với các nước.
- D. các hoạt động đối ngoại chính thức.

Câu 2. Trong giai đoạn 1905 – 1909, những hoạt động đối ngoại của Phan Bội Châu chủ yếu diễn ra ở

- A. Liên Xô.
- B. Xiêm (Thái Lan).
- C. Trung Quốc.
- D. Nhật Bản.

Câu 3. Trong những năm ở Pháp giai đoạn 1911 - 1925, Phan Châu Trinh đã có hoạt động đối ngoại nào sau đây?

- A. Viết báo, diễn thuyết đề thức tỉnh dư luận Pháp về tình hình Việt Nam.

- B. Sáng lập Hội Chấn Hoa Hưng Á và nhiều tổ chức chính trị khác.
- C. Tổ cáo và lên án Chính phủ Pháp cùng chính phủ các nước phương Tây.
- D. Tổ chức phong trào Đông du, tham gia các hoạt động của Đảng Xã hội Pháp.

Câu 4. Trong giai đoạn 1921 – 1930, Nguyễn Ái Quốc đã tham gia sáng lập .

- A. Hội Liên hiệp thuộc địa
- B. Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Đông Nam Á.
- C. Hội Liên hiệp các nước thuộc địa và phụ thuộc châu Á.
- D. Hội Liên hiệp các quốc gia bị áp bức ở Đông Á.

Câu 5. Hoạt động đối ngoại của Đảng Cộng sản Đông Dương trong giai đoạn 1930-1940 là

- A. duy trì liên lạc với Quốc tế Cộng sản, các đảng cộng sản và phong trào vô sản ở các nước.
- B. duy trì liên lạc với Quốc tế Vô sản, các đảng xã hội và phong trào vô sản ở các nước.
- C. thể hiện sự ủng hộ Liên Xô, các nước xã hội chủ nghĩa và các nước thuộc phe Đồng minh.
- D. thể hiện sự ủng hộ các nước thuộc phe Đồng minh và các nước xã hội chủ nghĩa.

Câu 6. Trong giai đoạn 1941 – 1945, chủ trương và chính sách đối ngoại của Đảng Cộng sản Đông Dương được thể hiện chủ yếu thông qua tổ chức nào sau đây?

- A. Ban Chỉ huy hải ngoại.
- B. Mặt trận Liên Việt.
- C. Quốc tế Cộng sản.
- D. Mặt trận Việt Minh.

Câu 7. Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà sau khi mới ra đời đã thực hiện các hoạt động đối ngoại nhằm

- A. bảo vệ chính quyền, thống nhất đất nước, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.
- B. tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế đối với sự nghiệp đấu tranh bảo vệ độc lập dân tộc.
- C. tránh đối đầu cùng lúc nhiều kẻ thù, từng bước đánh bại quân Tưởng và Trung Hoa Dân Quốc.
- D. tránh chiến tranh, đàm phán thương lượng bằng mọi giá, đặc biệt là với Chính phủ Pháp.

Câu 8. Cho đoạn thông tin thống kê sau đây, trong mỗi ý A, B, C, D, học sinh chọn đúng hoặc sai.

Từ tháng 9-1945 đến tháng 12-1946, thay mặt Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi nhiều thư, điện và công hàm cho Đại hội đồng Liên hợp quốc và chính phủ một số nước. Trong đó có 8 văn bản đến Tổng thống Mỹ Tru-man, 4 văn bản đến Tưởng Giới Thạch, 3 văn bản đến Xta-lin, 3 văn bản đến Ngoại trưởng Mỹ, 3 văn bản đến Liên hợp quốc. Nội dung chủ yếu của các văn bản khẳng định tính hợp pháp của Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, đề nghị giúp đỡ, công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với Việt Nam.

- A. Hồ Chí Minh đã nỗ lực tìm kiếm sự công nhận, giúp đỡ từ cộng đồng quốc tế.
- B. Hồ Chí Minh đã tìm cách duy trì độc lập, tự do của Việt Nam bằng mọi giá
- C. Chính phủ Việt Nam đã từng bước nhận được sự giúp đỡ, công nhận của nhiều nước trên thế giới.
- D. Một số nước trên thế giới đã bước đầu công nhận, thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Câu 9. Đọc đoạn tư liệu sau đây, trong mỗi ý A, B, C, D, học sinh chọn đúng hoặc sai.

"Chính phủ Pháp công nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà là một quốc gia tự do có Chính phủ của mình, Nghị viện của mình, quân đội của mình, tài chính của mình, và là một phần từ trong Liên bang Đông Dương, ở trong khối Liên hiệp Pháp".

(Trích: Khoản 1, Hiệp định Sơ bộ Việt - Pháp, ngày 6-3-1946)

- A. Pháp công nhận nền độc lập, tự do của Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.
- B. Pháp công nhận Việt Nam Dân chủ Cộng hoà là quốc gia tự do.
- C. Pháp thừa nhận nền độc lập, tự do của Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, thuộc khối Liên hiệp Pháp.
- D. Pháp công nhận Việt Nam Dân chủ Cộng hoà là quốc gia trong khối Liên hiệp Pháp.

Câu 10. Năm 1950, quốc gia đầu tiên trên thế giới thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam Dân chủ Cộng hoà là

- A. Liên Xô.
- B. Trung Quốc.
- C. Cộng hoà Dân chủ Đức.
- D. Cộng hoà Liên bang Đức.

Câu 11. Đọc đoạn tư liệu sau đây, trong mỗi ý A, B, C, D, học sinh chọn đúng hoặc sai.

"Trong quan hệ của các nước với Cam-pu-chia, Lào, và Việt Nam, mỗi thành viên của Hội nghị Giơ-ne-vơ cam kết tôn trọng chủ quyền, nền độc lập, sự thống nhất, và sự toàn vẹn lãnh thổ của mỗi nước được đề cập, và để kiềm chế khỏi sự gây cản trở vào công việc nội bộ của các nước này".

(Trích: Bản tuyên bố cuối cùng của Hội nghị Giơ-ne-vơ về Đông Dương, ngày 21-7-1954)

- A. Chủ quyền, độc lập, thống nhất và tự do lãnh thổ của Việt Nam được đề cao.
- B. Các nước thành viên cam kết tôn trọng những quyền cơ bản của các nước Đông Dương.
- C. Các nước thành viên bảo đảm về lâu dài sự thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của các nước Đông Dương.
- D. Các nước thành viên chính thức tuyên bố không xâm lược hoặc can thiệp vào công việc nội bộ của Việt Nam.

Câu 12. Trong thời kì 1954 - 1975, hoạt động đối ngoại của Việt Nam tập trung phục vụ sự nghiệp nào sau đây?

- A. Bảo vệ miền Bắc, xây dựng chủ nghĩa xã hội.
- B. Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.
- C. Bảo vệ và thống nhất chủ nghĩa xã hội.
- D. Thống nhất đất nước bằng con đường hoà bình.

Câu 13. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975), Việt Nam chủ yếu củng cố, phát triển quan hệ với

- A. Trung Quốc, Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa.
- B. Trung Quốc, Liên Xô và các nước Tây Âu.
- C. Liên Xô và các nước Đông Nam Á.
- D. Trung Quốc và các nước Đông Nam Á.

Câu 14. Đọc đoạn tư liệu sau đây, trong mỗi ý A, B, C, D, học sinh chọn đúng hoặc sai.

"Điều 1. Hoa Kỳ và các nước khác tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ cả nước Việt Nam như Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954 về Việt Nam đã công nhận....

Điều 2. Một cuộc ngưng bắn sẽ được thực hiện trên khắp miền Nam Việt Nam kể từ 24 giờ (giờ GMT), ngày 27-1-1973.

Cũng ngày giờ nói trên, Hoa Kỳ sẽ chấm dứt mọi hoạt động quân sự của Hoa Kỳ chống lãnh thổ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà bằng mọi lực lượng trên bộ, trên không, trên biển bắt cứ từ đâu tới....".

(Trích: Hiệp định Pa-ri về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam, ngày 27-1-1973)

- A. Mỹ cam kết tôn trọng một số quyền cơ bản của Việt Nam như trong nội dung của Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954.
- B. Mỹ cam kết ngừng bắn trên toàn lãnh thổ Việt Nam và ngừng chống phá nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.
- C. Mỹ rút toàn bộ quân đội và cố vấn ngay lập tức khỏi Việt Nam.
- D. Các bên sẽ thực hiện ngừng bắn trên toàn miền Nam Việt Nam.

Câu 15. Chủ trương đối ngoại nào sau đây được Việt Nam vận dụng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước?

- A. Ngoại giao đi trước, quân sự hỗ trợ.
- B. Phối hợp mặt trận chính diện và sau lưng địch.
- C. Kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh vũ trang.
- D. Vừa đánh vừa đàm, vừa đàm vừa đánh.

Câu 16. Một trong những hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong giai đoạn 1975- 1985 là

- A. thành lập các tổ chức thương mại khu vực và quốc tế.
- B. đấu tranh chống chính sách bao vây, cấm vận từ bên ngoài.
- C. tham gia tích cực các diễn đàn của tổ chức ASEAN.
- D. đẩy mạnh các hoạt động bảo vệ môi trường và hỗ trợ nhân đạo.

Câu 17. Trong giai đoạn 1975 – 1985, Việt Nam đẩy mạnh hợp tác toàn diện với

- A. Liên Xô, Trung Quốc và các nước Đông Nam Á.
- B. Liên Xô, Cam-pu-chia và các nước ASEAN.
- C. Liên Xô, Trung Quốc và các nước Đông Âu.
- D. Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa.

Câu 18. Nội dung nào sau đây không phản ánh đúng về hoạt động đối ngoại của Việt Nam từ năm 1986 đến nay? A. Phá thế bao vây, cấm vận.

- B. Thiết lập và mở rộng quan hệ hợp tác với nhiều đối tác.
- C. Gia nhập và đóng góp tích cực đối với các tổ chức, diễn đàn quốc tế.
- D. Việt Nam trở thành thành viên chủ lực nhất trong tổ chức ASEAN.

Câu 19. Hoạt động đối ngoại của Việt Nam từ năm 1986 đến nay đạt được nhiều kết quả và đột phá lớn trong thời gian nào sau đây?

- A. Đầu những năm 90 của thế kỉ XX.
- B. Cuối những năm 80 của thế kỉ XX.
- C. Cuối những năm 90 của thế kỉ XX.
- D. Thập kỉ đầu của thế kỉ XXI.

Câu 20. Sự kiện nào sau đây diễn ra năm 1995?

- A. Việt Nam gia nhập ASEAN.
- B. Việt Nam đảm nhiệm vai trò nước Chủ tịch ASEAN.
- C. Việt Nam chính thức tham gia Diễn đàn hợp tác Á – Âu.
- D. Việt Nam tham gia ký kết Hiệp định hoà bình Pa-ri về Cam-pu-chia.

Câu 21. Từ năm 2008 đến năm 2023, Việt Nam đã thiết lập, nâng cấp quan hệ đối tác chiến lược toàn diện với những quốc gia nào sau đây?

- A. Trung Quốc, Liên bang Nga, Ấn Độ, Hàn Quốc, Mỹ, Nhật Bản.
- B. Trung Quốc, Liên bang Nga, Lào, Hàn Quốc, Mỹ, Nhật Bản.
- C. Trung Quốc, Liên bang Nga, Cu-ba, Hàn Quốc, Mỹ, Nhật Bản.
- D. Trung Quốc, Liên bang Nga, Ấn Độ, Triều Tiên, Mỹ, Nhật Bản.

Câu 22. Hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong những năm gần đây còn gắn liền với

- B. ứng phó biến đổi thời tiết, cứu hộ tài nguyên môi trường.
- A. iện trợ không hoàn lại cho các nước phát triển, cứu hộ thiên tai, bảo vệ khí hậu.
- C. giao lưu văn hoá, ứng phó biến đổi thời tiết, bảo vệ thảm hoạ.
- D. hỗ trợ nhân đạo, cứu hộ thảm hoạ thiên tai, bảo vệ môi trường.

Câu 23. Hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong những năm gần đây tiếp tục đóng vai trò nào sau đây?

- A. Giúp Việt Nam thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - văn hoá.
- B. Giúp Việt Nam đạt được những thành tựu đột phá về an ninh.
- C. Góp phần nâng cao vị thế của Việt Nam trong khu vực và trên thế giới.
- D. Đưa Việt Nam chính thức trở thành nước công nghiệp phát triển.

CHỦ ĐỀ 6: HỒ CHÍ MINH TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

1. Khái quát về cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh

** Khái quát về cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh*

- Những yếu tố ảnh hưởng đến cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh

+ Hoàn cảnh đất nước: Cuối thế kỉ XIX, các phong trào yêu nước chống Pháp đều lần lượt thất bại.

+ Hoàn cảnh quê hương: Là địa phương có truyền thống hiếu học và khoa bảng, người dân cần cù, chịu khó

+ Hoàn cảnh gia đình: Xuất thân trong một gia đình nhà nho yêu nước.

- Tiểu sử và tiến trình hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh

+ Từ năm 1890 đến năm 1911:

Sinh ngày 19-5-1890 tại xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

Năm 1910: dạy học tại Trường Dục Thanh ở Phan Thiết rồi vào Sài Gòn (1911)

+ Từ năm 1911 đến năm 1919

Năm 1911: Nguyễn Tất Thành lấy tên là Văn Ba, sang phương Tây tìm đường cứu nước Năm

1918: tham gia hoạt động trong Đảng Xã hội Pháp.

Năm 1919: gửi bản Yêu sách của nhân dân An Nam đến Hội nghị Véc-xai để đòi quyền lợi cho dân tộc Việt Nam.

+ Từ năm 1920 đến năm 1945

Chuẩn bị các điều kiện về tư tưởng, chính trị và tổ chức cho cách mạng Việt Nam.

Tháng 8-1945: cùng với Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo toàn dân Tổng khởi nghĩa giành chính quyền, đưa tới sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (2-9-1945).

+ Từ năm 1945 đến năm 1969:

Lãnh đạo nhân dân bên hành kháng chiến chống Pháp (1945-1954) và chống Mỹ, cái nước (từ năm 1954 đến năm 1969), tham gia xây dựng và bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa

Ngày 2-9-1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh từ trần tại Hà Nội

2. Hồ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc

* Hành trình đi tìm đường cứu nước (1911-1920)

- Từ năm 1911: đi qua nhiều châu lục, làm nhiều công việc để vừa kiếm sống vừa tìm hiểu thực tiễn.

- Tháng 7-1920: đọc bản Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của Lê-nin, đi đến khẳng định: muốn cứu nước và giải phóng dân tộc, không có con đường nào khác ngoài con đường cách mạng vô sản.

* Chuẩn bị và thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (1921-1930)

- Chuẩn bị về tư tưởng, chính trị và tổ chức.

- Năm 1930, triệu tập và chủ trì Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Chấm dứt tình trạng khủng hoảng về đường lối cứu nước và giai cấp lãnh đạo kéo dài nhiều thập kỉ.

* Chuẩn bị và lãnh đạo Cách mạng tháng Tám năm 1945

- Triệu tập và chủ trì Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (5-1941) tại Pác Bó (Cao Bằng).

- Sáng lập Mặt trận Việt Minh (19-5-1941).

- Xây dựng và mở rộng căn cứ địa cách mạng.

- Lãnh đạo Cách mạng tháng Tám năm 1945, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

* Lãnh đạo cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954)

- Giai đoạn 1945 - 1946: đưa cách mạng Việt Nam vượt qua nhiều khó khăn, thử thách; kí với Pháp Hiệp định Sơ bộ (6-3-1946) và Tạm ước Việt - Pháp (14-9-1946).

- Giai đoạn 1946-1954: cùng với Đảng và Chính phủ lãnh đạo nhân dân cả nước kết hợp thực hiện hai nhiệm vụ kháng chiến và kiến quốc.

* Lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (từ năm 1954 đến năm 1969)

Có những đóng góp to lớn đối với việc thực hiện nhiệm vụ chiến lược của cách mạng ở hai miền Nam - Bắc và nhiệm vụ chung của cả nước.

3. Dấu ấn Hồ Chí Minh trong lòng nhân dân thế giới và Việt Nam

Dấu ấn Hồ Chí Minh trong lòng nhân dân thế giới và Việt Nam

** Hồ Chí Minh trong lòng nhân dân thế giới*

- Năm 1987, cuộc họp của Đại hội đồng UNESCO lần thứ 24 ở Pa-ri (Pháp) đã ra Nghị quyết số 240/18.65, ghi nhận: Chủ tịch Hồ Chí Minh, Anh hùng giải phóng dân tộc và Nhà văn hoá kiệt xuất của Việt Nam.

- Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam, đồng thời góp phần vào cuộc đấu tranh chung của các dân tộc trên thế giới.

- Chủ tịch Hồ Chí Minh còn có đóng góp quan trọng về nhiều mặt trên các lĩnh vực tư tưởng, văn hoá, giáo dục, nghệ thuật, nhân cách, lối sống...

** Hồ Chí Minh trong lòng nhân dân Việt Nam*

- Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cống hiến và hi sinh cả cuộc đời cho dân tộc Việt Nam.

- Chủ tịch Hồ Chí Minh còn là tấm gương sáng về đạo đức, phẩm chất, lối sống cho các thế hệ người dân Việt Nam.

- Sự vinh danh và tri ân của nhân dân Việt Nam đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh được nối tiếp qua nhiều thế hệ với những hình thức khác nhau: xây dựng công trình tưởng niệm, xây dựng hình tượng, nhân cách trong văn học, nghệ thuật....

B. CÂU HỎI ÔN LUYỆN

Câu 1. Cuối thế kỉ XIX, hoàn cảnh nào sau đây của đất nước đã ảnh hưởng đến cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh?

- A. Thực dân Pháp đã đặt được ách cai trị trên toàn lãnh thổ Việt Nam.
- B. Phong trào đấu tranh theo khuynh hướng vô sản diễn ra rộng khắp.
- C. Cách mạng Việt Nam đi theo con đường cách mạng vô sản.
- D. Thực dân Pháp hoàn thành cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất.

Câu 2. Nội dung nào sau đây không đúng về Nghệ An – quê hương của Hồ Chí Minh?

- A. Diễn ra nhiều phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp.
- B. Cư dân có truyền thống hiếu học và khoa bảng.
- C. Trung tâm công nghiệp lớn nhất cả nước.
- D. Là nơi sản sinh ra nhiều danh nhân.

Câu 3. Nội dung nào sau đây đúng về hoàn cảnh gia đình đã ảnh hưởng đến cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh?

- A. Thân mẫu từng thi đỗ cử nhân tại trường thi Nghệ An.
- B. Thân phụ là một tấm gương sáng về ý chí vượt khó.
- C. Thân phụ là người tham gia khởi xướng phong trào Đông du.
- D. Thân phụ đã từng tích cực tham gia cuộc vận động Duy tân.

Câu 4. Hồ Chí Minh còn có tên gọi khác là

- A. Nguyễn Sinh Sắc.
- B. Nguyễn Sinh Khiêm.
- C. Nguyễn Tất Đạt.
- D. Văn Ba.

Câu 5. Năm 1910, Nguyễn Tất Thành đã dạy học tại

- A. Trường Tiểu học Pháp – Việt Đông Ba.
- B. Trường Quốc Học Huế.
- C. Trường Dục Thanh ở Phan Thiết.
- D. Trường làng tại Nghệ An.

Câu 6. Từ năm 1911 đến năm 1919, Nguyễn Ái Quốc có hoạt động tiêu biểu nào sau đây?

- A. Gửi bản *Yêu sách của nhân dân An Nam đến Hội nghị Véc-xai*.
- B. Tham gia hoạt động trong Quốc tế Cộng sản.
- C. Tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp.
- D. Bỏ phiếu tán thành Quốc tế thứ nhất.

Câu 7. Từ năm 1920, con đường cứu nước giải phóng dân tộc Việt Nam th Nguyễn Ái Quốc lựa chọn là

- A. theo khuynh hướng dân chủ tư sản.
- B. đấu tranh vũ trang kết hợp bãi công, biểu tình.
- C. kêu gọi sự ủng hộ từ các nước khác trên thế giới.
- D. theo khuynh hướng cách mạng vô sản.

Câu 8. Tháng 8-1945, Hồ Chí Minh cùng với Đảng Cộng sản Đông Dương đã

- A. tổ chức Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 8.
- B. thành lập Mặt trận Việt Minh và Mặt trận Liên Việt.
- C. phát động toàn dân Tổng khởi nghĩa giành chính quyền thành công.
- D. thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân.

Câu 9. Nội dung nào sau đây là vai trò của Hồ Chí Minh từ năm 1945 đến năm 1969?

- A. Lãnh đạo nhân dân cả nước tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.

- B. Lãnh đạo nhân dân tiến hành kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ.
- C. Lãnh đạo nhân dân miền Bắc chống chiến tranh phá hoại lần thứ hai của Mỹ
- D. Lãnh đạo nhân dân miền Nam chống chiến tranh phá hoại lần thứ hai của Mỹ.

Câu 10. Nội dung nào sau đây là ý nghĩa của sự kiện Nguyễn Ái Quốc tìm ra con đường cứu nước năm 1920?

- A. Đưa cách mạng Việt Nam đi theo khuynh hướng tư sản.
- B. Mở ra con đường cứu nước theo khuynh hướng dân chủ vô sản.
- C. Bước đầu giải quyết được cuộc khủng hoảng về đường lối giải phóng dân tộc
- D. Chuẩn bị đủ các điều kiện cho việc thành lập Đảng Cộng sản Đông Dương.

Câu 11. Đọc đoạn tư liệu sau đây, trong mỗi ý A, B, C, D, học sinh chọn đúng hoặc sai.

".. Luận cương của Lê-nin làm cho tôi rất cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng biết bao! Tôi vui mừng đến phát khóc lên. Ngồi một mình trong buồng mà tôi nói to lên như đang nói trước quần chúng đông đảo: "Hỡi đồng bào bị đọa đày đau khổ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta!". Từ đó tôi hoàn toàn tin theo Lê-nin, tin theo Quốc tế thứ ba".

(Hồ Chí Minh, Con đường dẫn tôi đến chủ nghĩa Mác – Lê-nin, trích trong: Hồ Chí Minh, Toàn tập, Tập 12, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.562)

- A. Đoạn tư liệu thể hiện cảm xúc của Nguyễn Ái Quốc khi đọc bản Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của Lê-nin.
- B. Trong đoạn tư liệu, Nguyễn Ái Quốc khẳng định: muốn cứu nước và giải phóng dân tộc, không có con đường nào khác ngoài con đường cách mạng vô sản.
- C. Đoạn tư liệu cho thấy Nguyễn Ái Quốc bỏ phiếu tán thành việc gia nhập Quốc tế Cộng sản.
- D. Đoạn tư liệu thể hiện niềm tin của Nguyễn Ái Quốc đã tìm thấy con đường cứu nước.

Câu 12. Nội dung nào sau đây thể hiện việc Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị về tư tưởng, chính trị cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam?

- A. Mở các lớp huấn luyện, đào tạo cán bộ cách mạng tại Trung Quốc.
- B. Chủ nhiệm kiêm chủ bút báo Nhân đạo, Đời sống công nhân.
- C. Xây dựng lí luận về đi lên chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.
- D. Đào tạo cán bộ thực hiện các cuộc khởi nghĩa vũ trang.

Câu 13. Nội dung nào sau đây đúng về vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (1930)?

- A. Triệu tập hội nghị thống nhất các tổ chức cộng sản tại Cao Bằng.
- B. Triệu tập và chủ trì Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.
- C. Soạn thảo *Đường Kách mệnh* - cương lĩnh của Đảng Cộng sản Việt Nam.

D. Triệu tập và chủ trì Đại hội thành lập Đảng tại Ma Cao (Trung Quốc).

Câu 14. Nội dung nào sau đây **không** phải là ý nghĩa của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam?

- A. Chấm dứt tình trạng khủng hoảng về đường lối cứu nước ở Việt Nam sau nhiều thập kỉ.
- B. Cách mạng Việt Nam trở thành một bộ phận của phong trào cách mạng thế giới.
- C. Đánh dấu bước ngoặt trong lịch sử cách mạng Việt Nam.
- D. Việt Nam được sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa.

Câu 15. Nguyễn Ái Quốc trở về Việt Nam trực tiếp lãnh đạo cách mạng trong thời gian nào sau đây?

- A. Đầu năm 1941.
- B. Cuối năm 1941.
- C. Đầu năm 1942.
- D. Cuối năm 1942.

Câu 16. Hình thái giành chính quyền được xác định trong Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (5-1941) là

- A. bãi công, biểu tình đòi tăng lương giảm giờ làm.
- B. khởi nghĩa vũ trang kết hợp mít tinh biểu tình.
- C. tiến hành Tổng khởi nghĩa ở các địa phương.
- D. đi từ khởi nghĩa từng phần tiến lên Tổng khởi nghĩa.

Câu 17. Tại Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (5-1941), Nguyễn Ái Quốc đưa ra sáng kiến thành lập

- A. Hội Liên Việt.
- B. Mặt trận Việt Minh.
- C. Mặt trận Liên Việt.
- D. Liên minh Việt – Miên – Lào.

Câu 18. Nội dung nào sau đây là ý nghĩa của sự ra đời và hoạt động của Mặt trận Việt Minh trong quá trình chuẩn bị cho Cách mạng tháng Tám năm 1945?

- A. Thức tỉnh tinh thần giai cấp, khiến quân Nhật từng bước đầu hàng.
- B. Chấm dứt thời kì khủng hoảng về đường lối cứu nước, giải phóng dân tộc.
- C. Tập hợp và đoàn kết các lực lượng trong xã hội vào thực hiện nhiệm vụ cứu nước.
- D. Chấm dứt thời kì khủng hoảng về việc xây dựng tổ chức chính trị và lực lượng vũ trang.

Câu 19. Tháng 6-1945, Hồ Chí Minh đã ra chỉ thị thành lập

- A. Khu giải phóng Việt Bắc.
- B. Khu giải phóng Việt Nam.

- C. Khu giải phóng Tân Trào.
- D. Khu giải phóng Tuyên Quang.

Câu 20. Ngày 22-12-1944, lực lượng vũ trang nào sau đây được Hồ Chí Minh ra chỉ thị thành lập?

- A. Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam.
- B. Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân.
- C. Quân đội nhân dân Việt Nam.
- D. Đội Việt Nam Giải phóng quân.

Câu 21. Vai trò to lớn của Hồ Chí Minh trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 là

- A. thực hiện hoạt động đối ngoại, tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế.
- B. kêu gọi nhân dân thực hiện khởi nghĩa từng phần ở địa phương.
- C. lãnh đạo toàn dân đứng lên giành chính quyền.
- D. lãnh đạo các đô thị khởi nghĩa từng phần.

Câu 22. Nội dung nào sau đây là vai trò của Hồ Chí Minh trong giai đoạn 1945-1946?

- A. Kí với Mỹ Hiệp ước Việt - Mỹ.
- B. Kí với Pháp Hiệp định Giơ-ne-vơ.
- C. Kí với Mỹ Hiệp định Pa-ri.
- D. Kí với Pháp Hiệp định Sơ bộ.

Câu 23. Ngày 19-12-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đưa ra

- A. Lời kêu gọi toàn quốc chống Mỹ.
- B. Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến.
- C. Quân lệnh số 1.
- D. Tuyên ngôn Độc lập.

Câu 24. Phương hướng cơ bản của cách mạng miền Nam được xác định trong Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam (1-1959) do Hồ Chí Minh chủ trì là

- A. xây dựng chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thống nhất nước nhà.
- B. khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân.
- C. đưa ra dự báo và thể hiện quyết tâm thắng Pháp.
- D. toàn dân, toàn diện, trường kì, tự lực cánh sinh.

Câu 25. Đọc đoạn tư liệu sau đây, trong mỗi ý A, B, C, D, học sinh chọn đúng hoặc sai.

“Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa. Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá, song nhân dân Việt Nam quyết không sợ! Không có gì quý hơn độc lập, tự do. Đến ngày thắng lợi, nhân dân ta sẽ xây dựng lại đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn!”.

(Hồ Chí Minh, Lời kêu gọi toàn quốc chống Mỹ, phát trên Đài Tiếng nói Việt Nam ngày 17-7-1966, trích trong: Hồ Chí Minh, Toàn tập, Tập 15, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.131)

- A. Đoạn tư liệu thể hiện mong muốn của Hồ Chí Minh khi Mỹ chấm dứt chiến tranh phá hoại miền Bắc.
- B. Đoạn tư liệu thể hiện quyết tâm của nhân dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.
- C. Lời kêu gọi cho thấy Hồ Chí Minh tin tưởng vào thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.
- D. Lời kêu gọi là một văn kiện lịch sử, có giá trị như lời hịch kêu gọi cả nước tấn công quân Mỹ.

Câu 26. Nội dung nào sau đây thể hiện vai trò của Hồ Chí Minh trong hoạt động ngoại giao từ năm 1954 đến năm 1969?

- A. Giữ vững quan điểm tự do, tự chủ của cách mạng Đông Dương.
- B. Khéo léo trong việc cân bằng quan hệ Mỹ – Trung Quốc.
- C. Khéo léo trong việc cân bằng quan hệ Liên Xô – Mỹ.
- D. Giữ vững đường lối độc lập, tự chủ của cách mạng Việt Nam.

Câu 27. Nghị quyết số 24C/18.65 ghi nhận Hồ Chí Minh là “Anh hùng giải phóng dân tộc” là của tổ chức nào sau đây?

- A. Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hoá của Liên hợp quốc.
- B. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á.
- C. Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc.
- D. Quốc tế Cộng sản.

Câu 28. Hồ Chí Minh sống mãi trong lòng nhân dân Việt Nam vì đã

- A. cống hiến và hi sinh cả cuộc đời cho dân tộc Việt Nam.
- B. để lại di sản to lớn trên lĩnh vực khoa học – kĩ thuật.
- C. để lại di sản to lớn trên lĩnh vực văn học và khoa học.
- D. huy động mọi nguồn lực để giúp đỡ người dân Việt Nam.

Câu 29. Hình thức nào sau đây **không** phải là sự vinh danh và tri ân của nhân dân Việt Nam đối với Hồ Chí Minh?

- A. Xây dựng nhiều công trình mang tên Hồ Chí Minh: bảo tàng, nhà lưu niệm,...
- B. Nhiều trường học, đường phố,... mang tên Nguyễn Ái Quốc, Hồ Chí Minh.
- C. Hồ Chí Minh trở thành nguồn cảm hứng sáng tác trong văn học.
- D. Hồ Chí Minh tiếp tục được nghiên cứu bởi giới sử học quốc tế.

Câu 30. Đọc đoạn tư liệu sau đây, trong mỗi ý A, B, C, D, học sinh chọn đúng hoặc sai.

"Ghi nhận năm 1990 sẽ đánh dấu 100 năm kỉ niệm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Anh hùng giải phóng dân tộc và Nhà văn hoá kiệt xuất của Việt Nam.

Nhận thấy Chủ tịch Hồ Chí Minh, một biểu tượng xuất sắc của sự khẳng định dân tộc, đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam, góp phần vào cuộc đấu tranh chung của các dân tộc vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Nhận thấy sự đóng góp quan trọng và nhiều mặt của Chủ tịch Hồ Chí Minh trên các lĩnh vực văn hoá, giáo dục và nghệ thuật chính là sự kết tinh của truyền thống văn hóa hàng nghìn năm của dân tộc Việt Nam, và những tư tưởng của Người là hiện thân cho khát vọng của các dân tộc trong việc khẳng định bản sắc văn hoá của mình và thúc đẩy sự hiểu biết lẫn nhau".

(Trích: Nghị quyết số 24C/18.65, cuộc họp của Đại hội đồng UNESCO lần thứ 24 ở Pa-ri (Pháp), từ ngày 20-10 đến ngày 20-11-1987)

- A. Nghị quyết thể hiện sự ghi nhận và đánh giá cao của UNESCO đối với Hồ Chí Minh.
- B. Nghị quyết thể hiện quan điểm của mọi cá nhân và tổ chức trên thế giới về Hồ Chí Minh.
- C. Nghị quyết cho thấy Hồ Chí Minh có những cống hiến lớn về chính trị và những đóng góp quan trọng về văn hoá, giáo dục, nghệ thuật.
- D. Nghị quyết khẳng định Hồ Chí Minh đại diện cho xu thế hợp tác giữa các quốc gia, dân tộc trong bối cảnh toàn cầu hoá.

KIẾN THỨC LỊCH SỬ LỚP 11

CHỦ ĐỀ 2: CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TỪ NĂM 1917 ĐẾN NAY

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

1. Quá trình hình thành Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết

** Sự ra đời của Chính quyền Xô viết*

- Tháng 2-1917:

+ Đảng Bôn-sê-vích lãnh đạo nhân dân Nga làm cách mạng lật đổ chế độ Nga hoàng, bầu ra các Xô viết.

+ Giai cấp tư sản cũng thành lập Chính phủ lâm thời.

- Tháng 10-1917:

- Lê-nin và Đảng Bôn-sê-vích đã lãnh đạo các Xô viết làm Cách mạng tháng Mười.

- 25-10, Đại hội Xô viết toàn Nga lần II họp, thành lập Chính phủ Xô viết, do Lê-nin đứng đầu.

** Sự thành lập Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết*

- 1918 - 1920: Nước Nga Xô viết và các nước cộng hoà Xô viết liên minh cùng đánh bại kẻ thù chung.

- Tháng 12-1922: Đại hội lần thứ nhất các X viết toàn Liên bang thông qua bản Tuyên bố thành lập Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết.

- Năm 1924: Hiến pháp đầu tiên của Liên Xô được thông qua, hoàn thành quá trình thành lập Nhà nước Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết.

** Ý nghĩa sự ra đời của Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết*

Đối với Liên Xô

- Xác lập chế độ xã hội chủ nghĩa trên toàn lãnh thổ Liên Xô.

- Thể hiện quyền dân tộc tự quyết, sự liên minh đoàn kết của các nước cộng hoà Xô viết.

Đối với thế giới

- Tác động lớn đến chính trị và quan hệ quốc.

- Để lại những bài học quý báu về mô hình nhà nước.

2. Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến năm 1991

a. Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến năm 1991

** Sự mở rộng của chủ nghĩa xã hội ở châu Á và khu vực Mỹ La-tinh*

CHÂU Á

- Mông Cổ

+ Năm 1924: Hoàn thành cơ bản cuộc cách mạng dân tộc dân chủ.

+ Năm 1940: Định hướng phát triển đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa.

- Triều Tiên: Năm 1948, Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Triều Tiên được thành lập, đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.

- Trung Quốc: Năm 1949, Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa được thành lập, đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.

- Việt Nam

+ Năm 1954: Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi, miền Bắc được giải phóng và bước đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội.

+ Năm 1975: Sau khi giải phóng hoàn toàn miền Nam và thực hiện thống nhất đất nước về mặt nhà nước (1976), cả nước đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.

- Lào: Năm 1975, Cuộc kháng chiến chống Mỹ thắng lợi, Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào được thành lập, đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.

MỸ LA-TINH

- Cuba

+ Năm 1959: Cách mạng Cu-ba thành công, Cộng hoà Cu-ba ra đời.

+ Năm 1961: Cu-ba bước vào thời kì xây dựng chủ nghĩa xã hội,

*** Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu**

- 1944-1945: Trước thất bại của chủ nghĩa phát xít và được sự giúp đỡ của Hồng quân Liên Xô, các nước Đông Âu đã thành lập chính quyền dân chủ nhân dân.

- 1945-1949:

+ Các nước Đông Âu hoàn thành cuộc cách mạng dân chủ nhân dân.

+ Năm 1949, Cộng hoà Dân chủ Đức ra đời và tham gia vào hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu.

- 1950- đầu những năm 70 của thế kỉ XX: Các nước Đông Âu xây dựng chủ nghĩa xã hội và đạt được nhiều thành tựu.

b. Nguyên nhân sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu và Liên Xô

*** Nguyên nhân chủ quan**

- Các nhà lãnh đạo của Đảng, Nhà nước mắc nhiều sai lầm nghiêm trọng trong các đường lối, chính sách cải tổ.

- Những hạn chế của mô hình kinh tế - xã hội không được nhận thức đầy đủ và sửa chữa tích cực.

- Chưa khai thác tốt thành tựu của cách mạng khoa học - kĩ thuật.

- Tình trạng quan liêu, vi phạm dân chủ; xu hướng dân tộc chủ nghĩa và li khai xuất hiện.

*** Nguyên nhân khách quan**

Sự chống phá của các thế lực thù địch.

3. Khái quát về chủ nghĩa xã hội từ năm 1991 đến nay

- Từ năm 1991, sau sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu hội không còn là một hệ thống thế giới. Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở một số nước như Trung Quốc, Việt Nam, Lào vẫn tiếp tục được duy trì và đẩy mạnh.

- Trung Quốc: Đường lối cải cách tiếp tục được triển khai với chủ trương lấy phát triển trên Đường lối trung tâm, xây dựng nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa, đã kinh tế là cửa với mục tiêu hiện đại hoá và xây dựng chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc.

- Việt Nam: Tiến hành đổi mới, thoát khỏi khủng hoảng kinh tế – xã hội và trở thành nước đang phát triển có thu nhập trung bình. Công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế tiếp tục được đẩy mạnh.

- Lào: Sau gần 40 năm đổi mới, đất nước vượt qua nhiều khó khăn. Kinh tế Lào đạt mức tăng trưởng cao trong nhiều năm. Đời sống nhân dân không ngừng được cải thiện.

- Cuba:

+ Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội tiếp tục được duy trì nhưng không có nhiều thành tựu đột phá.

+ Tiếp tục ở trong tình trạng bị cấm vận từ bên ngoài.

* Ý NGHĨA

Những thành tựu trong xây dựng chủ nghĩa xã hội đã nhận được sự đánh giá cao của cộng đồng quốc tế, đồng thời chứng minh sức sống của chủ nghĩa xã hội trong một thế giới tiếp tục có nhiều biến động.

4. Thành tựu của công cuộc cải cách, mở cửa ở Trung Quốc

Lĩnh vực	Thành tựu
Chính trị	Đảng Cộng sản Trung Quốc đã đề ra và xây dựng được hệ thống lí luận về chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc.
Kinh tế	- Duy trì được tốc độ tăng trưởng kinh tế cao liên tục trong nhiều năm. - Tổng sản lượng kinh tế lần lượt vượt qua Anh, Pháp, Đức, Nhật Bản. Từ năm 2010, nền kinh tế Trung Quốc vượt qua Nhật Bản và duy trì vị trí thứ hai thế giới (đứng sau Mỹ). - Đời sống nhân dân được cải thiện và nâng cao. - Dự trữ ngoại tệ đứng hàng đầu thế giới.
Khoa học - kĩ thuật	- Năm 1992, Trung Quốc thực hiện chương trình thám hiểm không gian. - Năm 2003, Trung Quốc trở thành quốc gia thứ ba trên thế giới (sau Liên Xô, Mỹ) có tàu đưa con người bay vào vũ trụ. Hệ thống tàu cao tốc thể hiện sự phát triển nhanh chóng của khoa học kĩ thuật.
Đối ngoại	- Chính sách đối ngoại thay đổi theo xu thế đa dạng hoá, đa phương hoá. - Vai trò và vị thế quốc tế ngày càng được nâng cao. - Thu hồi chủ quyền đối với Hồng Kông (năm 1997) và Ma Cao (1999).
Một số lĩnh vực khác	- Nền giáo dục quốc dân phát triển mạnh trên quy mô lớn và có nhiều tiến bộ, xuất hiện nhiều trường đại học chất lượng cao. - Trở thành cường quốc xuất khẩu vũ khí và trang thiết bị quân sự.

* Ý nghĩa:

Đối với Trung Quốc

- Khẳng định đường lối cải cách, mở cửa là đúng đắn.
- Vị thế Trung Quốc nâng cao trên trường quốc tế.

Đối với thế giới

- Chứng tỏ sức sống của chủ nghĩa xã hội. Để lại nhiều bài học kinh nghiệm cho các nước xã hội chủ nghĩa khác.

B. CÂU HỎI ÔN LUYỆN

Câu 1. Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 thắng lợi đã trực tiếp dẫn đến sự ra đời của

- A. hệ thống xã hội chủ nghĩa trên thế giới.
- B. Đảng Cộng sản Nga và Chính phủ Nga.
- C. Chính quyền Xô viết Nga.
- D. Liên bang Xô viết.

Câu 2. Bối cảnh lịch sử nào sau đây dẫn đến sự thành lập Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết?

- A. Các nước cộng hoà Xô viết chưa có sự thống nhất về các chính sách phát triển kinh tế, văn hoá, giáo dục.
- B. Nước Nga xuất hiện cục diện hai chính quyền song song tồn tại, đại diện cho lợi ích các giai cấp khác nhau.
- C. Nước Nga thua trận trước cuộc tấn công của 14 nước đế quốc, bị mất nhiều vùng lãnh thổ quan trọng.
- D. Nước Nga thực hiện thành công chính sách Kinh tế mới, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Câu 3. Sự kiện nào sau đây diễn ra vào tháng 12-1922?

- A. Quốc tế Cộng sản thành lập.
- B. Đại hội lần thứ V của Quốc tế Cộng sản.
- C. Nga thực hiện thành công chính sách Kinh tế mới.
- D. Bản Tuyên bố thành lập Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết được thông qua.

Câu 4. Đọc đoạn tư liệu sau đây, trong mỗi ý A, B, C, D, học sinh chọn đúng hoặc sai.

“Tới năm 1922, trên lãnh thổ của nước Nga trước đây đã tồn tại sáu nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa: Nga, U-crai-na, Bê-la-rút, A-déc-bai-gian, Ác-mê-ni-a và Gru-di-a. Đặc điểm nổi bật giữa các nước cộng hoà này là sự phát triển không đồng đều về kinh tế, văn hoá và chính trị. Lúc này, những vùng công nghiệp còn như "những hòn đảo nhỏ" trong "đại dương" nông nghiệp to lớn. Các nước cộng hoà vùng Trung Á, Bắc Cáp-ca-dơ, Xi-bi-a... vẫn trong tình trạng hết sức lạc hậu về kinh tế và văn hoá, thậm chí có nơi còn tồn tại những tàn tích của quan hệ phong kiến – gia trưởng. Thắng lợi của Cách mạng tháng Mười đã mang lại sự bình đẳng về chính trị giữa các nước Cộng hoà Xô viết. Nhưng sự bình đẳng ấy chỉ thật sự vững chắc khi dựa trên cơ sở bình đẳng về kinh tế và văn hoá – tức là sự phát triển không ngừng về kinh tế và văn hoá của các dân tộc”.

(Nguyễn Anh Thái (Chủ biên), Lịch sử thế giới hiện đại, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2006, tr.45-46)

- A. Nhà nước Xô viết Nga quyết định đổi tên là Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết năm 1922.
- B. Theo tác giả, đặc điểm nổi bật giữa các nước cộng hoà trên lãnh thổ của Liên Xô là sự phát triển đồng đều về kinh tế, văn hoá và chính trị.

C. Theo tác giả, một trong những ý nghĩa của Cách mạng tháng Mười năm 1917 là đã mang lại sự bình đẳng về chính trị giữa các nước Cộng hoà Xô viết.

D. Theo tác giả, sự bình đẳng về chính trị giữa các nước Cộng hoà Xô viết chỉ thực sự vững chắc trên cơ sở sự phát triển không ngừng về kinh tế và văn hoá của các dân tộc.

Câu 5. Nội dung nào sau đây thể hiện đúng sự mở rộng của Liên Xô từ năm 1922 đến năm 1940?

A. Có thêm 11 nước cộng hoà gia nhập Liên Xô.

B. Chủ nghĩa xã hội mở rộng sang Đông Âu.

C. Có thêm 4 nước cộng hoà gia nhập Liên Xô.

D. Nước Nga Xô viết đổi thành Liên Xô.

Câu 6. Sự kiện nào sau đây đánh dấu hoàn thành quá trình thành lập Nhà nước Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết?

A. Cách mạng tháng Hai ở Nga (năm 1917).

B. Cách mạng tháng Mười ở Nga (năm 1917).

C. Đại hội lần thứ nhất các Xô viết toàn Liên bang (năm 1922).

D. Hiến pháp đầu tiên của Liên Xô được thông qua (năm 1924).

Câu 7. Một trong những ý nghĩa của sự ra đời Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết là

A. đánh dấu sự mở rộng của chủ nghĩa tư bản.

B. thể hiện sự đoàn kết của các nước Cộng hoà Xô viết.

C. hình thành nhà nước vô sản đầu tiên trong lịch sử nhân loại.

D. khẳng định sức mạnh văn hoá của Nhà nước Xô viết Nga.

Câu 8. Đối với thế giới, sự ra đời của Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết có ý nghĩa nào sau đây?

A. Mở rộng quan hệ hợp tác với phương Tây.

B. Tác động lớn đến chính trị và quan hệ quốc tế.

C. Mở đầu quá trình sụp đổ của chủ nghĩa thực dân.

D. Để lại bài học kinh nghiệm về cách mạng tư sản.

Câu 9. Đọc đoạn tư liệu sau đây, trong mỗi ý A, B, C, D, học sinh chọn đúng hoặc sai.

"Liên Xô, nhà nước chuyên chính vô sản đầu tiên, đã tỏ ra có sức mạnh phi thường. Ngay từ khi mới thành lập, Liên Xô chẳng những đập tan được bọn phản cách mạng trong nước, mà còn đánh thắng cuộc can thiệp vũ trang của 14 nước đế quốc, chưa đầy 30 năm sau lại đánh thắng hoàn toàn bọn phát xít Đức – Ý – Nhật, chẳng những bảo vệ được Nhà nước Xô viết mình mà còn góp phần to lớn giải phóng nhiều nước khác, cứu cả loài người khỏi ách nô lệ của chủ nghĩa phát xít.

(Hồ Chí Minh, Cách mạng tháng Mười vĩ đại mở ra con đường giải phóng cho các dân tộc, trích trong: Hồ Chí Minh, Toàn tập, Tập 15, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.388-389),

- A. Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết được thành lập năm 1917,
- B. Tác giả nhận định Liên Xô là nhà nước chuyên chính vô sản đầu tiên trên thế giới,
- C. Đoạn tư liệu đề cập vai trò của Liên Xô từ khi thành lập đến khi sụp đổ,
- D. Tác giả đánh giá cao sức mạnh và vai trò của Liên Xô.

Câu 10. Trước Chiến tranh thế giới thứ hai, nước duy nhất đi theo con đường chủ nghĩa xã hội trên thế giới là

- A. Cu-ba.
- C. Triều Tiên.
- B. Liên Xô.
- D. Lào.

Câu 11. Bối cảnh nào sau đây đã tạo điều kiện thuận lợi để nhân dân các nước Đông Âu nổi dậy giành chính quyền và thành lập các nhà nước dân chủ nhân dân?

- A. Nhật Bản đầu hàng quân Đồng minh không điều kiện, Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc.
- B. Chiến tranh thế giới thứ nhất đã khiến cho các nước tư bản chủ nghĩa bị thiệt hại nặng nề.
- C. Sự thất bại về quân sự của các nước phát xít và sự ủng hộ của Hồng quân Liên Xô.
- D. Cách mạng Trung Quốc thành công, nối liền chủ nghĩa xã hội từ châu Âu sang châu Á.

Câu 12. Sự kiện nào sau đây đánh dấu sự hình thành hệ thống chủ nghĩa xã hội trên thế giới?

- A. Các nước Đông Âu xây dựng hệ thống chính quyền dân chủ nhân dân (1945).
- B. Các nước Đông Âu hoàn thành cơ bản cuộc cách mạng dân chủ nhân dân (1949).
- C. Nước Cộng hoà Dân chủ Đức ra đời (1948) ở châu Âu.
- D. Các nước Đông Âu xoá bỏ chế độ quân chủ chuyên chế.

Câu 13. Một trong những ý nghĩa của việc hình thành và phát triển của hệ thống chủ nghĩa xã hội trên thế giới là

- A. làm cho chủ nghĩa tư bản hoàn toàn suy yếu.
- B. trở thành chỗ dựa của phong trào cách mạng thế giới.
- C. làm cho chủ nghĩa xã hội trở thành hiện thực trên thế giới.
- D. làm xuất hiện khuynh hướng cách mạng vô sản trên thế giới.

Câu 14. Cho bảng dữ kiện sau đây về sự mở rộng của chủ nghĩa xã hội ở châu Á và khu vực Mỹ La-tinh, trong mỗi ý A, B, C, D, học sinh chọn đúng hoặc sai.

Thời gian	Nội dung
-----------	----------

Năm 1948	Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Triều Tiên được thành lập, đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.
Năm 1949	Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa thành lập.
Năm 1954	Miền Bắc Việt Nam được giải phóng và bước đầu đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.
Năm 1975	Kháng chiến chống Mỹ thắng lợi, Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào được thành lập, đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.
Năm 1976	Nước Việt Nam thống nhất đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.
Năm 1961	Cu-ba bước vào thời kì xây dựng chủ nghĩa xã hội.

A. Miền Bắc Việt Nam bước đầu đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội sau khi kết thúc cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

B. Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào được thành lập, đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội đã đánh dấu chủ nghĩa xã hội mở rộng từ châu Âu sang châu Á.

C. Cu-ba bước vào thời kì xây dựng chủ nghĩa xã hội năm 1961, chính thức mở đầu quá trình mở rộng của chủ nghĩa xã hội trên toàn thế giới.

D. Sự mở rộng của chủ nghĩa xã hội ở châu Á và khu vực Mỹ La-tinh chứng tỏ sự thất bại nhanh chóng của chủ nghĩa đế quốc.

Câu 15. Đến đầu những năm 60 của thế kỉ XX, hệ thống chủ nghĩa xã hội trên thế giới bao gồm 14 quốc gia tập trung ở

A. Tây Âu, châu Phi và khu vực Mỹ La-tinh.

B. Nam Âu, châu Á và khu vực Mỹ La-tinh.

C. Tây Âu, châu Á và khu vực Mỹ La-tinh.

D. Châu Âu, châu Á và khu vực Mỹ La-tinh.

Câu 16. Sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu và Liên Xô phản ánh điều gì sau đây?

A. Sự sụp đổ của một mô hình nhà nước xã hội chủ nghĩa không phù hợp.

B. Sự sụp đổ toàn bộ của hình thái nhà nước xã hội chủ nghĩa trên thế giới.

C. Chiến lược toàn cầu của Mỹ từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất thành công.

D. Chiến tranh lạnh trên thế giới chấm dứt sau gần nửa thế kỉ tồn tại.

Câu 17. Đọc đoạn tư liệu sau đây, trong mỗi ý A, B, C, D, học sinh chọn đúng hoặc sai.

“Sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu trong những năm 1989-1991 đã gây nên những hậu quả hết sức nặng nề. Đó là một tổn thất chưa từng có trong lịch sử phong trào cộng sản, công nhân quốc tế và của chủ nghĩa xã hội trên thế giới, dẫn đến hệ thống thế giới của các nước xã hội chủ nghĩa không còn tồn tại nữa. Từ những đổ vỡ ấy,

những bài học kinh nghiệm đau xót được rút ra cho các nước xã hội chủ nghĩa ngày nay đang tiến hành công cuộc cải cách – đổi mới, nhằm xây dựng một chế độ xã hội chủ nghĩa đúng với bản chất nhân văn vì giải phóng và hạnh phúc con người, phù hợp với hoàn cảnh và truyền thống văn hóa của mỗi quốc gia dân tộc".

(Nguyễn Anh Thái (Chủ biên), Lịch sử thế giới hiện đại, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2006, tr.466)

A. Với sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô, chủ nghĩa xã hội không còn là hệ thống trên thế giới.

B. Khi chế độ xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô sụp đổ, các nước xã hội chủ nghĩa khác cũng không còn tồn tại nữa.

C. Sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô vào cuối những năm 90 của thế kỉ XX đã gây tổn thất nặng nề đối với các nước phương Tây.

D. Một bài học rút ra từ sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô là xây dựng một chế độ xã hội chủ nghĩa đúng với bản chất nhân văn.

Câu 18. Sau sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô, Việt Nam tiếp tục

A. tiến hành công cuộc Đổi mới.

B. chuyển sang trọng tâm là đổi mới chính trị.

C. thực hiện cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp.

D. thay đổi toàn diện mục tiêu xã hội chủ nghĩa.

Câu 19. Sau khi chế độ xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô sụp đổ, xu thế chung của các nước xã hội chủ nghĩa còn lại là

A. đổi mới, cải cách, mở cửa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

B. thực hiện nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung, quan liêu, bao cấp.

C. tăng cường chạy đua vũ trang để nâng cao sức mạnh quốc phòng.

D. đổi mới đất nước toàn diện, trọng tâm là đổi mới hệ thống chính trị.

Câu 20. Sau khi Liên Xô sụp đổ, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội tiếp tục được duy trì và đẩy mạnh ở

A. Trung Quốc, Việt Nam, Lào, Cu-ba.

B. Trung Quốc, Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia.

C. Trung Quốc, Việt Nam, Lào, Mông Cổ.

D. Trung Quốc, Việt Nam, Lào, Ấn Độ.

Câu 21. Đường lối chung trong Đại hội XII (1982) và Đại hội XIII (1987) của Đảng Cộng sản Trung Quốc đã xác định

A. đổi mới toàn diện, đồng bộ sang nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung.

- B. đổi mới chính trị là nền tảng để đổi mới kinh tế và văn hoá.
- C. lấy phát triển về kinh tế là trung tâm, tiến hành cải cách, mở cửa.
- D. thực hiện cải tổ hệ thống chính trị làm trung tâm.

Câu 22. Nội dung nào sau đây không phải là thành tựu trong xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Trung Quốc, Việt Nam, Lào?

- A. Xoá đói giảm nghèo.
- B. Cải thiện chỉ số phát triển con người.
- C. Ổn định chính trị – xã hội.
- D. Trở thành nước công nghiệp phát triển cao.

Câu 23. Một trong những khó khăn lớn của Cu-ba trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội từ năm 1991 là

- A. bị bao vây, cấm vận từ bên ngoài.
- B. Đảng Cộng sản Cu-ba không còn lãnh đạo đất nước.
- C. không thể hợp tác với các nước xã hội chủ nghĩa.
- D. không có điều kiện để canh tác nông nghiệp.

Câu 24. Thành tựu trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Trung Quốc, Việt Nam, Lào, Cu-ba từ năm 1991 là biểu hiện cho thấy

- A. sức sống của chủ nghĩa xã hội trong một thế giới có nhiều biến động.
- B. chủ nghĩa xã hội gắn liền với kinh tế thị trường nhiều thành phần.
- C. chủ nghĩa tư bản chính thức không còn là hệ thống duy nhất trên thế giới.
- D. chủ nghĩa xã hội ngày càng được mở rộng và phát triển trên thế giới.

Câu 25. Một trong những thành tựu lớn về chính trị trong công cuộc cải cách, mở cửa của Trung Quốc là

- A. đề ra và xây dựng được hệ thống lí luận về chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc.
- B. hoàn thành mục tiêu của chủ nghĩa xã hội trên lĩnh vực kinh tế, văn hoá và giáo dục quốc dân.
- C. thay đổi hiến pháp để phù hợp với tình hình mới của đất nước.
- D. Đảng Cộng sản Trung Quốc chính thức nắm quyền lãnh đạo đất nước.

Câu 26. Năm 1999 đã diễn ra sự kiện nào sau đây?

- A. Trung Quốc bắt đầu tiến hành cải cách, mở cửa.
- B. Hồng Kông trở lại thuộc chủ quyền của Trung Quốc.
- C. Ma Cao trở lại thuộc chủ quyền của Trung Quốc.
- D. Trung Quốc trở thành cường quốc số 1 thế giới về chinh phục vũ trụ.

Câu 27. Năm 2010, kinh tế Trung Quốc đạt thành tựu nào sau đây?

- A. Vượt qua Mỹ, trở thành nền kinh tế lớn nhất thế giới.
- B. Vượt qua Nhật Bản và duy trì vị trí thứ hai thế giới.
- C. Vươn lên trở thành nền kinh tế lớn thứ hai châu Á.
- D. Vươn lên trở thành một nước công nghiệp hiện đại.

Câu 28. Sự tăng trưởng của kinh tế Trung Quốc đã đưa nước này trở thành

- A. quốc gia giải quyết được triệt để tình trạng đói nghèo.
- B. nền kinh tế phát triển cân bằng nhất trên thế giới.
- C. một trong những nhân tố quan trọng cho sự tăng trưởng của kinh tế thế giới.
- D. yếu tố phá vỡ sự độc quyền nhiều thập kỉ của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa.

Câu 29. Nội dung nào sau đây thể hiện sự phát triển khoa học - kĩ thuật Trung Quốc trong thời kì cải cách, mở cửa?

- A. Trở thành quốc gia có trình độ công nghệ số 1 thế giới.
- B. Hệ thống tàu cao tốc hiện đại, được mở rộng không ngừng.
- C. Sản xuất hệ thống tàu ngầm tiên tiến nhất thế giới.
- D. Độc quyền thử nghiệm thành công vũ khí hạt nhân.

Câu 30. Đọc đoạn tư liệu sau đây, trong mỗi ý A, B, C, D, học sinh chọn đúng hoặc sai.

"Chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc hướng đến mục tiêu xây dựng Trung Quốc trở thành cường quốc hiện đại hoá xã hội chủ nghĩa giàu mạnh, văn minh, hải hoà, tươi đẹp vào giữa thế kỉ này. Một trong những trụ cột để thực hiện mục tiêu trên là xây dựng hệ thống kinh tế hiện đại hoá".

(Đảng Cộng sản Trung Quốc, Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIX, năm 2017)

- A. Đoạn tư liệu đề cập đến nguyên nhân chính đưa Trung Quốc đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.
- B. Một trong những mục tiêu của Trung Quốc vào giữa thế kỉ XXI là trở thành một cường quốc hiện đại, giàu mạnh.
- C. Mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc được đề ra ngay sau khi cách mạng Trung Quốc thành công năm 1949.
- D. Xây dựng hệ thống kinh tế hiện đại hoá là một trong những trụ cột để xây dựng chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc.

Câu 31. Nội dung nào sau đây không đúng với ý nghĩa của công cuộc cải cách, mở cửa của Trung Quốc?

- A. Khẳng định đường lối cải cách của Đảng Cộng sản Trung Quốc là đúng đắn.
- B. Vị thế của Trung Quốc ngày càng được nâng cao trên trường quốc tế.
- C. Đời sống của nhân dân ngày càng được cải thiện và nâng cao.

D. Khẳng định sự ưu việt của kinh tế kế hoạch hoá.

Câu 32. Đọc đoạn tư liệu sau đây, trong mỗi ý A, B, C, D, học sinh chọn đúng hoặc sai.

"Sự kiện Liên Xô công nhận Việt Nam, hai nước đặt quan hệ ngoại giao có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, đặt cơ sở nền tảng cho quan hệ hợp tác toàn diện giữa hai nước, phù hợp với lợi ích của nhân dân Việt Nam, Liên Xô, được dư luận tiến bộ trên thế giới đồng tình, ủng hộ, tạo điều kiện để các nước khác công nhận Việt Nam trên trường quốc tế, chấm dứt thời kì cuộc kháng chiến ở thế bị bao vây, mở ra cơ hội thực tiễn trong việc phối hợp hành động và nhận được sự ủng hộ, giúp đỡ của quốc tế một cách trực tiếp.

Bên cạnh sự ủng hộ Việt Nam về chính trị... Liên Xô còn quyết định viện trợ (thông qua Trung Quốc) về vật chất cho cuộc kháng chiến".

(Nguyễn Mạnh Hà, Vũ Thị Hồng Dung, Sự giúp đỡ của Liên Xô đối với Việt Nam trên lĩnh vực quân sự từ năm 1945 đến năm 1975, Tạp chí Lí luận chính trị, số 12, 2019, tr.51–59)

- A. Liên Xô không chỉ ủng hộ Việt Nam về chính trị mà còn ủng hộ Việt Nam về vật chất.
- B. Một trong những ý nghĩa của việc Liên Xô công nhận Việt Nam là đã tạo điều kiện để các nước khác công nhận Việt Nam.
- C. Liên Xô công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với Việt Nam ngay sau khi Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công.
- D. Một trong những cơ sở để Liên Xô và Việt Nam có mối quan hệ tốt đẹp là vì mục tiêu đi lên chủ nghĩa xã hội của hai nước.

CHỦ ĐỀ 4

CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC VÀ CHIẾN TRANH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM TRƯỚC CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945)

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

1. Khái quát về chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam

a. Khái quát về chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam

* Vị trí địa chiến lược của Việt Nam

- Việt Nam nằm ở Đông Nam Á - khu vực được coi là ngã tư giữa lục địa Á - Âu và châu Đại Dương, giữa Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương.

- Việt Nam liên kế Trung Quốc, án ngữ Biển Đông, nằm ở cầu nối giữa Đông Nam Á lục địa với Đông Nam Á hải đảo.

* Vai trò, ý nghĩa của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam

- Vai trò: quyết định sự tồn vong của quốc gia, dân tộc trước các cuộc chiến tranh xâm lược, tác động lớn đến quá trình hình thành quốc gia, dân tộc, ảnh hưởng đến tính chất xã hội và công cuộc xây dựng đất nước, phát triển kinh tế, văn hoá

- Ý nghĩa: góp phần hình thành và phát triển truyền thống yêu nước, ý chí kiên cường, bất khuất trong đấu tranh chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam; khơi dậy và củng cố tình thân đoàn kết, lòng tự hào dân tộc.

b. Một số cuộc kháng chiến thắng lợi tiêu biểu

- Kháng chiến chống quân Nam Hán: 938.

- Kháng chiến chống quân Tống: 981

- Kháng chiến chống quân Tống: 1075-1077

- Ba lần kháng chiến chống quân Mông - Nguyên

- Kháng chiến chống quân Xiêm.

- Kháng chiến chống quân Thanh.

* Nguyên nhân thắng lợi

- Tinh thần yêu nước của người Việt, tính chất chính nghĩa, nhằm mục đích bảo vệ độc lập dân tộc và chủ quyền lãnh thổ, tinh thần đoàn kết dân tộc; đường lối chiến lược, chiến thuật đùng đần, hiệu quả; sự chỉ huy tài tình của các nhà lãnh đạo và các tướng lĩnh.

* Một số cuộc kháng chiến không thành công:

Kháng chiến chống quân Triệu, tại thành Cổ Loa: 179 TCN

Kháng chiến chống quân Minh, trận thành Đa Bang, thành Đông Đô, thành Tây Đô,...: 1406-1407

Kháng chiến chống thực dân Pháp, trận Đà Nẵng, thành Gia Định, thành Hà Nội, Cầu Giấy....: 1858-1884

* Nguyên nhân không thành công

- Trong cuộc kháng chiến chống quân Triệu, triều đình Âu Lạc đã mất cảnh giác, không có sự phòng bị.

- Trong cuộc kháng chiến chống quân Minh, nhà Hồ không có đường lối kháng chiến đùng đần, chủ yếu dựa vào thành lũy, nặng về phòng ngự bị động và rút lui cố thủ.

- Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, nhà Nguyễn thiếu quyết đoán, thiên về chủ hoà, không đoàn kết, hợp lực với nhân dân; trang bị và kĩ thuật tác chiến của quân đội cũng yếu kém và lạc hậu.

2. Một số cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng trong lịch sử Việt Nam (từ thế kỉ III TCN đến cuối thế kỉ XIX)

a. Một số cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng trong lịch sử Việt Nam (từ thế kỉ III TCN đến cuối thế kỉ XIX)

- Khởi nghĩa Hai Bà Trưng: Năm 40, khởi nghĩa bùng nổ. Trưng Trắc sau đó xưng vương, đóng đô ở Mê Linh. Năm 42, nhà Hán đưa quân đàn áp. Hai Bà Trưng lui quân về Hát Môn rồi hi sinh.

- Khởi nghĩa Bà Triệu: Năm 248, Triệu Quốc Đạt cùng em là Triệu Thị Trinh (Bà Triệu) nổi dậy khởi nghĩa ở Cửu Chân (Thanh Hoá). Sau khi Triệu Quốc Đạt qua đời, Bà Triệu được tôn làm chủ tướng, cuộc khởi nghĩa lan rộng rồi bị dập tắt.

- Khởi nghĩa Lý Bí: Năm 542, Lý Bí lãnh đạo nhân dân khởi nghĩa, sau đó lên ngôi vua (Lý Nam Đế), lập nước Vạn Xuân. Năm 545, quân nhà Lương xâm lược. Năm 550. Tiêu Quang Phục thay Lý Bí làm vua. Đầu thế kỉ VII, quân nhà Tùy xâm lược, nhà nước Vạn Xuân chấm dứt

- Khởi nghĩa Phùng Hưng: Khoảng những năm 766 780, Phùng Hưng cùng em trai tập hợp dân chúng khởi nghĩa. Sau khi Phùng Hưng mất, con trai là Phùng An lên nối nghiệp. Chính quyền đô hộ nhà Đường sau đó đưa quân đàn áp. buộc Phùng An phải ra hàng.

* Ý nghĩa của một số cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong thời kì Bắc thuộc

Khởi nghĩa Hai Bà Trưng

- Là cuộc đấu tranh vũ trang lớn đầu tiên. mở đầu quá trình đấu tranh giành lại độc lập, tự chủ lâu dài của người Việt trong thời kì Bắc thuộc.
- Thể hiện sức mạnh và ý chí quật cường của phụ nữ Việt Nam.

Khởi nghĩa Lý Bí

- Khẳng định ý chí và sức mạnh của người Việt trong cuộc đấu tranh chống lại ách đô hộ của chính quyền phương Bắc.
- Cho thấy khả năng thắng lợi trong công cuộc khởi nghĩa giành lại độc lập, tự chủ.

Khởi nghĩa Bà Triệu

- Thể hiện tinh thần kiên cường, bất khuất của người Việt trước sự đô hộ của chính quyền phương Bắc.
- Tiếp tục khẳng định sức mạnh và ý chí của phụ nữ Việt Nam.

Khởi nghĩa Phùng Hưng

- Thể hiện ý chí và quyết tâm giành lại độc lập, tự chủ của người Việt.
- Cổ vũ tinh thần và góp phần tạo cơ sở cho sự thắng lợi hoàn toàn trong công cuộc đấu tranh giành lại độc lập, tự chủ đầu thế kỉ X.

b. Khởi nghĩa Lam Sơn (1418-1427)

* Bối cảnh lịch sử

Sau khi nhà Hồ thất bại trong cuộc kháng chiến chống quân Minh năm 1407, nhiều cuộc đấu tranh tiếp tục nổ ra trên cả nước.

Năm 1414, nhà Minh biến Đại Việt thành quân Giao Chỉ, thi hành chính sách cai trị hà khắc cùng chế độ thuế khoá nặng nề.

* Diễn biến chính

- 1418-1423: Lê Lợi tập hợp nghĩa sĩ dựng cờ khởi nghĩa tại căn cứ Lam Sơn. Quân Minh liên tục tấn công. Lực lượng khởi nghĩa gặp nhiều khó khăn, tổn thất. Nghĩa quân sau đó tạm hoà với quân Minh.
- 1424-1426: Nghĩa quân chuyển hướng hoạt động vào phía nam, giải phòng Nghệ An, Thanh Hoá, Thuận Hoá rồi tấn công ra Bắc.
- 1426-1427: Nghĩa quân giành thắng lợi trong trận Tốt Động - Chúc Động, bao vây Đông Quan, đánh tan viện binh nhà Minh trong trận Chi Lăng - Xương Giang. Quân Minh chấp nhận nghị hoà, rút về nước

* Ý nghĩa:

- Chấm dứt 20 năm đô hộ của nhà Minh, khôi phục hoàn toàn nền độc lập, tự chủ của quốc gia Đại Việt
- Mở ra thời kì phát triển mới cũng nên độc lập, tự chủ lâu dài của Đại Việt.

c. Phong trào Tây Sơn (cuối thế kỉ XVIII)

*** Bối cảnh lịch sử**

Đàng Ngoài chính quyền Lê Trịnh suy thea tinh trong mát mùa, đói kém diễn ra thường xuyên -
Đào loạn khởi nghĩa nông dân liên tục bùng nổ

Ở Đàng Trong: tầng lớp quý tộc, quan lại số hưởng lạc, xa xỉ, đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn, mâu thuẫn xã hội ngày càng sâu sắc.

*** Diễn biến chính**

- 1771-1777: Khởi nghĩa bùng nổ. Chính quyền chúa Nguyễn chạy vào Gia Định. Nguyễn Nhạc xưng vương. Quân Tây Sơn đánh tan phần lớn lực lượng của chúa Nguyễn.

- 1777-1785: Nghĩa quân kiểm soát phần lớn Đàng Trong. Nguyễn Ánh cầu viện vua Xiêm. Quân Xiêm bị quân Tây Sơn đánh bại trong trận Rạch Gầm - Xoài Mút.

- 1786-1789: Nguyễn Huệ đưa quân ra Thăng Long chính quyền chúa Trịnh sụp đổ. Vua là sau đó cầu cứu nhà Thanh, quân Thanh bị quân Tây Sơn đánh tan trong trận Ngọc Hồi - Đống Đa.

- 1789-1802: Ở vùng đất phía nam, Nguyễn Ánh từng bước chiếm lại Gia Định. Sau khi Quang Trung qua đời, Quang Toản lên thay, nội bộ triều đình mâu thuẫn. Năm 1802, Nguyễn Ánh đánh bại triều đình Quang Toản.

*** Ý nghĩa**

- Lần lượt đánh đổ các chính quyền chúa Nguyễn chúa Trịnh, vua Lê, đồng thời xóa bỏ ranh giới cha con đất nước, đặt cơ sở cho sự nghiệp thống nhất quốc gia

- Thắng lợi của phong trào Tây Sơn trong việc chống quân xâm lược Xiêm và Thành đã đập tan ý đồ can thiệp, xâm lược Đại Việt của các thế lực ngoại bang, bảo vệ vững chắc độc lập dân tộc và chủ quyền lãnh thổ quốc gia.

* Về vận động, tập hợp lực lượng: xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, nghệ thuật quân sự.

B. CÂU HỎI ÔN LUYỆN

Câu 1. Nội dung nào sau đây thể hiện vị trí địa chiến lược của Việt Nam?

- A. Nằm giữa Thái Bình Dương và Đại Tây Dương.
- B. Cầu nối giữa Đông Nam Á lục địa với Đông Nam Á hải đảo.
- C. Cầu nối giữa khu vực Đông Á và khu vực Bắc Á
- D. Là cửa ngõ tiến vào Trung Quốc từ phía đông.

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau đây, trong mỗi ý A, B, C, D, học sinh chọn đúng hoặc sai,

"Được kết nối thuận tiện bởi đại dương với phần còn lại của Đông Nam Á, và nằm chính xác ngay tại vị trí đô, Việt Nam chiếm giữ một vị trí quan trọng về mặt chiến lược ở ngã tư đường của thế giới châu Á. Tuyến đường biển giữa Trung Quốc và Ấn Độ được kiểm soát bởi các đội thuyền của Phù Nam và Chăm-pa chừng nào sức mạnh của các vương quốc này chưa bị

suy giảm. Hoạt động từ vịnh Cam Ranh ở miền Nam Việt Nam, thậm chí ngày nay một hạm đội mạnh có thể kiểm soát toàn bộ Biển Đông từ Xin-ga-po đến Pho-mu-sa và từ Ma-ni-la đến Hải Phòng".

(Giô-sép Bất-ting-gơ, Con rồng nhỏ hơn – Một lịch sử chính trị của Việt Nam [bản tiếng Anh), Niu Y-oóc, 1962, tr.45)

- A. Từ Việt Nam có thể kiểm soát một khu vực rộng lớn ở Biển Đông.
- B. Việt Nam có tiềm lực quân sự và kinh tế, văn hoá to lớn.
- C. Việt Nam có vị trí địa - chiến lược quan trọng.
- D. Việt Nam có vai trò chính trị đặc biệt trên thế giới.

Câu 3. Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc có vai trò quyết định đến yếu tố nào sau đây?

- A. Sự tồn vong của quốc gia, dân tộc.
- B. Sự thành công về xã hội của quốc gia.
- C. Sự suy thoái và phát triển của đất nước.
- D. Mô hình phát triển của quốc gia.

Câu 4. Nội dung nào sau đây là ý nghĩa của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam?

- A. Hình thành truyền thống bất khuất, đảm đang, tôn trọng người cao tuổi.
- B. Hình thành và phát triển tinh thần yêu nước, trung thực, nhân ái, cần cù.
- C. Phát triển đức tính chăm chỉ, chịu khó, trung thực, nhân ái và hiếu học.
- D. Hình thành và phát triển truyền thống yêu nước, kiên cường, bất khuất.

Câu 5. Các cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc góp phần khơi dậy và củng cố yếu tố nào sau đây của dân tộc Việt Nam?

- A. Lòng tự hào giai cấp, tinh thần tự tôn dân tộc,
- B. Tinh thần đoàn kết, chủ nghĩa địa phương.
- C. Tinh thần đoàn kết, lòng tự hào dân tộc.
- D. Lòng tự hào dân tộc, tinh thần đoàn kết giai cấp.

Câu 6. Kết quả của cuộc kháng chiến do Ngô Quyền lãnh đạo năm 938 là

- A. quân Nam Hán bị cháy toàn bộ binh thuyền.
- B. quân Nam Hán bị đắm toàn bộ binh thuyền.
- C. quân Nam Hán bị tiêu diệt toàn bộ.
- D. quân Nam Hán thất bại nhanh chóng.

Câu 7. Đọc đoạn tư liệu sau đây, trong mỗi ý A, B, C, D, học sinh chọn đúng hoặc sai.

“Tiền Ngô Vương có thể lấy quân mới hợp của nước Việt ta mà đánh tan được trăm vạn quân của Lưu Hoàng Tháo, mở nước xưng vương, làm cho người phương Bắc không dám lại

sang nữa. Có thể nói là một lần nổi giận mà yên được dân, mur giỏi mà đánh cũng giỏi vậy. Tuy chỉ xưng vương, chưa lên ngôi đế, đổi niên hiệu, nhưng chính thống của nước Việt ta, ngô hầu đã nổi lại được".

(Lời của Lê Văn Hưu, trích trong: Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Hậu Lê, Đại Việt sử ký toàn thư, Tập 1, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998, tr.204-205)

- A. Ngô Quyền đã nổi lại quốc hiệu của Việt Nam sau nhiều thế kỉ.
- B. Ngô Quyền có vai trò và đóng góp lớn trong tiến trình lịch sử dân tộc.
- C. Ngô Quyền đã có công nổi lại chính thống của nước Việt.
- D. Ngô Quyền mở đầu chế độ phong kiến của Việt Nam.

Câu 8. Trong cuộc kháng chiến chống quân Tống (981), nhiều trận chiến lớn đã diễn ra

- A. trên sông Chi Lăng, sông Lô, sông Gianh,...
- B. trên sông Bạch Đằng, sông Lam, sông Cả,...
- C. trên sông Đà, sông Lô, sông Thao, sông Mã,...
- D. trên sông Lục Đầu, sông Bạch Đằng,...

Câu 9. Nội dung nào sau đây thể hiện nét chính của cuộc kháng chiến chống quân Tống (1075-1077)?

- A. Nhà Lý tấn công tiêu diệt toàn bộ quân Tống, sau đó rút quân, xây dựng phòng tuyến lớn ở biên giới.
- B. Nhà Lý chủ động tấn công vào đất Tống, sau đó rút quân về nước, xây dựng phòng tuyến quy mô lớn.
- C. Nhà Lý tấn công quân Tống, sau đó tập trung xây dựng phòng tuyến quanh kinh thành Đông Đô.
- D. Nhà Lý tấn công vào trung tâm đất Tống, sau đó tập trung xây dựng tuyến phòng thủ trên biển.

Câu 10. Đọc đoạn tư liệu sau đây, trong mỗi ý A, B, C, D, học sinh chọn đúng hoặc sai.

[Năm 1075] "Vua biết tin, sai Lý Thường Kiệt, Tông Đản đem hơn 10 vạn binh đi đánh. Quân thúy, quân bộ đều tiến. Thường Kiệt đánh các châu Khâm, Liêm; Đản vây châu Ung. Đô giám Quảng Tây nhà Tống là Trương Thủ Tiết đem quân đến cứu. Thường Kiệt đòn đánh ở cửa ải Côn Lôn (nay là phủ Nam Ninh, tỉnh Quảng Tây của nhà Minh) phá tan được, chém Thủ Tiết tại trận. Trị Ung cháu là Tô Giám cố thủ không hàng. Quân ta đánh đến hơn 40 ngày, chòng bao đất trèo lên thành. Thành bên bị hạ".

(Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Hậu Lê, Đại Việt sử ký toàn thư, Tập 1, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998, tr.278)

- A. Quân đội nhà Lý đã đánh tan toàn bộ quân đội nhà Tống.
- B. Quân đội nhà Lý đã đập tan ý đồ xâm lược Đại Việt của nhà Tống.

C. Nhà Lý huy động quân đội quy mô lớn tấn công dài ngày sang đất Tống.

D. Trước kế hoạch xâm lược của nhà Tống, nhà Lý chủ động tấn công quân Tống.

Câu 11. Trong cuộc kháng chiến chống Tống (1075 - 1077), nhà Lý đã chủ động kết thúc chiến tranh bằng cách

A. đề nghị giảng hoà.

B. đề nghị cầu hoà.

C. đề nghị tạm hoà.

D. đề nghị hưu chiến.

Câu 12. Hai trận đánh lớn trong cuộc kháng chiến chống quân Mông Cổ (1258) là

A. Hàm Tử Quan, Bình Lệ Nguyên.

B. Hàm Tử Quan, Đông Bộ Đầu.

C. Tây Bộ Đầu, Bình Lệ Nguyên.

D. Bình Lệ Nguyên, Đông Bộ Đầu.

Câu 13. Đọc đoạn tư liệu sau đây, trong mỗi ý A, B, C, D, học sinh chọn đúng hoặc sai.

Năm 1284, “Thương hoàng triệu phụ lão trong nước họp ở thềm Điện Hồng, ban yến và hỏi kẻ đánh giặc. Các phụ lão đều nói "đánh". Muôn người cùng hô một tiếng, như bật ra từ một cửa miệng”.

(Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Hậu Lê, Đại Việt sử ký toàn thư, Tập 2, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998, tr.50)

A. Đại Việt có tinh thần đoàn kết và ý chí chiến đấu trước cuộc xâm lược của quân Nguyên.

B. Nhà Trần đã biết dựa vào sức mạnh toàn dân trong kháng chiến chống quân Nguyên.

C. Các vị phụ lão ở các làng xã đóng vai trò nòng cốt trong quân đội nhà Trần và tại các địa phương.

D. Các vị phụ lão đóng vai trò lãnh đạo chủ chốt trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên.

Câu 14. Đầu năm 1285, quân Nguyên tiến đánh Đại Việt theo hai hướng chủ yếu nào sau đây?

A. Cánh quân do Ô Mã Nhi chỉ huy từ phía đông, cánh quân do Thoát Hoan chỉ huy từ phía nam.

B. Cánh quân do Thoát Hoan chỉ huy từ phía nam, cánh quân do Toa Đô chỉ huy từ phía bắc.

C. Cánh quân do Thoát Hoan chỉ huy từ phía bắc, cánh quân do Toa Đô chỉ huy từ phía nam.

D. Cánh quân do Ô Mã Nhi chỉ huy từ phía nam, cánh quân do Toa Đô chỉ huy từ phía bắc.

Câu 15. Đọc đoạn tư liệu sau đây, trong mỗi ý A, B, C, D, học sinh chọn đúng hoặc sai.

[Năm 1285] “Bảo Nghĩa Vương Trần Bình Trọng đánh nhau với giặc [Nguyên] ở bãi Đà Mạc (tức Thiên Mạc, nay là bãi Mạn Trù), bị chết. Khi bị bắt, Vương không chịu ăn, giặc hỏi

việc nước, Vương không trả lời, giặc hỏi Vương: “Có muốn làm vương đất Bắc không?”. Vương thét to: "Ta thà làm ma nước Nam chứ không thèm làm vương đất bắc", rồi bị giết".

(Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Hậu Lê, Đại Việt sử ký toàn thư, Tập 2 NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998, tr.54)

- A. Trần Bình Trọng đã từ chối việc làm vua nhà Nguyên cũng như vị trí lãnh đạo phương Bắc.
- B. Trần Bình Trọng đã thể hiện lòng yêu nước và tinh thần bất khuất trước quân Nguyên.
- C. Trần Bình Trọng là tấm gương tiêu biểu cho khí phách của quân dân Đại Việt thời Trần.
- D. Hành động của Trần Bình Trọng đã khiến nhà Nguyên mất niềm tin vào chiến thắng.

Câu 16. Sau thất bại ở Đại Việt năm 1285, vua Nguyên đã ra lệnh tạm hoãn xâm lược quốc gia nào sau đây để dồn binh lực quyết đánh Đại Việt? .

- A. Miến Điện
- B. Triều Tiên.
- C. Trung Quốc.
- D. Nhật Bản.

Câu 17. Trong cả hai lần xâm lược Đại Việt (1285 và 1287 – 1288), quân Nguyên đều rơi vào tình trạng

- A. thiếu vũ khí trầm trọng.
- B. quân lính bị sốt rét.
- C. thiếu lương thực.
- D. không thể tác chiến.

Câu 18. Đọc đoạn tư liệu sau đây, trong mỗi ý A, B, C, D, học sinh chọn đúng hoặc sai.

“Các cuộc kháng chiến đời nhà Trần chống quân Nguyên do phát động được toàn dân đánh giặc, do đã kết hợp được các hành động chiến đấu của các lực lượng vũ trang chủ lực, địa phương và dân binh, kết hợp đánh du kích với đánh tập trung, nên cả ba lần đều thắng lợi”.

(Văn Tiến Dũng, Mấy vấn đề nghệ thuật quân sự Việt Nam, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1968, tr.57)

- A. Nhà Trần đã tiến hành chiến tranh nhân dân, huy động toàn dân tham gia kháng chiến.
- B. Nhà Trần đã có sự kết hợp nhiều lực lượng vũ trang và cách đánh khác nhau trong kháng chiến chống quân Nguyên.
- C. Nghệ thuật quân sự Việt Nam được định hình từ thời Trần.
- D. Người dân thời Trần đều phải gia nhập quân đội của triều đình.

Câu 19. Địa điểm nào sau đây diễn ra trận đánh quyết định giữa quân Tây Sơn và quân Xiêm đầu năm 1785?

- A. Sông Tiền, đoạn từ Rạch Gầm đến Xoài Mút.

B. Sông Hậu, đoạn từ Rạch Gầm đến Xoài Mút.

C. Sông Tiền Giang, trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

D. Sông Hậu Giang, trên địa bàn tỉnh An Giang.

Câu 20. Trận đánh lớn nhất trong cuộc kháng chiến chống quân Thanh năm 1789 là

A. Đống Đa - Phú Lương.

B. Văn Điển – Đống Đa.

C. Ngọc Hồi - Văn Điển.

D. Ngọc Hồi - Đống Đa.

Câu 21. Đọc đoạn tư liệu sau đây, trong mỗi ý A, B, C, D, học sinh chọn đúng hoặc sai.

“Đại khái, nó cậy trường trận, ta dựa vào đoàn binh. Dùng đoàn chế trường là sự thường của binh pháp. Nếu chỉ thấy quân nó kéo đến như lửa, như giở thì dễ chế ngự. Nếu nó tiến chậm như cách tầm ăn, không cầu thẳng chóng, thì phải chọn dùng tướng giỏi, xem xét quyền biến, như đánh cờ vậy, tùy thời tạo thế, có được đội quân một lòng như cha con thì mới dùng được. Và lại, khoan thư sức dân để làm kế sâu rễ bền gốc, đó là thượng sách giữ nước vậy”.

(Lời của Trần Quốc Tuấn trả lời vua Trần Anh Tông, trích trong: Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Hậu Lê, Đại Việt sử ký toàn thư, Tập 2, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998, tr.79)

A. Cần xây dựng đội quân đoàn kết, trên dưới một lòng.

B. Cần khoan thư sức dân để giữ nước được lâu bền.

C. Thượng sách giữ nước là tận dụng sức dân, không đánh thuế dân chùng.

D. Nếu quân địch tiến chậm, cần nhanh chóng chế ngự để giành thắng lợi.

Câu 22. Cho bảng dữ kiện sau đây về những trận đánh lớn trong các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm trong lịch sử Việt Nam (trước Cách mạng tháng Tám năm 1945), trong mỗi ý A, B, C, D, học sinh chọn đúng hoặc sai.

Cuộc kháng chiến	Thời gian	Địa điểm chính/ Những trận đánh lớn
Chống quân Nam Hán	938	Sông Bạch Đằng.
Chống quân Tống	981	Sông Lục Đầu, sông Bạch Đằng.
Chống quân Tống	1075-1077	Phòng tuyến Như Nguyệt (Bắc Ninh).
Chống quân Mông Cổ	1258	Bình Lệ Nguyên (Vĩnh Phúc), Đông Bộ Đầu (Hà Nội).
Chống quân Nguyên	1285	Tây Kết, Hàm Tử (Hung Yên), Chương Dương. Thăng Long (Hà Nội), Vạn Kiếp (Hải Dương)....
Chống quân Nguyên	1287-1288	Sông Bạch Đằng.

Chống quân Minh	1406-1407	Thành Đa Bang, thành Đông Đô, thành Tây Đô.....
Chống quân Xiêm	1785	Rạch Gầm - Xoài Mút (Tiền Giang).
Chống quân Thanh	1789	Ngọc Hồi - Đống Đa (Hà Nội).
Chống thực dân Pháp.	1858 - 1884	Đà Nẵng, thành Gia Định, thành Hà Nội, Cầu Giấy....

- A. Nhiều trận đánh lớn trong các cuộc kháng chiến đã diễn ra trên vùng sông nước.
- B. Việt Nam luôn giành thắng lợi trước các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm từ bên ngoài.
- C. Các trận quyết chiến chiến lược ở Việt Nam đều do tầng lớp quý tộc lãnh đạo, chỉ huy.
- D. Từ thế kỉ X đến thế kỉ XV, Việt Nam nhiều lần phải đối diện với các thế lực xâm lược từ bên ngoài.

Câu 23. Nội dung nào sau đây là một trong những nguyên nhân thắng lợi của các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm trong lịch sử Việt Nam?

- A. Tính chính thức.
- B. Tính chính nghĩa.
- C. Tính giai cấp.
- D. Tính tầng lớp.

Câu 24. Nội dung nào sau đây là nghệ thuật quân sự truyền thống nổi bật của Việt Nam trong các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm?

- A. Tiến hành chiến tranh nhân dân.
- B. Thực hiện chiến tranh thần tốc.
- C. Tiến hành chiến tranh tổng lực.
- D. Thực hiện chiến tranh bao vây.

Câu 25. Lãnh đạo, chỉ huy các cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trước Cách mạng tháng Tám năm 1945 chủ yếu là lực lượng nào sau đây?

- A. Vua và các tướng lĩnh của triều đình.
- B. Vua và các quan lại hai ban văn, võ.
- C. Các tướng lĩnh là người đứng đầu hoàng tộc.
- D. Các quý tộc cao cấp và người cao tuổi ở các địa phương.

Câu 26. Trong quá trình xâm lược Việt Nam, các thế lực ngoại xâm thường phải đối diện với khó khăn nào sau đây?

- A. Không quen phong tục, không thuộc tập quán.
- B. Không có lương thực, thiếu thốn vũ khí.

C. Không có địa bàn, không biết khí hậu.

D. Không thuộc địa hình, không quen thủy thổ.

Câu 27. Đọc đoạn tư liệu sau đây, trong mỗi ý A, B, C, D, học sinh chọn đúng hoặc sai.

"Quân Mông Cổ dựa vào sức ngựa có thể tiến ào ạt nhanh chóng. Sự vận động thần tốc đó thường uy hiếp được tinh thần của đối phương và chiếm được thế chủ động trong chiến tranh. Nhưng chiến trường Đại Việt không phải như những thảo nguyên miền Bắc. Đất nước Việt Nam với những sông ngòi chia cắt làm cho kỵ binh giặc khó phát huy được sở trường của mình. Quân Trần thường chặn đánh bọn chúng trên các khúc sông – đây là những chiến lũy tự nhiên – để tiêu diệt chúng".

(Hà Văn Tấn, Phạm Thị Tâm, Cuộc kháng chiến chống xâm lược Nguyên Mông thế kỉ XIII, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1970, tr.344-345)

A. Địa hình Đại Việt bất lợi cho lực lượng kỵ binh Mông Cổ.

B. Quân đội Mông Cổ chỉ có thể phát huy được sở đoản ở Đại Việt.

C. Trong quá trình xâm lược Đại Việt, quân đội Mông Cổ mất tinh thần.

D. Quân đội nhà Trần đã biết lợi dụng lợi thế về điều kiện tự nhiên.

Câu 28. Năm 179 TCN, triều đình An Dương Vương đã thất bại trước cuộc xâm lược của

A. Triệu Đà.

B. Trọng Thủy.

C. Mã Viện.

D. Tô Định.

Câu 29. Cuộc kháng chiến chống quân Minh của nhà Hồ đầu thế kỉ XV gắn liền với những địa điểm nào sau đây?

A. Đa Nam, Đông Đô, Tây Đô.

B. Đông Kinh, Tây Đô, Nam Đô.

C. Đa Bắc, Đông Đô, Tây Đô.

D. Đa Bang, Đông Đô, Tây Đô.

Câu 30. Một trong những nguyên nhân không thành công của cuộc kháng chiến chống quân Minh đầu thế kỉ XV là do nhà Hồ

A. chủ yếu dựa vào thành lũy, nặng về phòng ngự bị động và rút lui cố thủ.

B. không xây dựng thành lũy, nặng về phòng ngự bị động và rút lui chiến lược.

C. không chuẩn bị đề phòng xâm lược, nặng về phòng ngự chủ động và rút lui chiến thuật.

D. chủ yếu dựa vào quân đội địa phương, không phát huy sức mạnh của quân chính quy.

Câu 31. Đọc đoạn tư liệu sau đây, trong mỗi ý A, B, C, D, học sinh chọn đúng hoặc sai.

[Năm 1406] “Trước đó, nhà Minh sai Thái tử thái phó Thành quốc công Chu Năng làm tổng binh đeo ấn Chinh Di tướng quân đem quân xâm lược phương Nam,... Trước đó Năng đã làm bảng văn kể tội họ Hồ, rêu rao là tìm người họ Trần cho khôi phục lại vương tước. Đến đây, bọn [Trương] Phụ, [Mộc] Thạnh viết lời bảng văn ấy vào nhiều mảnh gỗ thả theo dòng. Các quân người nào trông thấy thì cho là đúng như lời trong bảng, hơn nữa lại chán ghét chính sự hà khắc của họ Hồ. không còn bụng dạ chiến đấu nữa”.

(Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Hậu Lê, Đại Việt sử ký toàn thư, Tập 2, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998, tr.214)

- A. Nhà Hồ nhanh chóng sụp đổ trước sự tuyên truyền của họ Trần.
- B. Quân đội nhà Hồ nhanh chóng đầu hàng trước sức mạnh của quân Minh.
- C. Các chính sách của nhà Hồ đã gây ra sự bất mãn trong một bộ phận dân chúng.
- D. Chính sách tuyên truyền của quân đội nhà Minh đã phá vỡ khối đoàn kết của nhà Hồ.

Câu 32. Lực lượng nào sau đây đã tấn công Đà Nẵng (Việt Nam) năm 1858

- A. Liên quân Pháp – Bồ Đào Nha.
- B. Liên quân Pháp – Tây Ban Nha.
- C. Liên minh Pháp – Hà Lan.
- D. Liên minh Pháp – Anh.

Câu 33. Nguyên nhân nhà Hồ và nhà Nguyễn không thành công trong kháng chiến chống ngoại xâm là do

- A. không có đường lối kháng chiến đúng đắn, không đoàn kết toàn dân.
- B. chủ quan, không chuẩn bị đề phòng xâm lược.
- C. chủ yếu dựa vào thành lũy và chiến tranh du kích.
- D. không có sự kết hợp đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang.

Câu 34. Đọc đoạn tư liệu sau đây, trong mỗi ý A, B, C, D, học sinh chọn đúng hoặc sai.

"Chi em (Trung Trắc, Trung Nhị) đều có tiếng dùng lược, căm giận Tô Định chinh lệnh hà khắc tàn ngược, tụ họp người các bộ, hăng hái dấy đội quân hùng mạnh, lòng lấy uy danh, quận huyện hưởng ứng, cho nên lấy được 65 thành ở Lĩnh Ngoại, thu lại hết đất cũ Nam Việt, cũng là bậc hào kiệt trong nữ lưu".

(Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Hậu Lê, Đại Việt sử ký toàn thư, Tập 1, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998, tr.119)

- A. Cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng thời Bắc thuộc có quy mô lớn, diễn ra trên nhiều quận huyện.
- B. Nguyên nhân bùng nổ cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng là chính sách cai trị hà khắc của Tô Định.
- C. Cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng đã khôi phục và định hình toàn bộ lãnh thổ của Việt Nam.

D. Cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng cho thấy vai trò quyết định của phụ nữ trong xã hội Việt Nam đương thời.

Câu 35. Nội dung nào sau đây là ý nghĩa của cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng (40-43)

A. Mở đầu quá trình đấu tranh giành lại độc lập, tự chủ lâu dài của người Việt trong thời kì Bắc thuộc.

B. Mở đầu quá trình kháng chiến giành chủ quyền, tự chủ của người Việt trong thời kì Bắc thuộc.

C. Mở đầu quá trình người Việt đấu tranh nhằm chống lại các chính quyền đô hộ thời kì trung đại.

D. Mở đầu quá trình đấu tranh nhằm giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội của Việt Nam.

Câu 36. Khởi nghĩa Bà Triệu nổ ra ở địa bàn nào sau đây?

A. Nhật Nam (Quảng Nam).

B. Mê Linh (Hà Nội).

C. Hàm Hoan (Nghệ An).

D. Cửu Chân (Thanh Hoá).

Câu 37. Nội dung nào sau đây là ý nghĩa của cuộc khởi nghĩa Lý Bí

A. Khẳng định ý chí và sức mạnh của Việt Nam trong cuộc đấu tranh chính trị và ngoại giao.

B. Cho thấy khả năng thắng lợi trong công cuộc khởi nghĩa giành lại độc lập, tự chủ.

C. Mở đầu thời kì độc lập lâu dài của người Việt sau thời kì Bắc thuộc kéo dài nhiều thế kỉ.

D. Chấm dứt thời kì Bắc thuộc, mở ra kỉ nguyên độc lập, tự chủ lâu dài của người Việt.

Câu 38. Nội dung nào sau đây thể hiện nét chính của cuộc khởi nghĩa Phùng Hưng?

A. Nghĩa quân bao vây rồi đánh chiếm thành Tống Bình.

B. Nghĩa quân bao vây rồi đánh chiếm thành Cổ Loa.

C. Nghĩa quân nổi dậy và đánh chiếm thành Thăng Long.

D. Nghĩa quân nổi dậy và đánh chiếm thành Đông Đô.

Câu 39. Nguyên nhân chủ yếu khiến các cuộc khởi nghĩa thời kì Bắc thuộc bùng nổ là

A. chính sách cai trị hà khắc của chính quyền đô hộ.

B. mâu thuẫn dân tộc và giai cấp nặng nề thời Hán.

C. tình trạng khủng hoảng kinh tế và xã hội trầm trọng.

D. xung đột giữa các giai cấp và sự bất mãn của tầng lớp thống trị.

Câu 40. Đọc đoạn tư liệu sau đây, trong mỗi ý A, B, C, D, học sinh chọn đúng hoặc sai.

"Trương Phụ nhà Minh ra lệnh cho các phủ, châu, huyện, phàm quân nhân bắt được tôi tớ, cùng đàn bà con gái trốn đi các xứ khác thì giải về cửa quân,.... Nhà Minh cấm con trai, con

gái không được cắt tóc, phụ nữ mặc áo ngắn, quần dài.... Nhà Minh khám thu các mỏ vàng, bạc, mộ phu nhật đãi vàng bạc và bắt voi trắng, mỏ trâu châu" ..

(Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Hậu Lê, Đại Việt sử ký toàn thư, Tập 2, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998, tr.236)

- A. Nhà Minh thi hành chính sách bắt bớ dân chúng ở Đại Việt.
- B. Nhà Minh thi hành chính sách đồng hoá về văn hoá ở Đại Việt.
- C. Nhà Minh xoá bỏ mọi thành tựu văn hiến của Đại Việt. D. Nhà Minh xoá bỏ mọi phong tục tập quán của người Việt.

Câu 41. Nội dung nào sau đây là diễn biến của khởi nghĩa Lam Sơn giai đoạn 1424 -1426?

- A. Tiến đánh Thanh Hoá, Thuận Hoá.
- B. Chuyển quân từ Nghệ An ra Thanh Hoá.
- C. Hoà hoãn với quân Minh và được chấp nhận.
- D. Tạm rời Thanh Hoá, chuyển vào Nghệ An.

Câu 42. Cho bảng dữ kiện sau đây về diễn biến cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, trong mỗi ý A, B, C, D, học sinh chọn đúng hoặc sai.

Giai đoạn	Những sự kiện chính
1418-1423	- Năm 1418, Lê Lợi tập hợp nghĩa sĩ dựng cờ khởi nghĩa tại căn cứ Lam Sơn. - Giữa năm 1423, nghĩa quân Lam Sơn và quân Minh tạm hoà.
1424-1426	- Cuối năm 1424, nghĩa quân chuyển vào Nghệ An. - Đến cuối năm 1426, nghĩa quân đã làm chủ Thuận Hoà, rồi tấn công ra Bắc. - Cuối năm 1426, nghĩa quân đánh tan trên 5 vạn quân Minh trong trận Tốt Động - Chúc Động.
1426-1427	- Cuối năm 1427, khoảng 15 vạn viện binh quân Minh cũng bị đánh tan trong trận Chi Lăng - Xương Giang. Sau trận Chi Lăng - Xương Giang, quân Minh chấp nhận nghị hoà, rút về nước.

- A. Khởi nghĩa Lam Sơn khởi đầu từ Thanh Hoá, phát triển vào phía nam rồi tiến ra phía bắc.
- B. Lực lượng của nghĩa quân Lam Sơn ngày càng mở rộng, bao gồm nhiều tầng lớp khác nhau.
- C. Lực lượng vũ trang của nghĩa quân Lam Sơn đã áp đảo quân đội nhà Minh từ năm 1424.
- D. Khởi nghĩa Lam Sơn từng bước trở thành phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc quy mô lớn.

Câu 43. Đọc đoạn tư liệu sau đây, trong mỗi ý A, B, C, D, học sinh chọn đúng hoặc sai.

“Nghe tin Vương Thông định đặt pháo bắn vào phía sau quân ta, các ông [Lê Thiện, Lê Lễ] bèn nhân đó tương kế tựu kế; dụ cho quân địch qua hết sông Ninh, mới đến các xứ Tốt Động, Chúc Sơn, ta tung quân mai phục ra, ba mặt xô vào đánh, làm cho giặc thua rất to, giết được Trần Hiệp. Lý Phụng. Phương Chính qua đò Cả Sở trốn về. Vương Thông, Mã Kỳ, Sơn Thọ đều chỉ cốt thoát thân, chạy vào Đông Đô. Ta chém được 5 vạn quân, bắt sống được hơn một vạn, thu được rất nhiều quân tư khí giới, ngựa chiến cùng sổ sách giấy tờ. Rồi bèn vây thành. Vua Thái Tổ từ Tây Đô kéo ra bao vây Đông Đô”.

(Lê Quý Đôn, Đại Việt thông sử, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1978, tr.175)

- A. Nghĩa quân Lam Sơn thắng lớn trong trận Tốt Động – Chúc Động.
- B. Trận Tốt Động – Chúc Động đã góp phần thay đổi cục diện cuộc chiến.
- C. Trận Tốt Động – Chúc Động là trận quyết chiến chiến lược cuối cùng của nghĩa quân Lam Sơn.
- D. Thành Đông Đô là căn cứ quân sự cuối cùng còn lại của quân Minh sau trận Tốt Động – Chúc Động.

Câu 44. Cuộc khởi nghĩa Tây Sơn bùng nổ trong bối cảnh Đàng Trong đang ở tình trạng nào sau đây?

- A. Mâu thuẫn dân tộc sâu sắc, vua Lê, chúa Trịnh lao vào hưởng lạc.
- B. Chế độ thuế khoá nặng nề, ngoại thương suy tàn, kinh tế khủng hoảng.
- C. Nạn đói lớn diễn ra thường xuyên, khởi nghĩa nông dân bùng nổ rầm rộ.
- D. Đại thần Trương Phúc Loan lộng quyền rồi tự lập làm vua.

Câu 45. Đọc đoạn tư liệu sau đây, trong mỗi ý A, B, C, D, học sinh chọn đúng hoặc sai.

“Tình hình nghiêm trọng hơn khi vào đầu tháng 4-1773, Tây Sơn đã kéo nhau tương toán xuống các chợ ngay lúc ban ngày, lấy của nhà giàu chia cho nhà nghèo,... Họ họp từng nhóm khoảng 300 người,... Tổ chức của họ cử theo thẳng lợi mà trở thành lớn lao, có quy củ hơn. Lúc đầu họ võ trang giáo mác, cung tên và cả súng tay nữa. Họ đi bộ, nhưng sau đó, khoảng tháng 8, họ đi ngựa, cồng và võng”.

(Tạ Chí Đại Trường, Việt Nam thời Tây Sơn - Lịch sử nội chiến 1771 – 1802, NXB Công an nhân dân, Hà Nội, 2007, tr.67-68)

- A. Lực lượng nghĩa quân Tây Sơn ngày càng lớn mạnh và được tổ chức tốt hơn.
- B. Quân Tây Sơn di chuyển trên mọi địa hình chủ yếu bằng cồng và võng.
- C. Một bộ phận nghĩa quân Tây Sơn đã sử dụng ngựa khi di chuyển. D. Quân Tây Sơn đã vượt trội về vũ khí so với quân chúa Nguyễn.

Câu 46. Nội dung nào sau đây là ý nghĩa của phong trào Tây Sơn?

- A. Xoá bỏ tình trạng chia cắt dân tộc, hoàn thành thống nhất nhà nước.
- B. Hoàn thành sự nghiệp thống nhất quốc gia, dân tộc và lãnh thổ.

C. Xoá bỏ ranh giới chia cắt đất nước, đặt cơ sở cho sự nghiệp thống nhất quốc gia.

D. Ngăn cách ranh giới chia cắt, hoàn thành sự nghiệp thống nhất quốc gia,

Câu 47. Các cuộc khởi nghĩa trong lịch sử Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám năm 1945 chủ yếu chống lại

B. hoạt động áp bức của chính quyền địa chủ, tiểu nông.

C. chính sách quan lại và chế độ quân chủ – phong kiến.

C. chế độ quý tộc và quân đội ngoại bang.

D. chính quyền cai trị và sự áp bức, bóc lột.

Câu 48. Các cuộc khởi nghĩa trong lịch sử Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám năm 1945 gắn liền với một số nhân vật nào sau đây?

A. Hai Bà Trưng, Lý Bí, Mai Thúc Loan, Trần Quang Khải.

B. Bà Triệu, Phùng Hưng, Lý Bí, Trần Hưng Đạo, Quang Trung.

C. Bà Triệu, Phùng Hưng, Lý Bí, Lê Lợi, Nguyễn Huệ.

D. Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Mai Thúc Loan, Trần Nhật Duật.

Câu 49. Các cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng trong lịch sử Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám năm 1945 để lại những bài học quan trọng nào sau đây?

A. Xây dựng khối đoàn kết quốc gia và giai cấp.

B. Xây dựng khối đại đoàn kết nhà nước và giai cấp.

C. Vận động lực lượng và xây dựng khối đoàn kết giai cấp.

D. Vận động, tập hợp lực lượng và xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc.

Câu 50. Bài học nào sau đây của các cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng trong lịch sử Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám năm 1945 vẫn còn nguyên giá trị hiện nay?

A. Ổn định văn hoá, phát triển vũ trang.

B. Xây dựng và củng cố nền quốc phòng.

C. Ổn định chính sách kinh tế vĩ mô và củng cố vũ trang.

D. Xây dựng lực lượng quân đội thường trực trên quy mô lớn.

Đề số 1

Phần 1: Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Câu 1: Nội dung nào sau đây gắn liền với sự ra đời của Chính quyền Xô viết?

- A. Đảng Cộng sản Liên Xô lãnh đạo nhân dân lật đổ chế độ Nga hoàng và Chính phủ đại tư bản.
- B. Đảng Cộng sản Nga tiến hành cách mạng lật đổ Chính phủ Hoàng gia và chế độ Hoàng tộc.
- C. Đảng Bôn-sê-vích lãnh đạo nhân dân Nga lần lượt lật đổ chế độ Sa hoàng và Chính phủ Hoàng gia.
- D. Đảng Bôn-sê-vích Nga lãnh đạo nhân dân lần lượt lật đổ chế độ Nga Hoàng và chính phủ lâm thời.

Câu 2: Nội dung nào sau đây phản ánh bối cảnh thành lập của Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết?

- A. Nước Nga Xô viết và các nước cộng hòa Xô viết phát triển đồng đều về kinh tế, văn hóa, chính trị.
- B. Nước Nga Xô viết và các nước cộng hòa Xô viết đồng minh phát triển không đồng đều.
- C. Nước Nga và các nước đồng minh cùng chung ngôn ngữ và chính quyền Trung ương.
- D. Nước Nga và các nước đồng minh không tồn tại đường biên giới chung giữa các quốc gia.

Câu 3: Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Lý Bí, Phùng Hưng, Lê Lợi, Nguyễn Chích, Nguyễn Nhạc và những nhân vật gắn liền với

- A. Các cuộc đấu tranh giành độc lập tự chủ cho dân tộc sau khi mất nước một số cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng dân tộc lịch sử Việt Nam.
- B. Các cuộc khởi nghĩa của giai cấp nông dân chống lại chế độ quân chủ.
- C. Kháng chiến chống chế độ quân chủ bảo vệ độc lập trong lịch sử Việt Nam.
- D. Một số cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng dân tộc trong lịch sử Việt Nam.

Câu 4: Nội dung nào sau đây **không** phải là ý nghĩa thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn thế kỷ XV?

- A. Chấm dứt 20 năm đô hộ của nhà Minh
- B. Đưa đến sự thành lập của vương triều Tiên Lê.
- C. Khôi phục nền độc lập tự chủ của Quốc gia Đại Việt.
- D. Mở ra thời kỳ độc lập tự chủ lâu dài của Đại Việt.

Câu 5: Hội nghị I-an-ta tháng 2 /1945 diễn ra giữa đại diện chính phủ của ba quốc gia nào sau đây?

- A. Mỹ, Liên Xô, Trung Quốc.
- B. Mỹ, Liên Xô, Pháp.
- C. Nga, Mỹ, Trung Quốc.
- D. Liên Xô, Mỹ, Anh.

Câu 6: Sự kiện nào sau đây năm 1991 đã chính thức chấm dứt sự tồn tại của trật tự thế giới hai cực I-an-ta?

- A. Sự tan rã của Đông Âu.
- B. Sự tan rã của Liên Xô.
- C. Sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu.
- D. Sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Tây Âu.

Câu 7: Trong quá trình hình thành và tồn tại của trật tự thế giới hai I-an-ta, giai đoạn căng thẳng nhất là

- A. Từ năm 1971 đến đầu những năm 90 của thế kỉ XX.
- B. Từ năm 1972 đến cuối những năm 80 của thế kỉ XX.
- C. Từ năm 1944 đến đầu những năm 60 của thế kỉ XX.
- D. Từ năm 1947 đến đầu những năm 70 của thế kỉ XX.

Câu 8: Quốc gia nào sau đây gia nhập ASEAN năm 1984?

- A. Cam-pu-chia.
- B. Bru-nây.
- C. Mi-an-ma.
- D. Phi-lip-pin.

Câu 9: Sự ra đời của ASEAN còn hướng tới mục đích nào sau đây?

- A. thúc đẩy việc nghiên cứu Đông Nam Á .
- B. hợp tác nghiên cứu về khu vực Châu Á .
- C. phát triển hợp tác về nghiên cứu Đông Á.

D. thúc đẩy việc thám hiểm Đông Nam Á.

Câu 10: Hoạt động của ASEAN và Cộng đồng ASEAN về cơ bản đều dựa trên văn bản nào sau đây?

A. Tuyên ngôn hòa bình ASEAN.

B. Hiệp ước phòng thủ Ba-li.

C. Hiến chương ASEAN.

D. Hiệp định ASEAN.

Câu 11: Một trong bốn tỉnh giành được chính quyền ở tỉnh lỵ sớm nhất trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 là

A. Hà Nội.

B. Hải Dương.

C. Sài Gòn.

D. Hà Tiên.

Câu 12: Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 đã đưa Đảng Cộng sản Đông Dương trở thành

A. Đảng của giai cấp công nhân

B. Chính Đảng duy nhất.

C. Chính Đảng vô sản.

D. Đảng cầm quyền.

Câu 13: Nội dung nào sau đây phản ánh đúng về quá trình phát triển cơ bản của Cách mạng tháng Tám năm 1945

A. Khởi nghĩa đồng loạt ở đô thị rồi tiến về nông thôn

B. Từ khởi nghĩa từng phần tiến lên tổng khởi nghĩa

C. Khởi nghĩa đồng loạt ở nông thôn rồi bao vây đô thị

D. Từ khởi nghĩa vũ trang tiến đến chiếm giữ các đô thị.

Câu 14: Lực lượng chính trị hùng hậu đóng vai trò nòng cốt có ý nghĩa quyết định đối với thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 là

A. Việt Nam Giải phóng quân

B. Việt Nam Tuyên truyền quân

C. Mặt trận Liên Việt

D. Mặt trận Việt Minh

Câu 15: Nội dung nào sau đây không phải là nội dung cơ bản của đường lối đổi mới do Đảng Cộng sản Việt Nam đề ra trong giai đoạn 1986 -1995?

A. Xóa bỏ cơ chế thị trường bao cấp

- B. Xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam
- C. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa
- D. Mở rộng quan hệ với tất cả các nước.

Câu 16: Nội dung nào sau đây **không** phải là nội dung cơ bản của đường lối đổi mới do Đảng Cộng sản Việt Nam đề ra trong giai đoạn 1986-1995?

- A. Đổi mới cơ chế quản lý kinh tế
- B. Xây dựng nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần
- C. Phát triển kinh tế tư nhân đóng vai trò chủ lực
- D. Điều chỉnh cơ cấu đầu tư.

Câu 17: Nội dung nào sau đây được thể hiện xuyên suốt trong đường lối đổi mới của Đảng cộng sản Việt Nam?

- A. Xây dựng xã hội pháp trị
- B. Xây dựng nhà nước pháp quyền
- C. Phát triển kinh tế tri thức
- D. Hình thành nền kinh tế kỹ thuật số

Câu 18: Trong quá trình hoạt động ở Nhật Bản, Phan Bội Châu đã tham gia thành lập hai tổ chức nào sau đây?

- A. Việt Nam quang phục hội, Trung Quốc Chấn hưng hội
- B. Đông Á đồng minh hội, Điền – Quế - Việt Liên minh
- C. Đông Á đồng minh hội, Việt Nam quang phục hội
- D. Điền - Quế - Việt Liên minh, Việt Nam Quang phục Hội

Câu 19: Một trong những hoạt động đối ngoại của Nguyễn Ái Quốc trong giai đoạn 1918- 1920 là

- A. tham gia sáng lập đảng Cộng sản Liên Xô và đảng Cộng sản Pháp
- B. gửi bản yêu sách của nhân dân An Nam đến hội nghị Vécxai (Pháp)
- C. gửi bản Điều trần gửi Hội nhân quyền ở Paris (Pháp)
- D. tham gia sáng lập Việt Nam Quang phục Hội

Câu 20: Hoạt động đối ngoại của Việt Nam từ đầu thế kỷ XX đến năm 1975 về cơ bản tập trung phục vụ những sự nghiệp nào sau đây?

- A. Giải phóng dân tộc, bảo vệ độc lập và thống nhất đất nước.
- B. Giải phóng giai cấp, bảo vệ độc lập và thống nhất miền Nam
- C. Bảo vệ giai cấp, bảo vệ dân tộc và thống nhất quốc gia
- D. Bảo vệ giai cấp, bảo vệ nước nhà và thống nhất đất nước

Câu 21: Hồ Chí Minh xuất thân trong một gia đình

- A. công nhân trí thức
- B. nông dân cách mạng
- C. trí thức tư sản
- D. nhà nho yêu nước

Câu 22: Trong thời gian ở Pháp, Nguyễn Tất Thành trở thành một trong những người lãnh đạo chủ chốt của tổ chức nào sau đây?

- A. Hội những người Việt Nam yêu nước tại Pháp
- B. Hội những người Đông Dương yêu nước tại Pháp
- C. Hội Liên hiệp các dân tộc chính quốc và thuộc địa
- D. Hội Đồng minh các quốc gia bị áp bức ở Đông Nam Á

Câu 23: Những hoạt động tích cực của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954) đã đưa đến kết quả nào sau đây?

- A. Việt Nam nhận được sự ủng hộ giúp đỡ to lớn của Trung Quốc, Liên Xô
- B. Việt Nam nhận được sự giúp đỡ to lớn của các nước xã hội chủ nghĩa Tây Âu
- C. Việt Nam giành thắng lợi trên bàn đàm phán tại Hội nghị Paris
- D. Việt Nam đàm phán độc lập với các nước trong Hội nghị Giơnevơ

Câu 24: Chủ nghĩa Mác- Lênin và yếu tố gì sau đây đóng vai trò nền tảng tư tưởng kim chỉ nam cho hành động của Đảng cộng sản Việt Nam?

- A. Tư tưởng Hồ Chí Minh
- B. Phong cách Hồ Chí Minh
- C. Quan điểm Hồ Chí Minh
- D. Đường lối Hồ Chí Minh

Phần II. Trắc nghiệm đúng sai

Câu 1: Đọc đoạn tư liệu sau đây

“Rất lâu trước khi Liên Xô sụp đổ, rõ ràng là rất ít khu vực nào trên thế giới bị ảnh hưởng bởi những gì đang xảy ra ở châu Âu. Sự kết thúc của Chiến tranh lạnh lập tức đã khơi lại những câu hỏi cũ về bản sắc trên khắp lục địa đó và xa hơn nữa, cũng như đặt ra những câu hỏi mới,... Những câu hỏi nền tảng về bản sắc, dân tộc và tôn giáo một lần nữa có thể được nêu lên, và một số câu hỏi trong số này thật rối trí. Một lần nữa những hoàn cảnh quyết định mới lại xuất hiện trong lịch sử thế giới”.

(J. M. Robót, O.A Goét-sta, Lịch sử thế giới (Phạm Viêm Phương dịch), NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2023, tr 293).

A. Đoạn tư liệu phản ánh nhận thức và quan điểm của tác giả về thế giới đơn cực sau Chiến tranh lạnh.

B. Đoạn tư liệu thể hiện quan điểm của tác giả cho thấy nhiều vấn đề liên quan đến bản sắc, dân tộc và tôn giáo ở châu Âu đã bị che lấp bởi Chiến tranh lạnh.

C. Theo quan điểm của tác giả, sự kết thúc của Chiến tranh lạnh có ảnh hưởng lớn đối với lịch sử thế giới.

D. Các cuộc chiến tranh, xung đột ở châu Âu cuối thế kỷ XX, đầu thế kỷ XXI không liên quan đến hệ quả của Chiến tranh lạnh.

Câu 2: Cho đoạn thông tin thống kê sau đây

“Cả nước có tổng cộng 1.146.250 liệt sĩ, trong đó có 191.605 người hi sinh trong kháng chiến chống Pháp, 849.018 người hi sinh trong kháng chiến chống Mỹ, và 105.627 người hi sinh trong các cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc sau năm 1975 (chiến tranh biên giới phía Bắc, chiến tranh biên giới Tây Nam, cuộc chiến đấu bảo vệ chủ quyền biển, đảo,...). Trong số này, hơn 200.000 hài cốt liệt sĩ trên các chiến trường Việt Nam, Lào, Campuchia vẫn chưa được tìm thấy; hơn 300.000 hài cốt liệt sĩ chưa xác định được danh tính, tên tuổi, quê quán, đơn vị. Ngoài ra, cả nước còn có 300.000 người đoạt hoạt động kháng chiến và có con đẻ bị nhiễm chất độc da cam dioxin”.

A. Đoạn thông tin cung cấp số liệu liệt sĩ hi sinh vì độc lập dân tộc vì sự nghiệp thống nhất đất nước từ cuối thế kỷ XIX.

B. Đoạn thông tin cho thấy sự khốc liệt của chiến tranh và sự hi sinh, mất mát to lớn về người của nhân dân Việt Nam trong công cuộc xây dựng đất nước.

C. Đoạn thông tin liên quan đến công tác tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ, hỗ trợ, giúp đỡ nạn nhân chất độc da cam ở Việt Nam.

D. Nền hòa bình, độc lập dân tộc và thống nhất đất nước hôm nay gắn liền với sự cống hiến và hi sinh to lớn của hàng triệu người.

Câu 3: Đọc đoạn tư liệu sau đây

“Đổi mới cơ chế quản lý kinh tế nhằm tạo ra động lực thúc đẩy các đơn vị kinh tế và quần chúng lao động hăng hái phát triển sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế. Kiên quyết xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, thiết lập và hình thành đồng bộ cơ chế kế hoạch theo phương thức hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, đúng nguyên tắc tập trung dân chủ”.

(Đảng Cộng sản Việt Nam, Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI, ngày 18/12/1986, trích trong: Văn viện Đảng Toàn tập, Tập 47, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006, tr. 902).

A. Đoạn tư liệu thể hiện quan điểm đổi mới về kinh tế của Đảng cộng sản Việt Nam từ năm 1996.

B. Việc cải cách cơ chế quản lý kinh tế nói trên xuất phát từ tình trạng kém hiệu quả của cơ chế thị trường.

C. Việc cải cách cơ chế quản lý kinh tế nói trên đã giải phóng sức sản xuất tạo ra động lực to lớn đối với các tổ chức và cá nhân trong sản xuất kinh doanh.

D. Từ nội dung tư liệu và thực tiễn cho thấy nhiều thành tựu về kinh tế Việt Nam hiện nay gắn liền với chính sách cải cách cơ chế quản lý kinh tế.

Câu 4: Đọc đoạn tư liệu sau đây

“Hồ Chủ tịch là tượng trưng cao đẹp của chủ nghĩa yêu nước chân chính kết hợp nhuần nhuyễn với chủ nghĩa quốc tế vô sản. Trái tim, khối óc của Người dành cho dân tộc Việt Nam ta cũng hướng về giai cấp vô sản và các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới. Là người học trò trung thành của Các Mác và Lênin, Chủ tịch Hồ Chí Minh chẳng những là một nhà yêu nước vĩ đại mà còn là một chiến sĩ xuất sắc trong phong trào cộng sản quốc tế và phong trào giải phóng dân tộc của thế kỷ XX. Hồ Chủ tịch thường dạy chúng ta phải chăm lo bảo vệ sự đoàn kết quốc tế vì sự nghiệp to lớn của cách mạng Việt Nam vì nghĩa vụ cao cả đối với cách mạng thế giới”

(Điều văn của Ban chấp hành trung ương Đảng Lao động Việt Nam trong Lễ truy điệu Chủ tịch Hồ Chí Minh ngày 9/9/1969 tại Hà Nội, trích trong Hồ Chí Minh Toàn tập, Tập 5, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr. 627)

A. Điều văn ca ngợi Chủ tịch Hồ Chí Minh trong lễ truy điệu được tổ chức tại Hà Nội sau khi chủ tịch Hồ Chí Minh từ trần năm 1969.

B. Nội dung đoạn điều văn cho thấy Chủ tịch Hồ Chí Minh có công công hiến to lớn đối với cách mạng Việt Nam và cách mạng thế giới.

C. Chủ tịch Hồ Chí Minh có vị trí vai trò đặc biệt đối với tiến trình lịch sử Việt Nam từ giữa thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX.

D. Phong trào cộng sản quốc tế hiện nay trên thế giới đang tiếp tục phát triển mạnh mẽ và có sự đoàn kết chặt chẽ.

Đề số 2

Phần 1: Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Câu 1: Bản tuyên bố thành lập Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô Viết đã được thông qua tại sự kiện nào sau đây?

A. Đại hội lần thứ ba các Xô Viết toàn Liên bang.

B. Đại hội lần thứ nhất các Xô Viết toàn liên bang.

C. Đại hội Xô Viết toàn Nga lần II .

D. Đại hội Xô Viết toàn Nga lần III.

Câu 2: Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng nguyên nhân dẫn đến sự sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu và Liên Xô

- A. Các nhà lãnh đạo của Đảng Nhà nước đã mắc nhiều sai lầm
- B. Những hạn chế của văn hóa truyền thống không được sửa chữa
- C. Chưa khai thác tốt thành tựu của cách mạng khoa học kỹ thuật
- D. Trình độ phát triển của lực lượng sản xuất ngày càng tụt hậu so với các nền kinh tế tư bản chủ nghĩa.

Câu 3: Sông Bạch Đằng là nơi diễn ra trận đánh quyết định trong cuộc kháng chiến

- A. Chống quân Xiêm năm 1785.
- B. Chống quân Thanh năm 1789.
- C. Chống quân Minh năm 1407.
- D. Chống quân Nam Hán năm 938.

Câu 4: Năm 544, Lý Bí tự xưng là Lý Nam Đế lập ra nhà nước

- A. Vạn An
- B. Đại Việt
- C. Đại Nam
- D. Vạn Xuân

Câu 5: Quá trình hình thành Liên Hợp Quốc gắn liền với vai trò quan trọng của Chính phủ các quốc gia nào sau đây?

- A. Liên Xô, Mỹ, Pháp.
- B. Liên Xô, Mỹ, Đức.
- C. Liên Xô, Mỹ, Anh.
- D. Liên Xô, Mỹ, Nga.

Câu 6: Trật tự thế giới hai cực I-an-ta xói mòn và đi đến sụp đổ trong giai đoạn nào sau đây?

- A. Từ đầu những năm 60 của thế kỷ XX và đến năm 1992.
- B. Từ đầu những năm 70 của thế kỷ XX đến năm 1989.
- C. Từ đầu những năm 70 của thế kỷ XX đến năm 1991.
- D. Từ cuối những năm 70 của thế kỷ XX đến năm 1990.

Câu 7: Đối với thế giới sự sụp đổ của trật tự thế giới hai cực I-an-ta đã có tác động

- A. không đáng kể và chủ yếu là tiêu cực
- B. nhỏ và đưa đến những xu thế tích cực
- C. lớn và đưa đến những xu thế tích cực
- D. trên vài lĩnh vực nhưng không đáng kể

Câu 8: Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) được thành lập trong bối cảnh nhiều nước Đông Nam Á muốn hạn chế yếu tố nào sau đây?

- A. Ảnh hưởng của các cường quốc bên ngoài
- B. Sự phát triển của xu thế khu vực hóa
- C. Sự chi phối của các quốc gia hai đảo
- A. Ảnh hưởng của xu thế toàn cầu hóa

Câu 9: Việt Nam gia nhập ASEAN vào thời gian nào sau đây?

- A. Năm 1993
- B. Năm 1994
- C. Năm 1995
- D. Năm 1996

Câu 10: Nội dung nào sau đây được coi là nhận định đúng về ASEAN?

- A. Là liên minh chính trị lớn nhất trên thế giới.
- B. Là đối tác quan trọng nhất của Mỹ ở châu Á.
- C. Là liên minh khu vực thành công nhất thế giới.
- D. Là một trong những tổ chức khu vực thành công nhất trên thế giới.

Câu 11: Nội dung nào sau đây **không** phải là ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tháng Tám?

- A. Năm 1945 kết thúc ách cai trị hơn 80 năm của thực dân Pháp
- B. Chấm dứt vĩnh viễn chế độ quân chủ ở Việt Nam
- C. Đưa đến sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa
- D. Kết thúc ách cai trị hơn 6 năm của quân phiệt Nhật

Câu 12: Trong 2 ngày 14 và 15- 8-1945, khởi nghĩa giành chính quyền đã thắng lợi ở một số xã huyện thuộc các địa phương nào sau đây?

- A. Các tỉnh Nam Bộ, Đà Nẵng, Lâm Đồng, Hà Tiên.
- B. Các tỉnh đồng bằng sông Hồng, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh
- C. Các tỉnh khu vực Tây Nguyên, Thừa Thiên Huế, Ninh Thuận, Đồng Nai.
- D. Các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, Quảng Nam, Khánh Hòa, Hà Tiên.

Câu 13: Điểm tương đồng giữa chiến dịch Biên giới Thu đông năm 1950 và chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954 là

- A. Quân đội Việt Nam chủ động tấn công quân Pháp.
- B. Quân đội Pháp chủ động tấn công lực lượng kháng chiến.
- C. Quân đội Mỹ trực tiếp tham chiến cùng.
- D. Quân đội Pháp đóng vai trò quyết định về hậu cần.

Câu 14: Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954) và kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954-1975) có điểm chung gì sau đây?

- A. Có vai trò quan trọng trong phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.
- B. Gây khủng hoảng trong sách trong xã hội Mỹ và tác động mạnh mẽ đối với thế giới.
- C. Làm tan rã toàn bộ hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân mới.
- D. Làm tan rã hệ thống chủ nghĩa thực dân kiểu cũ trên thế giới.

Câu 15: Trước khi thực hiện công cuộc đổi mới 1986 Việt Nam ở trong tình trạng

- A. khủng hoảng trầm trọng về kinh tế xã hội.
- B. phát triển nhanh nhưng thiếu bền vững .
- C. phát triển nhanh nhưng không ổn định.
- D. bước đầu khủng hoảng về kinh tế xã hội.

Câu 16: Một trong những nội dung cơ bản của đường lối mới cho Đảng Cộng sản Việt Nam đề ra trong giai đoạn 1986-1995 là

- A. Mở rộng quan hệ với tất cả các nước.
- B. Học tập mô hình các nước xã hội chủ nghĩa.
- C. Đổi mới phải toàn diện và nhanh chóng.
- D. Lấy việc phục vụ kinh tế là mục đích cao nhất.

Câu 17: Lĩnh vực nào sau đây trong công cuộc đổi mới ở Việt Nam đạt được nhiều kết quả to lớn và được cộng đồng quốc tế ghi nhận đánh giá cao?

- A. Cứu trợ nhân đạo.
- B. Đền ơn đáp nghĩa.
- C. Xóa đói giảm nghèo.
- D. Bảo vệ môi trường.

Câu 18: Một trong những hoạt động đối ngoại của Phan Châu Trinh đầu thế kỷ XX là

- A. Sáng lập hội liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông.
- B. Thành lập và phát triển các hoạt động của Việt Nam Quang phục hội.
- C. Tham gia sáng lập Đảng Cộng sản và Đảng Xã hội Pháp.
- D. Viết báo, diễn thuyết để thức tỉnh dư luận Pháp về tình hình Việt Nam.

Câu 19: Trong quan hệ đối ngoại thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954) và kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975), Việt Nam đều

- A. Tăng cường quan hệ đoàn kết giữa ba nước Đông Dương.
- B. Củng cố quan hệ ngoại giao với các nước Tây Âu.
- C. Củng cố quan hệ ngoại giao với các nước Bắc Âu.
- D. Tăng cường quan hệ đoàn kết với ASEAN.

Câu 20: Việt Nam và Mỹ bình thường hóa quan hệ ngoại giao vào thời gian nào sau đây?

- A. Năm 1993
- B. Năm 1994
- C. Năm 1995
- D. Năm 1996

Câu 21: Bối cảnh nào sau đây của đất nước cuối thế kỷ XIX đã ảnh hưởng đến cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh?

- A. thực dân Pháp đã đặt được ách cai trị trên toàn lãnh thổ Việt Nam
- B. phong trào giải phóng dân tộc theo khuynh hướng vô sản diễn ra mạnh mẽ
- C. từ một quốc gia độc lập Việt Nam trở thành nước phong kiến
- D. nhiệm vụ cứu nước giải phóng dân tộc trở thành thứ yếu

Câu 22: Từ sau cách mạng tháng Tám năm 1945 hoạt động của Hồ Chí Minh gắn liền với sự nghiệp nào sau đây?

- A. Tìm đường giải phóng dân tộc và thống nhất miền Nam
- B. Tìm đường xây dựng Chủ nghĩa xã hội và thống nhất đất nước
- C. Giải phóng hoàn toàn miền Nam và thống nhất miền Bắc
- D. Bảo vệ độc lập dân tộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và thống nhất đất nước

Câu 23: Sáng kiến thành lập Mặt trận Việt Nam Độc lập Đồng minh được Hồ Chí Minh đưa ra tại sự kiện nào sau đây?

- A. Hội nghị lần thứ 7 ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Đông Dương
- B. Hội nghị lần thứ 8 Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Đông Dương
- C. Đại hội Quốc dân được triệu tập tại Tân Trào (Tuyên Quang)
- D. Quốc dân đại hội được tổ chức tại Tân Trào (Tuyên Quang).

Câu 24: Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” được tổ chức nhằm

- A. tiếp nhận di sản đặc biệt về chính trị, xã hội của Hồ Chí Minh.
- B. tiếp nhận di sản đặc biệt về triết học, phong cách của Hồ Chí Minh.
- C. phát huy giá trị to lớn của tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh
- D. phát huy giá trị to lớn của triết học, đạo đức Hồ Chí Minh

Phần 2: Câu trắc nghiệm đúng sai

Câu 1: Cho bảng dữ kiện sau đây về thách thức đối với Cộng đồng ASEAN:

Thách thức đối với Cộng đồng ASEAN	Cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn; thay đổi cấu trúc địa- chính trị khu vực châu Á- Thái Bình Dương và toàn cầu; tình hình phức tạp ở Biển Đông,...
------------------------------------	---

	Sự đa dạng của các nước thành viên về chế độ chính trị, tôn giáo; tình hình chính trị phức tạp ở một số bước; một số mâu thuẫn trong quan hệ song phương,...
	Sự chênh lệch về thu nhập, khoảng cách về phát triển kinh tế giữa các nước.
	Nguyên cơ chia rẽ của ASEAN về các vấn đề khu vực và quốc tế, đặc biệt là khi ASEAN vận hành dựa trên nguyên tắc đồng thuận.
	Thách thức an ninh phi truyền thống, như ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu, tội phạm xuyên quốc gia, dịch bệnh,...

- A. Bảng dữ kiện nêu lên những thách thức đối với tổ chức ASEAN trong những thập kỉ sắp tới.
- B. Cộng đồng ASEAN vừa phải đối diện với những thách thức an ninh truyền thống, vừa phải đối phó với những thách thức an ninh phi truyền thống
- C. Những thách thức nói trên không phải là trở ngại đối với quá trình xây dựng một Cộng đồng ASEAN ổn định và phát triển.
- D. Để có thể giải quyết những thách thức nói trên, Cộng đồng ASEAN cần có sự đoàn kết và hợp tác chặt chẽ ở cả hiện tại và tương lai.

Câu 2: Đọc đoạn tư liệu sau đây

“... Chiều 7-5, ở Điện Biên trời rất đẹp, khi kết thúc trận đánh nắng vàng vẫn còn chiếu sáng trên khắp thung lũng. Linh Pháp, lính Lê Dương và nhất là lính da đen An-giê-ri, Ma-rốc, Xê-nê-gan,... ra hàng với thái độ rất vui mừng vì sống sót. Họ vừa gieo to, vừa vẫy mạnh những mảnh vải trắng trên tay. Khoảng mấy trăm lính Pháp, lính thuộc địa hàng tháng nay đào ngũ bằng cách trốn trại,... nay thấy chiến tranh đã kết thúc, cũng chạy ùa ra, reo mừng hô lớn “Phi-ni la ghe !” (Chiến tranh hết rồi)

(Lê Kim, trận Điện Biên Phủ nhìn từ hai phía, NXB Thanh niên, Hà Nội 1994, tr. 128)

- A. Đoạn tư liệu cung cấp thông tin về trận Điện Biên Phủ giữa quân đội Việt Nam và quân đội Pháp năm 1953.
- B. Đoạn tư liệu cung cấp một góc nhìn sinh động và khác với hình dung của nhiều người khi trận Điện Biên Phủ kết thúc.
- C. Sự kết thúc của trận Điện Biên Phủ mang lại niềm vui lớn cho tất cả những bên và những người liên quan.
- D. Đoạn tư liệu cho thấy Hòa Bình luôn là mong muốn và khát vọng của con người ở bất kỳ đâu bất kể màu da sắc tộc.

Câu 3: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Đặt bút ký vào bản Hiệp định Paris lịch sử, tôi vô cùng xúc động,... Tôi như thay mặt nhân dân và các chiến sĩ cách mạng miền Nam Việt Nam làm nhiệm vụ đấu tranh trên tiền tuyến và

trong lao tù cầm ngọn cờ chiến thắng chói lọi. Vinh dự đó đối với tôi thật quá to lớn. Tôi không có đủ lời để nói lên được lòng biết ơn vô tận đối với đồng bào và chiến sĩ ta từ Nam chí Bắc đã chấp nhận mọi hi sinh dũng cảm chiến đấu để có được thắng lợi to lớn hôm nay.”

Nguyễn Thị Bình, Gia đình, bạn bè và đất nước (Hồi ký), NXB Tri thức, Hà Nội, 2012, tr. 131)

- A. Đoạn tư liệu trên là của nhân chứng không trực tiếp tham gia sự kiện.
- B. Đoạn tư liệu thể hiện niềm xúc động tự hào và biết ơn của tác giả.
- C. Đoạn tư liệu cung cấp thông tin liên quan đến việc ký kết Hiệp định Paris năm 1973 là thắng lợi to lớn của Việt Nam trong cuộc đấu tranh ngoại giao.
- D. Hiệp định Paris để lại bài học: đấu tranh ngoại giao quan có vai trò quan trọng hơn đấu tranh quân sự.

Câu 4: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Trong nửa sau thế kỷ XX, có một từ đã xuất hiện trong tiếng nói của những người bảo vệ và kiến tạo hòa bình trên thế giới, một từ mà cùng một lúc mang rất nhiều ý nghĩa: đấu tranh, dũng cảm, anh hùng và nó còn có ý nghĩa là chiến thắng, độc lập, tự do,

*Từ đó là **Việt Nam***

Và có một cái tên đã luôn gắn bó với từ này- từ chỉ tên của một đất nước

*Đó là **Hồ Chí Minh** .”*

(Ro-mét Chan-đờ-ra, Việt Nam và cuộc đấu tranh vì hòa bình, tự do và độc lập, trích trong: Việt Nam trong thế kỷ XX, tập 1, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 48)

- A. Đoạn tư liệu thể hiện sự đánh giá cao của tác giả đối với Việt Nam và đối với Hồ Chí Minh.
- B. Đoạn tư liệu cho thấy tên tuổi của Hồ Chí Minh gắn liền với sự nghiệp của dân tộc Việt Nam và những phẩm chất của con người Việt Nam.
- C. Đoạn tư liệu cho thấy sự nghiệp cách mạng của nhân dân Việt Nam và các nước Đông Nam Á là yếu tố quyết định tạo nên tên tuổi của Hồ Chí Minh.
- D. Đoạn tư liệu cho thấy ngày nay quá trình bảo vệ và kiến tạo hòa bình trên thế giới vẫn chịu ảnh hưởng sâu sắc bởi quan điểm của Hồ Chí Minh.

Đề số 3

Phần 1: Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Câu 1: Chính phủ Xô Viết ra đời ở Nga năm 1917 là kết quả của sự kiện nào sau đây

- A. Cách mạng tháng Ba thành công ở Nga.

- B. Chính phủ giai cấp tư sản thành lập.
- C. Cách mạng tháng 10 Nga.
- D. Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc.

Câu 2: Sau chiến tranh thế giới thứ hai sự mở rộng của chủ nghĩa xã hội gắn liền với những quốc gia nào sau đây

- A. Trung Quốc, Bắc Triều Tiên, Việt Nam, Lào, Cu-ba.
- B. Trung Quốc, Triều Tiên, Việt Nam, Lào, Indonesia.
- C. Trung Quốc, Việt Nam, Lào, Cộng hòa Liên bang Đức.
- D. Ấn Độ, Triều Tiên, Việt Nam, Lào, Campuchia.

Câu 3: Phong trào Tây Sơn cuối thế kỷ XVIII đã đánh bại

- A. Quân Xiêm và quân Minh.
- B. Quân Xiêm và quân Thanh.
- C. Quân Xiêm và quân Nguyễn.
- D. Quân Xiêm và quân Tống.

Câu 4: Một trong những cuộc kháng chiến không thành công trong lịch sử kháng chiến chống quân ngoại xâm của nước Việt Nam là

- A. Kháng chiến chống thực dân Pháp nửa sau thế kỉ XIX.
- B. Kháng chiến chống quân Thanh nửa sau thế kỉ XVIII.
- C. Kháng chiến chống quân Xiêm nửa đầu thế kỷ XVIII.
- D. Kháng chiến chống thực dân Pháp nửa sau thế kỷ XX.

Câu 5: Hiện nay Mỹ, Trung Quốc, Liên minh châu Âu, Nhật Bản, Liên bang Nga, Ấn Độ vẫn đóng vai trò là

- A. một số cực trong trật tự thế giới nhất siêu - đơn cực
- B. các quốc gia thịnh vượng nhất trên thế giới
- C. các quốc gia phát triển nhất trên thế giới
- D. một số trung tâm quyền lực của thế giới

Câu 6: Nội dung nào sau đây không phải là nhiệm vụ cấp bách đặt ra trước các nước Đồng Minh đầu năm 1945

- A. Nhanh chóng kết thúc chiến tranh
- B. Tiến hành cách mạng khoa học - kỹ thuật
- C. Tổ chức lại trật tự thế giới sau chiến tranh
- D. Phân chia thành quả giữa các nước thắng trận

Câu 7: Nội dung thỏa thuận nào sau đây của các cường quốc tại hội nghị Ianta (2-1945) ảnh hưởng trực tiếp tới công cuộc đấu tranh bảo vệ độc lập dân tộc Việt Nam?

- A. Đông Á thuộc phạm vi kiểm soát truyền thống như trước đây của các nước Đông Tây.
- B. Đông Nam Á thuộc phạm vi ảnh hưởng truyền thống của các nước phương Tây Đông.
- C. Nam Á thuộc phạm vi ảnh hưởng truyền thống của các nước phương Đông.
- D. Nam Á thuộc phạm vi kiểm soát truyền thống như trước đây của các nước Tây Âu.

Câu 8: ASEAN là từ viết tắt của tổ chức nào sau đây

- A. Tổ chức Đông Nam Á
- B. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á
- C. Liên minh các quốc gia Đông Nam Á
- D. Liên minh các nước Đông Nam Á.

Câu 9: Từ năm 1976, với Hiệp ước Ba-li, ASEAN có sự thay đổi cơ bản về yếu tố nào sau đây?

- A. Hợp tác về đầu tư và giao thương với các nước ngoài khu vực.
- B. Hợp tác về quân sự quốc phòng và khoa học kỹ thuật.
- C. Cơ chế hợp tác đầu tư và giao thương nội khối.
- D. Cơ chế hoạch định chính sách cao nhất.

Câu 10: Ba trụ cột của Cộng đồng ASEAN là

- A. Chính trị - An ninh, Kinh tế, Văn hóa- Xã hội.
- B. Chính trị , Kinh tế, Văn hóa- Xã hội.
- C. An ninh, Chính trị, Văn hóa – Xã hội.
- D. Chính trị, Kinh tế, Văn hóa – Xã hội.

Câu 11: Địa phương nào sau đây là một trong bốn tỉnh giành được chính quyền ở tỉnh lỵ sớm nhất trong Cách mạng tháng Tám năm 1945?

- A. Hà Nội.
- B. Bắc giang.
- C. Thái Nguyên.
- D. Hà Tiên.

Câu 12: Một trong những ý nghĩa của Cách mạng tháng Tám năm 1945 là

- A. chính thức mở đầu kỉ nguyên cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.
- B. đưa Đảng Lao động Việt Nam thành đảng cầm quyền.
- C. tiêu diệt chủ nghĩa thực dân mới trên thế giới.
- D. mở đầu kỉ nguyên độc lập, tự do cho nhân dân Việt Nam.

Câu 13. Chiến lược Việt Nam hoá chiến tranh của Mỹ có điểm gì khác so với chiến lược Chiến tranh cục bộ trước đó ở miền Nam Việt Nam?

- A. Quân đội Sài Gòn không còn đóng vai trò chủ lực trên chiến trường.

- B. Quân đội Mỹ không còn đóng vai trò chủ lực trên chiến trường.
- C. Quân đội các nước đồng minh của Mỹ đóng vai trò chủ lực trên chiến trường.
- D. Quân đội Mỹ đóng vai trò chủ lực trên chiến trường.

Câu 14. Văn bản nào sau đây đã có tác động trực tiếp và nhanh chóng, mở ra hướng đi mới của phong trào đấu tranh ở miền Nam trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước?

- A. Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam lần thứ 25.
- B. Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam lần thứ 35.
- C. Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam lần thứ 5.
- D. Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam lần thứ 15.

Câu 15. Nội dung nào sau đây là thành tựu cơ bản của đổi mới chính trị ở Việt Nam trong công cuộc Đổi mới?

- A. Hoàn chỉnh hệ thống lí luận về đường lối đổi mới.
- B. Hình thành hệ thống quan điểm lí luận về đường lối đổi mới.
- C. Hoàn thiện bộ máy chính quyền định hướng xã hội chủ nghĩa.
- D. Hoàn thiện hệ thống đường lối đổi mới.

Câu 16: Một trong những thành tựu của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam là

- A. nền dân chủ xã hội chủ nghĩa được phát huy và ngày càng mở rộng.
- B. chuyển đổi thành công sang nền kinh tế kế hoạch hoá.
- C. xoá bỏ thành công tình trạng đói nghèo, lạc hậu.
- D. hoàn chỉnh lí luận về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội.

Câu 17. Nội dung nào sau đây là bài học của công cuộc Đổi mới, đồng thời cũng là bài học của các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay?

- A. Xác định rõ thời cơ và từng bước đi theo thời cơ.
- B. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.
- C. Kết hợp sức mạnh giai cấp với sức mạnh toàn cầu.
- D. Xác định rõ thời cơ và biến nguy cơ thành thời cơ.

Câu 18. Nội dung nào sau đây là hoạt động đối ngoại của Phan Bội Châu đầu thế kỉ XX?

- A. Tham gia sáng lập Hội Liên hiệp thuộc địa.
- B. Tổ chức phong trào Đông du.
- C. Tham dự nhiều hoạt động của Quốc tế Cộng sản.
- D. Gia nhập Đảng Xã hội Pháp.

Câu 19. Việt Nam gia nhập tổ chức nào sau đây vào năm 1978?

- A. ASEAN.

B. Liên hợp quốc.

C. Cộng đồng ASEAN.

D. Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV).

Câu 20. Sự kiện nào sau đây đánh dấu mốc lần đầu tiên trong lịch sử hiện đại, Việt Nam có quan hệ bình thường với tất cả các nước lớn trên thế giới?

A. Năm 1991, Việt Nam và Trung Quốc bình thường hoá quan hệ ngoại giao.

B. Năm 1995, Việt Nam và Mỹ bình thường hoá quan hệ ngoại giao.

C. Năm 1995, Việt Nam gia nhập ASEAN.

D. Năm 2007, Việt Nam gia nhập WTO.

Câu 21. Trong quá trình hoạt động tại Pháp, Nguyễn Ái Quốc đã

A. thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.

B. làm chủ nhiệm kiêm chủ bút báo Người cùng khổ.

C. làm chủ nhiệm kiêm chủ bút báo Thanh niên.

D. tham dự Hội nghị Quốc tế Nông dân lần thứ III.

Câu 22. Nội dung nào sau đây thể hiện vai trò của Nguyễn Ái Quốc tại Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1930,

A. Thành lập một chính đảng cho nhân dân ba nước Đông Dương.

B. Soạn thảo *Chính cương vắn tắt* và *Sách lược vắn tắt*.

C. Bầu Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lâm thời.

D. Soạn thảo *Chính cương chính thức* và *Sách lược chính thức*.

Câu 23. Sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh từ năm 1954 gắn liền với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa ở miền Bắc và

A. đấu tranh giải phóng miền Nam.

B. tiến hành cách mạng dân chủ ở miền Nam.

C. tiến hành cách mạng dân chủ quốc gia ở miền Nam.

D. đấu tranh chống thực dân Pháp và chính quyền thân Pháp.

Câu 24. Vai trò lớn đầu tiên của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đối với dân tộc Việt Nam đầu thế kỉ XX là

A. vận động thành lập Đảng Cộng sản Đông Dương.

B. soạn thảo Đề cương chính trị của Đảng Cộng sản Đông Dương.

C. thiết lập quan hệ chính thức với nhân dân thuộc địa.

D. tìm ra con đường cứu nước và giải phóng dân tộc.

Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý A, B, C, D ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"Mọi người sinh ra đều được tự do và bình đẳng về nhân quyền và các quyền. Mọi người đều được tạo hóa ban cho lí trí và lương tâm, và cần phải đối xử với nhau bằng tình anh em".

(Trích: Điều 1, Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền, được Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua và công bố năm 1948)

- A. Tuyên ngôn *Quốc tế Nhân quyền* của Liên hợp quốc khẳng định quyền tự do và bình đẳng của tất cả các quốc gia trên thế giới.
- B. Tuyên ngôn *Quốc tế Nhân quyền* của Liên hợp quốc thể hiện nỗ lực của tổ chức này đối với lĩnh vực bảo đảm quyền con người.
- C. Tuyên ngôn *Quốc tế Nhân quyền* của Liên hợp quốc là nguyên tắc hoạt động quan trọng nhất của tổ chức Liên hợp quốc.
- D. Từ khi thành lập đến nay, với Tuyên ngôn *Quốc tế Nhân quyền* và nhiều hoạt động khác, Liên hợp quốc đã có đóng góp lớn đối với lĩnh vực bảo đảm quyền con người.

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"Để bảo đảm nguyên tắc cao nhất là "đánh chắc thắng", cần chuyển phương châm tiêu diệt địch từ "đánh nhanh thắng nhanh" sang "đánh chắc tiến chắc". Nay quyết định hoãn cuộc tiến công. Ra lệnh cho bộ đội trên toàn tuyến lui về địa điểm tập kết, và kéo pháo ra. Công tác chính trị bảo đảm triệt để chấp hành mệnh lệnh lui quân như mệnh lệnh chiến đấu. Hậu cần chuyển sang chuẩn bị theo phương châm mới".

(Võ Nguyên Giáp, *Điện Biên Phủ – Điểm hẹn lịch sử*, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2001, tr. 107-108)

- A. Nội dung đoạn tư liệu đề cập đến giai đoạn đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.
- B. Việc hoãn cuộc tiến công và kéo pháo ra xuất phát từ nhiều lí do, trong đó chủ yếu là sự chậm trễ về mặt hậu cần.
- C. Việc chuyển phương án từ “đánh nhanh, thắng nhanh” sang “đánh chắc, tiến chắc” đã góp phần đưa đến thắng lợi của chiến dịch Điện Biên Phủ.
- D. Nội dung đoạn tư liệu cũng như những diễn biến sau đó của chiến dịch Điện Biên Phủ cho thấy bài học về sự chủ động, linh hoạt.

Câu 3. Cho bảng dữ kiện sau đây về số cán bộ y tế và giường bệnh ở Việt Nam giai đoạn 1996-2000 (chưa tính các cơ sở y tế tư nhân):

Năm	1996	1997	1998	1999	2000
Cán bộ ngành y (nghìn người), trong đó:					
Bác sĩ	31,9	32,9	34,2	37,1	39,2

Y sĩ	46,6	47,9	49,3	51,2	50,8
Y tá	45,8	46,2	46,5	45,5	46,2
Nữ hộ sinh	12,6	12,8	13,1	13,6	14,2
Bác sĩ tính bình quân cho 1 vạn dân	4,4	4,4	4,5	4,8	5,0
Giường bệnh (nghìn giường)	196,5	197,9	199,1	195,9	192,0

- A. Bảng dữ kiện thể hiện những thành tựu của lĩnh vực y tế ở Việt Nam trong những năm đầu tiên của công cuộc Đổi mới.
- B. Bảng dữ kiện cho thấy trong giai đoạn 1996 – 2000, số lượng cán bộ ngành y nhìn chung tăng trưởng đều đặn.
- C. Bảng dữ kiện cho thấy trong công cuộc Đổi mới, Việt Nam đã đạt được những thành tựu đáng khích lệ về lĩnh vực y tế, chăm sóc sức khỏe người dân.
- D. Những thành tựu về y tế trong giai đoạn này đã tạo cơ sở để Việt Nam hiện nay có nền y tế phát triển hàng đầu thế giới.

Câu 4. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"Điều mong muốn cuối cùng của tôi là: Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới".

(Hồ Chí Minh, Di chúc (1969), trích trong: *Hồ Chí Minh, Toàn tập*, Tập 15, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.624)

- A. Đoạn tư liệu phản ánh mong muốn của Chủ tịch Hồ Chí Minh sau khi Việt Nam thống nhất đất nước.
- B. Đoạn tư liệu phản ánh những mong muốn tốt đẹp của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với đất nước.
- C. Di chúc là văn bản quan trọng trong di sản của Chủ tịch Hồ Chí Minh để lại cho mai sau.
- D. Di chúc cho thấy bài học toàn dân cần thường xuyên tham gia và thúc đẩy cách mạng thế giới

ĐỀ SỐ 4

Phần I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 24. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Sự thành lập Nhà nước Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết gắn liền với yêu cầu

- A. chống lại sự tấn công của 14 nước thực dân.
- B. hoàn thành chính sách Kinh tế mới.
- C. hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau để cùng phát triển.
- D. thực hiện "Sắc lệnh hoà bình" và "Sắc lệnh ruộng đất".

Câu 2. Sự kiện nào sau đây năm 1924 được cho là đã hoàn thành quá trình thành lập Nhà nước Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết?

- A. Các quốc gia thành viên kí hiệp định liên minh về quân sự.
- B. Các nước thông qua tuyên ngôn của chính quyền Xô viết.
- C. Bản hiến pháp đầu tiên của Liên Xô được thông qua.
- D. Bộ luật nhà nước của Liên Xô được công bố.

Câu 3. Trong cuộc kháng chiến chống quân Tống (1075 – 1077), quân dân Đại Việt chặn đánh quân Tống ở địa điểm chính nào sau đây?

- A. Phòng tuyến bên bờ sông Như Nguyệt.
- B. Bãi cọc bên bờ và dưới lòng sông Bạch Đằng
- C. Phòng tuyến địa lôi bên bờ sông Thiên Đức.
- D. Bãi cọc và phòng tuyến Đa Bang.

Câu 4. Trong ba lần kháng chiến chống quân Mông - Nguyên (1258 – 1288), vua tôi nhà Trần đều

- A. phá huỷ kinh đô Thăng Long.
- B. rời bỏ kinh thành Thăng Long.
- C. rời bỏ kinh đô và rút khỏi các đô thị trên cả nước.
- D. phá huỷ các đô thị ở khu vực quan trọng về chiến lược.

Câu 5. Nội dung nào sau đây là biểu hiện của xu thế đa cực?

- A. Các trung tâm, tổ chức kinh tế, tài chính khu vực đóng vai trò chủ chốt và quyết định.
- B. Các trung tâm, tổ chức kinh tế, tài chính quốc tế và khu vực đóng vai trò ngày càng lớn.
- C. Các trung tâm, tổ chức kinh tế, tài chính khu vực đóng vai trò ngày càng mờ nhạt
- D. Các trung tâm, tổ chức kinh tế, tài chính toàn cầu chi phối toàn bộ trật tự thế giới,

Câu 6. Trong số các trung tâm quyền lực của thế giới hiện nay, Mỹ vẫn là

- A. cường quốc số 1, có sức mạnh vượt trội.
- B. cường quốc duy nhất trên thế giới có vũ khí hạt nhân.
- C. siêu cường duy nhất, thống trị các quốc gia trên thế giới.
- D. siêu cường toàn cầu, quyết định mọi vấn đề của Liên hợp quốc.

Câu 7. Tình trạng nhiều quốc gia, khu vực tạo ra thế cân bằng về kinh tế, chính trị, quân sự toàn cầu là biểu hiện của

- A. trật tự đa cực.
- B. trật tự đơn cực.
- C. trật tự nhất siêu – nhiều cường.
- D. trật tự nhất siêu – một trung tâm.

Câu 8. Nội dung nào sau đây **không** phải là mục đích thành lập ASEAN?

- A. Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong khu vực.
- B. Thúc đẩy hoà bình, ổn định khu vực.
- C. Thúc đẩy việc xây dựng một liên minh quân sự của khu vực.
- D. Thúc đẩy tiến bộ xã hội và phát triển văn hoá trong khu vực.

Câu 9. Quốc gia gia nhập ASEAN năm 1999 là

- A. Cam-pu-chia.
- B. Lào.
- C. Mi-an-ma.
- D. Phi-lip-pin.

Câu 10. Từ khi thành lập đến nay, ASEAN cũng như Cộng đồng ASEAN đều hướng đến xây dựng

- A. cộng đồng các quốc gia chia sẻ bản sắc văn hoá.
- B. cộng đồng các quốc gia trung lập và liên minh.
- C. một Đông Nam Á tự do và liên minh chặt chẽ.
- D. một Đông Nam Á hoà bình và thịnh vượng.

Câu 11. Sau Chiến dịch Biên giới thu – đông năm 1950, lực lượng kháng chiến đã

- A. giành được thế chủ động trên chiến trường chính Bắc Bộ.
- B. kiểm soát hầu hết chiến trường chính Bắc Bộ.
- C. áp đảo về lực lượng và vũ khí trước quân Pháp.
- D. Buộc Pháp phải rút khỏi đồng bằng sông Hồng.

Câu 12. Tháng 7-1953, Pháp đề ra kế hoạch Na-va với hi vọng giành một thắng lợi quân sự để

- A. tiêu diệt toàn bộ lực lượng kháng chiến.
- B. kết thúc chiến tranh trong danh dự.
- C. tạo điều kiện để kết thúc đàm phán ngoại giao.
- D. đánh chiếm hầu hết khu vực của lực lượng kháng chiến.

Câu 13. Phương châm nào sau đây trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954) đã có vai trò quan trọng, góp phần đưa đến thắng lợi cuối cùng

- A. Tự lực cánh sinh và tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế.
- B. Trường kì khởi nghĩa nhất định thành công.
- C. Vừa khởi nghĩa toàn quốc, vừa kiến thiết quốc gia
- D. Tránh chỗ yếu, đánh chỗ mạnh, đánh chắc, tiến nhanh.

Câu 14. Từ năm 1967, cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước được tiến hành trên cả ba mặt trận nào sau đây?

- A. Quân sự, địch vận, binh vận.
- B. Chính trị, văn hoá, ngoại giao.
- C. Quân sự, ngoại giao, văn hoá.
- D. Chính trị, quân sự, ngoại giao.

Câu 15. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng nội dung cơ bản của đường lối đổi mới do Đảng Cộng sản Việt Nam đề ra trong giai đoạn 1986-1995?

- A. Đổi mới chính trị là trọng tâm và đi trước.
- B. Đổi mới xã hội và chính trị là trọng tâm.
- C. Đổi mới văn hoá phải gắn với đổi mới xã hội.
- D. Đổi mới kinh tế phải gắn với đổi mới chính trị.

Câu 16. Nội dung nào sau đây **không** phải là nội dung cơ bản của đường lối đổi mới do Đảng Cộng sản Việt Nam đề ra trong giai đoạn 1996-2006?

- A. Chú trọng phát triển nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.
- B. Phát triển giáo dục, y tế và giải quyết các vấn đề xã hội.
- C. Đa phương hoá, nhất thể hoá các chính sách đối nội.
- D. Chủ động hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế.

Câu 17. Công cuộc Đổi mới ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay đã

- A. đạt được nhiều thành tựu quan trọng trên nhiều lĩnh vực.
- B. thành công và đưa Việt Nam trở thành quốc gia phát triển.
- C. đưa Việt Nam trở thành nước có thu nhập cao.
- D. hoàn thành và đạt được mục tiêu trên mọi lĩnh vực.

Câu 18. Nội dung nào sau đây là hoạt động đối ngoại của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ở một số nước châu Á trong giai đoạn 1947 – 1949?

- A. Thành lập đại sứ quán và phòng Thông tin.
- B. Thành lập đại sứ quán, lãnh sự quán.
- C. Thiết lập lãnh sự quán, phòng Thông tin tình báo.

D. Thiết lập cơ quan đại diện ngoại giao, phòng Thông tin.

Câu 19. Hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong giai đoạn kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954) có chuyển biến lớn sau sự kiện nào sau đây?

- A. Ký Tạm ước Việt – Hoa với Chính phủ Trung Quốc.
- B. Thiết lập quan hệ ngoại giao với Trung Quốc, Liên Xô.
- C. Ký Hiệp định Pa-ri với Chính phủ Pháp.
- D. Bình thường hoá quan hệ ngoại giao với Pháp.

Câu 20. Một trong những hoạt động đối ngoại nổi bật của Việt Nam từ năm 1968 đến năm 1973 là

- A. đàm phán tại Hội nghị Giơ-ne-vơ.
- B. đấu tranh yêu cầu Mỹ thi hành Hiệp định Pa-ri.
- C. đấu tranh yêu cầu các bên ngừng bắn.
- D. đàm phán, kí kết Hiệp định Pa-ri.

Câu 21. Trong quá trình hoạt động tại Pháp, Nguyễn Ái Quốc đã tham gia sáng lập tổ chức nào sau đây?

- A. Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.
- B. Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông
- C. Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Phương Đông.
- D. Hội Liên minh thuộc địa và phụ thuộc.

Câu 22. Nội dung nào sau thể hiện đúng về vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong quá trình chuẩn bị các điều kiện cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam?

- A. Chuẩn bị về tư tưởng, chính trị, tổ chức.
- B. Biên tập *Chính cương chiến lược* và *Sách lược chính trị*.
- C. Trực tiếp thành lập các tổ chức cộng sản trong năm 1929.
- D. Soạn thảo Luận cương chính trị, Sách lược chính trị.

Câu 23. Sự kiện Nguyễn Ái Quốc tham gia sáng lập Hội Liên hiệp thuộc địa đã

- A. góp phần đưa Việt Nam trở thành quốc gia lãnh đạo phong trào giải phóng thuộc địa.
- B. đưa đến sự hỗ trợ của khối Liên hiệp Pháp đối với Việt Nam trong Cách mạng tháng Tám năm 1945.
- C. đưa đến sự hỗ trợ của các nước châu Âu đối với Việt Nam trong Cách mạng tháng Tám năm 1945.
- D. góp phần xác lập mối liên hệ giữa cách mạng Việt Nam với phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

Câu 24. Hồ Chí Minh có cống hiến nổi bật đối với những phong trào nào sau đây trên thế giới?

- A. Phong trào vô sản toàn cầu, phong trào thống nhất dân tộc.
- B. Phong trào công sản khu vực, phong trào giải phóng chính quốc.
- C. Phong trào công - nông khu vực, phong trào giải phóng thực dân.
- D. Phong trào công sản quốc tế, phong trào giải phóng dân tộc.

Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý A, B, C, D ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho bảng dữ kiện sau đây về thoả thuận của Liên Xô, Mỹ và các nước phương Tây về việc phân chia phạm vi ảnh hưởng ở châu Âu và châu Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai:

Nước	Nội dung thoả thuận	
	Tại châu Âu	Tại châu Á
Liên Xô	<ul style="list-style-type: none"> - Quân đội Liên Xô đóng quân ở miền Đông nước Đức, Đông Béc-lin và các nước Đông Âu. - Vùng Đông Âu thuộc phạm vi ảnh hưởng của Liên Xô. 	<ul style="list-style-type: none"> - Khôi phục lại những quyền lợi mà nước Nga bị mất sau Chiến tranh Nga - Nhật - Tại Trung Quốc, được thuê cảng Lã Thuận làm căn cứ hải quân, được trả lại tuyến đường sắt Xi-bê-ri-a - Trường Xuân - Kiểm soát phía bắc vĩ tuyến 38 ở bán đảo Triều Tiên.
Mỹ và các nước phương Tây	<ul style="list-style-type: none"> - Quân đội Mỹ, Anh, Pháp đóng quân ở miền Tây nước Đức, Tây Béc-lin và các nước Tây Âu. - Vùng Tây Âu thuộc phạm vi ảnh hưởng của Mỹ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tại Nhật Bản: sau khi Nhật đầu hàng, quân đội Đồng minh (chủ yếu là Mỹ) sẽ đóng quân. - Kiểm soát phía nam vĩ tuyến 38 ở bán đảo Triều Tiên. - Phần còn lại của châu Á thuộc phạm vi ảnh hưởng truyền thống của các nước phương Tây.

- A. Bảng dữ kiện thể hiện sự phân chia phạm vi ảnh hưởng của các nước thuộc phe Đồng minh khi Chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn cuối.
- B. Thoả thuận cho thấy phạm vi ảnh hưởng của Mỹ và Liên Xô ở châu Âu và châu Á chênh lệch rất lớn.
- C. Nội dung của những thoả thuận trên sẽ đưa đến sự hình thành trật tự thế giới mới sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

D. Những bài học lịch sử từ quan hệ quốc tế đã đưa đến việc hiện nay Việt Nam vẫn tham gia liên minh quân sự.

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"... Hà Nội khởi nghĩa sớm hơn một số tỉnh khác, nhất là các thành phố lớn như Huế, Sài Gòn, Đà Nẵng,... là do trong khi đang gấp rút chuẩn bị khởi nghĩa thì được tin: chiều ngày 17-8-1945, Tổng hội viên chức tổ chức một cuộc mít tinh lớn tại Quảng trường Nhà hát thành phố để ủng hộ Chính phủ bù nhìn thân Nhật, chống lại cuộc khởi nghĩa của Việt Minh, Thành uỷ chủ trương huy động ngay một lực lượng đông đảo quân chúng cứu quốc do các đội tự vệ và tuyên truyền xung phong làm nòng cốt để biến cuộc mít tinh của địch thành cuộc mít tinh của ta,... Cuộc mít tinh trở thành cuộc biểu tình tuần hành, trong đó có cả một số lính bảo an cũng hoà vào dòng người, đi qua các phố lớn,...".

(Nguyễn Quyết, *Một ngày lịch sử*, trích trong: *Việt Nam trong thế kỉ XX*, Tập 1, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.88-89)

- A. Hà Nội mở đầu quá trình khởi nghĩa giành chính quyền trong Cách mạng tháng Tám năm 1945.
- B. Khởi nghĩa ở Hà Nội diễn ra nhanh chóng và có sự tham gia của đông đảo quần chúng.
- C. Khởi nghĩa thắng lợi ở Hà Nội đã quyết định thắng lợi của các cuộc khởi nghĩa ở các địa phương khác.
- D. Khởi nghĩa thắng lợi ở Hà Nội cho thấy bài học về việc xác định thời cơ và chớp thời cơ.

Câu 3. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"Tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội, phát triển văn hoá, bảo vệ môi trường. Lấy phân phối theo lao động làm hình thức chính, khuyến khích làm giàu đi đôi với giảm số người nghèo, nâng cao phúc lợi xã hội phù hợp với trình độ phát triển kinh tế, thực hiện nam nữ bình đẳng, tạo cơ hội cho mọi người đều được cống hiến và được hưởng thành quả của sự phát triển".

(Đảng Cộng sản Việt Nam, Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000 (Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII, năm 1991), trích trong: Văn kiện Đảng, Toàn tập, Tập 51, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2007, tr.902)

- A. Đoạn tư liệu thể hiện đường lối lãnh đạo về kinh tế - xã hội của Đảng Cộng sản Việt Nam.
- B. Đoạn tư liệu thể hiện quan điểm phát triển hài hoà về kinh tế, xã hội, văn hoá và môi trường.
- C. Chiến lược trên được nêu ra sau khi Việt Nam về cơ bản đã thực hiện thành công công cuộc Đổi mới.
- D. Thành tựu của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam hiện nay chủ yếu là do thực hiện công bằng xã hội.

Câu 4. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

" Tư tưởng, đạo đức khoan dung của nhân loại cộng sinh và phát triển trên nền móng của truyền thống nhân bản và yêu nước Việt Nam là bản chất và đặc điểm quán xuyên văn hoá khoan dung Hồ Chí Minh. Điều cần nhấn mạnh là trong suốt chiều dài lịch sử ở Việt Nam đã xây dựng được truyền thống tiếp xúc, giao lưu tích hợp và phát triển văn hoá khoan dung không chỉ của châu Á mà của cả châu Âu và Bắc Mỹ,... Đến văn hoá khoan dung Hồ Chí Minh, quá trình tiếp biến và khoan dung diễn ra một cách có ý thức với cơ sở lí luận, phương pháp luận được xác định rõ ràng".

(Hoàng Khải Vĩnh, Văn hóa khoan dung Hồ Chí Minh, trích trong: Việt Nam trong thế kỉ XX, Tập 4, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, tr.453)

- A. Đoạn tư liệu thể hiện nhận định và đánh giá của tác giả về văn hoá khoan dung Hồ Chí Minh.
- B. Văn hoá khoan dung Hồ Chí Minh không có khác biệt so với văn hoá khoan dung truyền thống.
- C. Văn hoá khoan dung Hồ Chí Minh đã tạo cơ sở cho văn hóa khoan dung trong truyền thống Việt Nam.
- D. Văn hoá khoan dung Hồ Chí Minh vẫn còn nguyên giá trị trong thời đại ngày nay.

ĐỀ SỐ 5

Phần 1. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 24. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Nội dung nào sau đây là ý nghĩa sự ra đời của Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết?

- A. Thể hiện sự liên minh đoàn kết giữa nước Nga và các nước Đông Âu.
- B. Thể hiện sự liên minh đoàn kết của các nước cộng hoà Xô viết đồng minh.
- C. Cho thấy công cuộc xây dựng chủ nghĩa ở Liên Xô đã thành công
- D. Cho thấy Cách mạng tháng Mười ở nước Nga đã kết thúc.

Câu 2. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng về các nước Đông Âu từ năm 1949 đến nửa đầu những năm 70 của thế kỉ XX?

- A. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và đạt được nhiều thành tựu.
- B. Tập trung thực hiện những nhiệm vụ của cách mạng dân chủ nhân dân.
- C. Lậm vào suy thoái, khủng hoảng kinh tế - xã hội trầm trọng.
- D. Tiến hành cải cách để đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng.

Câu 3. Trong trận chiến bên bờ sông Như Nguyệt trong kháng chiến chống quân Tống (1075 – 1077), giữa lúc quân Tống rơi vào tình thế khó khăn, nhà Lý đã

- A. tiếp tục tấn công địch cho đến khi toàn thắng.
- B. tấn công tiêu diệt toàn bộ quân Tống.

C. chủ động kết thúc chiến tranh bằng cách đề nghị giảng hoà.

D. chủ động kết thúc chiến tranh bằng cách xin nhà Tống cho hoà

Câu 4. Cuộc đấu tranh vũ trang lớn đầu tiên, mở đầu quá trình đấu tranh giành lại độc lập, tự chủ lâu dài của người Việt trong thời kì Bắc thuộc là

A. khởi nghĩa Mai Thúc Loan.

B. khởi nghĩa Hai Bà Trưng.

C. khởi nghĩa Phùng Hưng.

D. khởi nghĩa Lý Bí.

Câu 5. Tổ chức Liên hợp quốc chính thức được thành lập năm 1945 với sự kiện nào sau đây?

A. Các thành viên Hội đồng Bảo an soạn thảo quy chế hiến chương.

B. Các thành viên Hội đồng Bảo an thông qua dự thảo hiến chương.

C. Các nước thành viên soạn thảo Hiến chương Liên hợp quốc,

D. Các nước thành viên phê chuẩn Hiến chương Liên hợp quốc.

Câu 6. Thật từ thế giới hai cực I-an-ta sụp đổ đã tạo điều kiện gì cho các cường quốc?

A. Có vị trí, vai trò lớn hơn trong quan hệ quốc tế.

B. Thay thế vai trò dẫn đầu của Liên Xô trước đây

C. Thay thế vai trò là một cực của Liên Xô trước đây

D. Có vai trò chủ chốt và vai trò quyết định trong quan hệ quốc tế

Câu 7. Nội dung nào sau đây là nguyên nhân quan trọng và trực tiếp đưa đến sự sụp đổ của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta?

A. Xu thế toàn cầu hoá

B. Sự thay đổi trong cán cân kinh tế thế giới.

C. Sự khủng hoảng, suy yếu rồi tan rã của Liên Xô.

D. Ảnh hưởng của cuộc cách mạng Công nghiệp lần thứ hai.

Câu 8. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) được thành lập năm 1967 tại quốc gia nào sau đây?

A. Thái Lan.

B. Ma-lai-xi-a.

C. Xin-ga-po.

D. In-đô-nê-xi-a.

Câu 9. ASEAN phát triển số lượng thành viên từ 5 lên 10 nước trong giai đoạn nào sau đây?

A. 1984-1999,

B. 1995-2000.

C. 1985-1999.

D. 1996-2006.

Câu 10. Từ sau Hiệp ước Ba-li (1976), Hội nghị Thượng đỉnh là cơ chế hoạch định chính sách cao nhất của ASEAN, thay thế cho

A. Hội nghị Liên chính phủ.

B. Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao.

C. Hội nghị Bộ trưởng Kinh tế.

D. Hội nghị Tư lệnh lực lượng quốc phòng.

Câu 11. Nội dung nào sau đây thể hiện đúng về bối cảnh Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám năm 1945?

A. Chính phủ Trần Trọng Kim sụp đổ, quân Nhật rệu rã.

B. Chính phủ Trần Trọng Kim giải tán, quân Nhật đầu hàng.

C. Quân Nhật đầu hàng, Chính phủ Trần Trọng Kim chính thức tê liệt.

D. Quân Nhật rệu rã, Chính phủ Trần Trọng Kim hoang mang, dao động.

Câu 12. Một trong những nguyên nhân chủ quan dẫn đến thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 là

A. vai trò của Mặt trận Liên Việt trong việc tập hợp khối đoàn kết toàn dân.

B. sự phối hợp giữa chiến trường chính diện và chiến trường sau lưng địch.

C. sự ủng hộ của Chính phủ Trần Trọng Kim và lực lượng thân Pháp.

D. truyền thống yêu nước và tinh thần bất khuất của nhân dân Việt Nam.

Câu 13. Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 và cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân Việt Nam (1945 – 1954) đều có vị trí quan trọng, thúc đẩy quá trình nào sau đây trên thế giới?

A. Tan rã của hệ thống thuộc địa.

B. Tan rã của chủ nghĩa thực dân kiểu mới.

C. Tan rã của chế độ phân biệt chủng tộc.

D. Tan rã của chế độ người bóc lột người.

Câu 14. Chiến thắng Đường 14 – Phước Long (1-1975) và chiến thắng Buôn Ma Thuột (3-1975) của Quân Giải phóng miền Nam Việt Nam có điểm gì chung sau đây?

A. Đều do quân đội Sài Gòn chủ động tấn công trước.

B. Đều là những trận đánh thể hiện nghệ thuật nghỉ binh chiến lược.

C. Mở ra thời cơ mới cho cách mạng miền Nam.

D. Mở đầu sự sụp đổ nhanh chóng của chính quyền Sài Gòn.

Câu 15. Một trong những nội dung chính của đường lối đổi mới về kinh tế ở Việt Nam giai đoạn 1996-2006 là

- A. đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.
- B. hình thành nền kinh tế tập trung xã hội chủ nghĩa.
- C. xây dựng và hoàn thiện nền kinh tế kỹ thuật số.
- D. đa phương hoá, đa dạng hoá các quan hệ kinh tế.

Câu 16. Nội dung nào sau đây **không** phải thành tựu cơ bản của đổi mới chính trị ở Việt Nam trong công cuộc Đổi mới?

- A. Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa được phát huy và ngày càng mở rộng.
- B. Hình thành hệ thống quan điểm lí luận về đường lối đổi mới
- C. Từng bước hình thành lí luận và cơ chế tập trung quan liêu.
- D. Tình hình quốc phòng, an ninh được bảo đảm và tăng cường.

Câu 17. Nội dung đường lối đổi mới ở Việt Nam trong giai đoạn 1996 - 2000 và từ năm 2006 đến nay đều có điểm chung nào sau đây?

- A. Đẩy mạnh đô thị hoá, hiện đại hoá.
- B. Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá.
- C. Phát triển đô thị hoá, công nghiệp hoá nông nghiệp.
- D. Phát triển hiện đại hoá đô thị, công nghiệp hoá nông thôn.

Câu 18. Từ năm 1941 đến năm 1945, Đảng Cộng sản Đông Dương thể hiện chủ trương ủng hộ những lực lượng nào sau đây trong cuộc chiến chống phát xít

- A. Liên Xô và lực lượng Đồng minh.
- B. Nhật và lực lượng Đồng minh.
- C. Lực lượng Đồng minh và phe các nước xã hội chủ nghĩa.
- D. Lực lượng Đồng minh và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu.

Câu 19. Ngày 6-3-1946, đại diện Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã kí với đại diện Chính phủ Pháp văn bản nào sau đây?

- A. Hiệp định Giơ-ne-vơ.
- B. Hiệp định Sơ bộ
- C. Hiệp định Pa-ri.
- D. Tạm ước Việt - Pháp

Câu 20. Nội dung nào sau đây là điểm chung trong quan hệ đối ngoại của Việt Nam thời kì 1945-1954 và thời kì 1954-1975?

- A. Cùng cố, phát triển quan hệ với các nước xã hội chủ nghĩa.
- B. Cùng cố, phát triển quan hệ với các nước ASEAN.

C. Thực hiện các hoạt động đối ngoại vì mục tiêu thống nhất đất nước.

D. Thực hiện các hoạt động đối ngoại vì mục tiêu xây dựng miền Bắc.

Câu 21. Ngoài quê hương Nghệ An, tuổi thơ của Hồ Chí Minh còn gắn liền với địa phương nào sau đây?

A. Đà Nẵng.

B. Huế.

C. Sài Gòn.

D. Hải Phòng.

Câu 22. Chủ tịch Hồ Chí Minh phát động cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp với văn bản nào sau đây?

A. Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến.

B. Lời hiệu triệu cả nước kháng chiến.

C. Lệnh khởi nghĩa toàn quốc.

D. Lệnh kháng chiến toàn quốc.

Câu 23. Tổ chức nào sau đây là một tiền thân của Quân đội nhân dân Việt Nam, do Hồ Chí Minh ra chỉ thị thành lập vào ngày 22-12-1944?

A. Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam.

B. Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân.

C. Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.

D. Việt Nam Giải phóng quân.

Câu 24. Nội dung nào sau đây đúng về vai trò của Hồ Chí Minh đối với Đảng Cộng sản Việt Nam?

A. Sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện.

B. Xác định mô hình giải phóng giai cấp,

C. Xác định con đường phát triển xã hội.

D. Kế thừa, tổ chức và phát triển.

Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý A, B, C, D ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Tất cả các thành viên phải kiềm chế trong quan hệ quốc tế của mình, không đe dọa hoặc sử dụng vũ lực chống lại sự toàn vẹn lãnh thổ hoặc độc lập chính trị của bất kì quốc gia nào, hoặc theo bất kì cách nào khác không phù hợp với mục tiêu của Liên hợp quốc”.

(Trích: Điều 2, Hiến chương Liên hợp quốc, ngày 24-10-1945)

A. Đoạn tư liệu thể hiện nội dung về mục tiêu hoạt động cơ bản của tổ chức Liên hợp quốc.

B. Hiến chương Liên hợp quốc thể hiện sự phản đối việc đe dọa bằng vũ lực hoặc sử dụng vũ lực trong quan hệ quốc tế.

C. Hiến chương Liên hợp quốc và các nguyên tắc hoạt động đóng vai trò quan trọng trong quá trình hoạt động của tổ chức này.

D. Với nguyên tắc nói trên, từ năm 1945 đến nay, trên thế giới không còn các cuộc chiến tranh giữa các quốc gia là thành viên Liên hợp quốc.

Câu 2. Cho đoạn thông tin thống kê sau đây:

“Trong chiến dịch Điện Biên Phủ, các địa phương đã đóng góp 261 453 lượt dân công với hơn 18 triệu ngày công, 25 056 tấn gạo, 1 824 tấn thịt và thực phẩm khô, hàng nghìn tấn rau, 20 911 xe đạp thồ, 11 800 thuyền mảng. Riêng các tỉnh Tây Bắc đã đóng góp 7 360 tấn gạo, chiếm gần 50% lượng gạo sử dụng tại mặt trận và 27% lượng gạo chuẩn bị cho chiến dịch, 389 tấn thịt, 700 - 800 tấn rau xanh”.

A. Đoạn thông tin thể hiện đóng góp của nhân dân cả nước đối với chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954.

B. Sự đoàn kết góp sức của quân dân cả nước là một trong những nguyên nhân quan trọng đưa đến thắng lợi của chiến dịch Điện Biên Phủ.

C. Thắng lợi của chiến dịch Điện Biên Phủ đã điều kiện thuận lợi cho cuộc đấu tranh ngoại giao giành thắng lợi tại Hội nghị Pa-ri.

D. Đoạn thông tin cho thấy ngày nay vẫn cần tiếp tục phát huy bài học kết hợp bộ đội chủ lực và bộ đội chính quy trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân.

Câu 3. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Theo nhận thức của chúng ta, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế, vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa, nhằm mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”....”.

(Nguyễn Phú Trọng, *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2022, tr.25 – 26)

A. Đoạn tư liệu phản ánh nhận thức của Đảng Cộng sản Việt Nam về nền kinh tế kế hoạch hoá bao cấp.

B. Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa tuân theo các quy luật chung, nhưng được định hướng xã hội chủ nghĩa.

C. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là mô hình của nền kinh tế Việt Nam hiện nay trong quá trình thực hiện công cuộc Đổi mới.

D. Mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là yếu tố giúp kinh tế Việt Nam đến nay chưa bao giờ rơi vào tình trạng suy thoái.

Câu 4. Cho bảng dữ kiện sau đây về hoạt động của Hồ Chí Minh từ năm 1911 đến năm 1941:

Khoảng thời gian	Nội dung
1911-1923	Đi qua nhiều châu lục, nhiều nước, làm nhiều nghề khác nhau, có những hoạt động nổi bật tại Pháp.
1923-1924	Hoạt động chủ yếu tại Liên Xô, tham dự Hội nghị Quốc tế Nông dân lần thứ nhất, Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ V
1924-1928	Hoạt động chủ yếu tại Quảng Châu (Trung Quốc).
1928-1929	Hoạt động chủ yếu tại Xiêm (Thái Lan).
1929-1930	Trở lại Trung Quốc, triệu tập hội nghị thống nhất các tổ chức cộng sản, thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.
1930-1933	Hoạt động tại Hương Cảng, Trung Quốc và một số nước Đông Nam Á
1934-1938	Hoạt động chủ yếu tại Liên Xô, tham dự Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ VII
1939-1941	Hoạt động chủ yếu tại Trung Quốc trước khi về nước.

A. Bảng dữ kiện thể hiện những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc trong quá trình tìm đường cứu nước và hoạt động cách mạng ở nước ngoài. B. Bảng dữ kiện cho thấy trong thời kì này Nguyễn Ái Quốc chủ yếu hoạt động ở Đông Nam Á.

C. Một trong những đóng góp nổi bật của Nguyễn Ái Quốc trong thời kì này là thành lập Đảng Cộng sản Đông Dương.

D. Hành trình tìm đường cứu nước và hoạt động cách mạng của Nguyễn Ái Quốc để lại dấu ấn ở nhiều nước, một số địa phương đã lập tượng đài, nhà lưu niệm.